

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** HỘI HỌA 1
- Số tín chỉ:** 2(0,2)
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Kiến trúc
- Phân bổ thời gian:**
 - Thực hành: 60 tiết
 - Tự học : 180 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường.
- Mô tả học phần:**

Nội dung học phần gồm 2 chương: Chương I: Đầu tượng; Chương II: Bán thân. Trang bị cho sinh viên kỹ năng mô phỏng đầu tượng bằng bút chì. Giúp sinh viên hình thành khả năng phân tích hình khối, cảm nhận không gian, bóng đổ và phân biệt các sắc độ khác nhau.

8. Mục tiêu học phần:

Học phần vẽ đầu tượng giúp sinh viên nắm được hệ thống khối diễn tả được sự vật như trong không gian ba chiều trên mặt phẳng hai chiều, đồng thời hiểu và ứng dụng được luật phối cảnh vào vật mẫu và bước đầu nắm bắt được tỉ lệ, cấu trúc, hệ thống sáng tối, hình khối, đặc điểm mẫu của con người nhằm tạo nên môi trường vững chắc cho việc xây dựng hình tượng ở những bài tập sau này.

9. Nội dung học phần:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I: Đầu tượng Những kiến thức cơ bản về tỷ lệ cấu trúc đầu người I.1. Mắt, mũi, miệng, tai I.2. Đầu sọ	5	25	

I.3. Tượng lột da I.4. Tượng vật mảng thanh niên I.5. Tượng tròn thanh niên I.6. Tượng tròn nữ			
Chương II: Bán thân Những kiến thức cơ bản về tỷ lệ con người (bán thân) II.1. Bán thân nam II.2. Bán thân nữ		30	
Tổng	5	55	

10. Phần tài liệu tham khảo:

- [1] *Phối cảnh lý thuyết & thực hành* - KTS. Cổ Văn Hậu, Xây dựng Hà Nội, 2002.
[2] Lê Đức Lai. *Vẽ mỹ thuật 1,2* (sách dùng cho sinh viên học ngành kiến trúc)

11. Phương pháp đánh giá học phần

Điểm trung bình cộng các bài thực hành

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** HÌNH HỌC HỌA HÌNH
- Số tín chỉ:** 3(3,0)
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Kiến trúc, Xây dựng
- Phân bổ thời gian:**
 - Lý thuyết: 45 tiết
 - Tự học : 90 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường
- Mô tả học phần:**
 - Nội dung học phần gồm 3 phần: Thiết lập phương pháp vẽ bối cảnh phù hợp cho thể hiện công trình kiến trúc, vẽ bóng trên hình chiếu phối cảnh và thực hiện một bài tập lớn thể hiện kỹ năng áp dụng kiến thức đã học vào một công trình kiến trúc cụ thể.
- Mục tiêu học phần:**
 - Làm cơ sở cho các học phần chuyên môn như vẽ kỹ thuật, vẽ mỹ thuật, vẽ kiến trúc...
 - Rèn luyện khả năng tư duy không gian cho sinh viên để góp phần nghiên cứu sáng tạo.
- Nội dung học phần:**

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I: Điểm, đường thẳng và mặt phẳng Bài 1: Biểu diễn điểm, đường thẳng và mặt phẳng 1. Biểu diễn điểm	5		

<ul style="list-style-type: none"> 1.1. Hệ thống các mặt phẳng hình chiếu 1.2. Thành lập đồ thức một điểm 1.3. Đồ thức các điểm thường gặp 1.4. Đồ thức các điểm đặc biệt 2. Biểu diễn đường thẳng <ul style="list-style-type: none"> 2.1. Thành lập đồ thức đường thẳng 2.2. Đồ thức các đường thẳng đặc biệt 2.3. Sự liên thuộc giữa điểm và đường thẳng 2.4. Điểm tụ của đường thẳng 2.5. Vị trí tương đối giữa hai đường thẳng 3. Biểu diễn mặt phẳng <ul style="list-style-type: none"> 3.1. Các mặt phẳng đặc biệt 3.2 Sự liên thuộc giữa điểm, đường thẳng và mặt phẳng 3.3. Đường tụ của mặt phẳng 			
<p>Bài 2: Bài toán vị trí</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Vẽ giao khi một hình chiếu của nó đã biết 2. Vẽ giao khi cả hai hình chiếu của nó chưa biết 3. Vết của mặt phẳng 4. Vẽ giao của mặt phẳng cho bởi vết 	10		
<p>Chương II. Vẽ phối cảnh từ hai hình chiếu thẳng góc (phương pháp kiến trúc)</p> <p>Bài 3: Xây dựng phương pháp vẽ phối cảnh cho ngành kiến trúc</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Phương pháp: Phương pháp cơ bản 2. Phương pháp 2: Dùng tia chiếu phối cảnh 3. Phương pháp 3: Xoay mặt bằng để đáy tranh nằm ngang 4. Phương pháp 4: Dời mặt tranh ra sau vật thể 	10		
<p>Bài 4: Vẽ phối cảnh các mặt hình học thường gặp</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Vẽ phối cảnh mặt nón, mặt trụ, mặt tròn xoay, mặt 	5		

cầu			
2. Nguyên tắc chọn mặt tranh và điểm nhìn			
Bài 5: Vẽ phối cảnh các chi tiết kiến trúc	5		
1. Bậc thềm, cầu thang			
2. Đầu cột, chân cột			
3. Hóc tường, vòm			
Bài 6: Vẽ bóng trên hình chiếu phối cảnh	10		
1. Các vị trí nguồn sáng và vẽ bóng mộ điểm lên mặt phẳng vật thể			
2. Bóng của đường thẳng và hình phẳng			
3. Bóng của các mặt hình học thường gặp			
4. Bóng của các chi tiết kiến trúc			
Bài tập lớn: Vẽ phối cảnh một ngôi nhà			Thực hiện tại nhà
Tổng	45		

10. Phần tài liệu tham khảo:

- [1]. Văn Đình Thông, 2000. *Hình học họa hình Bóng - phối cảnh* - NXB ĐH Quốc gia TP.HCM
- [2] Nguyễn Quang Cự (chủ biên)- Nguyễn Mạnh Dũng- Vũ Hoàng Thái, 2006. *Bài tập hình học họa hình*.
- [3] Đoàn Như Kim (chủ biên), Nguyễn Quang Cự, Dương Tiến Thọ, 2016. *Vẽ kỹ thuật xây dựng*, NXB Giáo dục Việt Nam
- [4] Trần Hữu Qué - Nguyễn Văn Tuấn. *Bài tập vẽ kỹ thuật cơ khí Tập 1,2* NXB Giáo Dục.

11. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

12. Tên học phần: KIẾN TRÚC NHẬP MÔN

13. Số tín chỉ: 2 (2,0)

14. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

15. Ngành đào tạo: Kiến trúc

16. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp Lý thuyết: 30 tiết
- Tự học : 60 tiết

17. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Bộ môn cơ sở và tạo hình Kiến trúc

18. Mô tả học phần:

Nội dung học phần gồm 4 chương:

- Chương I: Tổng quan về kiến trúc đặc điểm và yêu cầu của kiến trúc.
- Chương II: Phân loại về kiến trúc dân dụng - phân cấp công trình dân dụng.
- Chương III: Thẩm mỹ kiến trúc.
- Chương IV: Bố cục và tổ hợp kiến trúc

19. Mục tiêu học phần:

- Hiểu rõ được chức năng nhiệm vụ của một kiến trúc sư.
- Qui trình thiết kế kiến trúc cơ bản.
- Vận dụng những qui luật vào trong công trình, đồ án thiết kế

20. Nội dung học phần:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I: Tổng quan về kiến trúc đặc điểm và yêu cầu của kiến trúc	10		

<p>I. Tổng quan về kiến trúc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm kiến trúc và không gian kiến trúc 2. Lịch sử phát triển của kiến trúc 3. vai trò của kiến trúc đối với đời sống và xã hội <p>II. Đặc điểm và yêu cầu của kiến trúc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các đặc điểm của kiến trúc 2. Yêu cầu của kiến trúc 			
<p>Chương II: Phân loại về kiến trúc dân dụng - phân cấp công trình dân dụng</p> <p>I. Phân loại về kiến trúc dân dụng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Theo tính chất xây dựng và theo qui mô công trình 2. Theo chức năng sử dụng 3. Theo độ cao 4. Theo vật liệu xây dựng và kết cấu chịu lực <p>II. Phân cấp công trình xây dựng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chất lượng sử dụng công trình 2. Tuổi thọ công trình 3. Độ chịu lửa công trình 	5		
<p>Chương III: Thẩm mỹ kiến trúc</p> <p>I. Công nghiệp hóa trong xây dựng và thiết kế xây dựng</p> <p>II. Điển hình hóa - tiêu chuẩn hóa - thống nhất hóa</p> <p>II. Khái niệm về module và tỷ lệ</p>	5		
<p>Chương IV: Bố cục và tổ hợp kiến trúc</p> <p>I. Bố cục hình khối và tổ hợp không gian</p> <p>II. Những qui luật về tỷ lệ và thị giác</p> <p>III. Ngôn ngữ thiết kế kiến trúc</p> <p>IV. Ánh sáng, màu sắc và chất liệu</p> <p>V. Không gian và cảnh quang kiến trúc</p>	10		
Tổng	30		

21. Phần tài liệu tham khảo:

- [1] Ths.KTS.Nguyễn Hữu Trí, Ths.KTS. Nguyễn Thị Kim Tú, 2011. *Đồ họa kiến trúc ,
Vẽ kỹ thuật kiến trúc*, tập 1 - NXB Xây dựng, Hà Nội
- [2] GS. TS. KTS. Nguyễn Đức Thiềm, 2016.*Khái niệm kiến trúc và cơ sở sáng tác*
NXB.Xây dựng Hà Nội-
- [3] Andrea Palladio. *Những giáo huấn vàng ngọc về kiến trúc*, NXB. Xây dựng Hà Nội-
- [4] Vitruvius, 2012. *Mười cuốn sách về kiến trúc*, NXB. Xây dựng Hà Nội.
- [5] Lê Thanh Sơn, 2013. *Một số xu hướng kiến trúc đương đại nước ngoài*, NXB.Xây
dựng Hà Nội.

22. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

23. Tên học phần: BÀI TẬP CƠ SỞ KIẾN TRÚC SỐ 1 - Đường nét và chữ số

24. Số tín chỉ: 2 (0,2)

25. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

26. Ngành đào tạo: Kiến trúc

27. Phân bổ thời gian:

- Thực hành: 60 tiết

- Tự học : 180 tiết

28. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách) : Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường.

29. Mô tả học phần:

- Bao gồm 3 phần:

- Khái niệm về đồ họa kiến trúc và bản vẽ thiết kế kỹ thuật kiến trúc.

- Thao tác căn bản sử dụng họa cụ vẽ chì.

- Khái niệm về đường nét, chữ số, ký hiệu đồ họa kiến trúc, hình chiếu thẳng góc của vật thể kiến trúc xiên, phẳng, cong.

30. Mục tiêu học phần:

- Nhằm cho sinh viên có cơ hội thực hành lý thuyết học phần Hình học họa hình. Trau dồi kỹ năng và thể hiện bản vẽ kỹ thuật có thẩm mỹ. Kỹ thuật căn bản sử dụng họa cụ. Nâng cao kỹ năng đọc và thể hiện bản vẽ kiến trúc.

31. Nội dung học phần:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
- Giúp sinh viên nắm được những quy định về nét vẽ, rèn luyện kỹ thuật căn bản sử dụng họa cụ - Luyện tập thể hiện một bản vẽ kiến trúc, đường nét - chữ	5	55	

số bằng bút chì. - Yêu cầu sinh viên áp dụng đúng quy cách thể hiện các hình chiếu, cách ghi chú kích thước - chữ số vào nội dung bản vẽ.			
Tổng	5	55	

32. Phần tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Đức Thiềm, 2005. *Khái niệm kiến trúc và cơ sở sáng tác*, NXD. Xây dựng.

[2] Ths.KTS. Nguyễn Hữu Trí, Ths.KTS Nguyễn Thị Kim Tú, 2011. *Đồ họa kiến trúc Vẽ kỹ thuật kiến trúc, tập 1*, NXB. Xây dựng, Hà Nội.

[3] Nguyễn Bá Minh- Nguyễn Sỹ Quế, 2013. *Giáo trình cơ sở kiến trúc*, NXB. Xây dựng Hà Nội

33. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Thường xuyên: 50% (các bài tập nhỏ mỗi buổi học).
- Thi cuối kỳ: 50% (Sinh viên sẽ làm một bài tập lớn. Bài tập này sẽ thay cho bài thi cuối kỳ).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: CẤU TẠO KIẾN TRÚC 1

2. Số tín chỉ: 2 (2,0)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc

5. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp Lý thuyết: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Giới thiệu các bộ phận, thành phần cấu tạo, bằng các vật liệu xây dựng và kiểu thức phù hợp theo công năng kiến trúc cùng sự tương quan giữa chúng trong các công trình kiến trúc. Vai trò, nhiệm vụ các bộ phận, các thành phần cơ bản hình thành nên công trình kiến trúc: móng, nền, tầng, cửa, mái. Một số ứng dụng KHKT và VLXD mới trong công trình dân dụng và công nghiệp.

8. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sinh viên ngành kiến trúc những kiến thức nhất định về cấu tạo kiến trúc. Làm tiêu đề giúp sinh viên tự nghiên cứu chuyên sâu vào lĩnh vực thiết kế công trình có qui mô trung bình, triển khai được các chi tiết cấu tạo kiến trúc. Đọc thành thạo bản vẽ thiết kế kiến trúc và kỹ thuật phục vụ cho công tác thi công.
- Trang bị những kiến thức về cấu trúc công trình phục vụ cho công tác chuyên môn và làm việc với các đối tác trong ngành xây dựng.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I. Khái niệm cơ bản về cấu tạo kiến trúc	10		

<p>1. Khái niệm về các bộ phận cấu tạo và hệ kết cấu chịu lực của công trình</p> <p>2. Các nhân tố ảnh hưởng đến cấu tạo kiến trúc</p> <p>2.1. Ảnh hưởng của tự nhiên</p> <p>2.2. Ảnh hưởng của con người</p>			
<p>Chương II. Cấu tạo kiến trúc các bộ phận cơ bản trong công trình dân dụng và công nghiệp</p> <p>1. Nền và móng</p> <p>2. Cột - sàn nhà - trần nhà</p> <p>3. Tường và vách ngăn</p> <p>4. Cầu thang và hành lang</p> <p>5. Balcony - Logia - Hiên nhà</p> <p>6. Cửa sổ - Cửa đi - Cửa thoát hiểm</p> <p>7. Mái nhà và các kiến trúc trên mái nhà</p> <p>8. Các bộ phận phụ khác</p> <p>9. Cấu tạo nhà công nghiệp</p>	10		
<p>Chương III: Một số ứng dụng KHKT và VLXD mới trong công trình dân dụng và công nghiệp</p> <p>1. Công nghệ xây dựng mới trong thiết kế và thi công</p> <p>2. Vật liệu xây dựng mới</p> <p>3. Một số khái niệm cấu tạo kiến trúc trong công trình công nghệ cao</p>	10		
Tổng	30		

10. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Nguyễn Minh Thái và các tác giả, 1996. *Thiết kế cấu tạo kiến trúc công nghiệp*, NXB Xây dựng
- [2]. Phan Tấn Hải, Võ Đình Diệp, Cao Xuân Lương, 2004. *Nguyên lý thiết kế cấu tạo các công trình kiến trúc*, NXB Thống kê
- [3] GS. TS. KTS. Nguyễn Đức Thiêm, 2016 *Cấu tạo kiến trúc và chọn hình kết cấu* -, NXB Xây dựng Hà Nội.

ThS.KTS.Phạm Việt Anh- PGS.TS.Nguyễn Khắc Sinh (chủ biên), 2014. Cấu tạo kiến trúc, NXB Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội & Xây dựng Hà Nội.

11. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

34. Tên học phần: HỘI HỌA 2 - Nghiên cứu thiên nhiên

35. Số tín chỉ: 2 (0,2)

36. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

37. Ngành đào tạo: Kiến trúc

38. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp Lý thuyết : 60 tiết
- Tự học: 180 tiết

39. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường.

40. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 2 chương: Chương I: Cụm cây xanh; Chương II: Kiến trúc cổ và hiện đại. Trang bị cho sinh viên kỹ năng vẽ phong cảnh bằng màu nước. Giúp sinh viên hình thành khả năng phân tích không gian, cảm nhận chất liệu bóng đổ và phân biệt các sắc độ khác nhau.

41. Mục tiêu học phần:

Học phần giúp sinh viên nắm được hệ thống không gian nhằm diễn tả được phong cảnh trong không gian ba chiều trên mặt phẳng hai chiều, đồng thời hiểu và ứng dụng được luật phối cảnh và nắm bắt được tỉ lệ, cấu trúc, hệ thống sáng tối, hình khối, đặc điểm vật liệu của vật thể nhằm tạo nên môi trường vững chắc cho việc thiết kế sau này.

42. Nội dung học phần:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I: Cụm cây xanh - Phương pháp vẽ - Bố cục	5	25	

Chương II: Kiến trúc cổ và hiện đại		30	
- Phương pháp vẽ			
- Bố cục			
- Cách thể hiện chất liệu			
Tổng	5	55	

43. Phần tài liệu tham khảo:

- [1] Các bài mẫu phong cảnh của các họa sĩ trong nước và nước ngoài.
- [2] Đặng Thái Hoàng, 2014. *Sáng tác kiến trúc*, NXB, Xây dựng Hà Nội.
- [3] Đặng Thái Hoàng. *Ngôn ngữ hình thức kiến trúc 1,2*.
- [4] Trương Kỳ. *Rèn luyện kỹ năng vẽ mỹ thuật cho thí sinh thi vào ngành kiến trúc*, NXB. Xây dựng
- [5] Nguyễn Thị Lan Hương (chủ biên)- Lê Đức Lai- Nguyễn Việt Khoa- Trần Quốc Chiến- Phạm Thị Thịnh- Vũ Thu Hiền- Lê Xuân Đại, 2014. *Giáo trình cơ sở Mỹ thuật dành cho sinh viên kiến trúc tập 1*, NXB Xây dựng Hà Nội
- [6] Nguyễn Thị Lan Hương (chủ biên)- Lê Đức Lai- Nguyễn Việt Khoa- Trần Quốc Chiến- Phạm Thị Thịnh- Vũ Thu Hiền- Lê Xuân Đại, 2014. *Giáo trình cơ sở Mỹ thuật dành cho sinh viên kiến trúc tập 2*, NXB Xây dựng Hà Nội
- [7] Nguyễn Thị Lan Hương (chủ biên)- Lê Đức Lai- Nguyễn Việt Khoa- Trần Quốc Chiến- Phạm Thị Thịnh- Vũ Thu Hiền- Lê Xuân Đại, 2014. *Giáo trình cơ sở Mỹ thuật dành cho sinh viên kiến trúc tập 3*, NXB Xây dựng Hà Nội

44. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Điểm trung bình cộng các cột điểm thực hành.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

45. Tên học phần: VẼ GHI KIẾN TRÚC

46. Số tín chỉ: 2 (0,2)

47. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

48. Ngành đào tạo: Kiến trúc

49. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp thực hành :60 tiết
- Tự học : 180 tiết

50. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường.

51. Mô tả học phần:

- Sinh viên đo đạc và thể hiện trên bản vẽ một công trình kiến trúc thực tế, giúp sinh viên có cái nhìn tổng quan về các thành phần trong một bản vẽ kiến trúc hoàn chỉnh

52. Mục tiêu học phần:

Cung cấp kiến thức cơ bản về vẽ ghi hiện trạng công trình kiến trúc và rèn luyện kỹ năng thực hiện bản vẽ ghi hình kiến trúc.

53. Nội dung học phần:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I. Các loại vẽ ghi 1. Vẽ ghi thống kê 2. Vẽ ghi cấu trúc 3. Vẽ ghi khảo cổ Chương II. Các phương pháp đo ghi kích thước các bộ phận kiến trúc 1. Các phương pháp đo ghi thủ công	5	55	

<p>2. Các phương pháp đo ghi bằng máy</p> <p>Chương III. Xử lý các sai số</p> <p>1. Nguyên nhân của các sai số</p> <p>2. Khắc phục nguyên nhân của sai số phương pháp bình sai triệt tiêu sai số</p> <p>Chương IV. Các bước cơ bản tiến hành vẽ ghi</p> <p>1. Bước 1: Nhận yêu cầu và chuẩn bị</p> <p>2. Bước 2: Tiến hành đo vẽ ghi tại hiện trường</p> <p>3. Bước 3: Thể hiện hồ sơ vẽ ghi</p>			
Tổng	5	55	

54. Phần tài liệu tham khảo:

- [1]. Nguyễn Bá Minh- Nguyễn Sỹ Quê. *Giáo trình cơ sở kiến trúc* - Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội.
- [2]. Ths.KTS. Nguyễn Hữu Trí, Ths.KTS Nguyễn Thị Kim Tú, 2011. *Đồ họa kiến trúc Vẽ kỹ thuật kiến trúc - tập 1*, NXB. Xây dựng, Hà Nội.
- [3]. Kts. Đỗ Quang Trinh, 2010. *Hướng dẫn vẽ ghi*, NXB. Xây dựng Hà Nội.

55. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Điểm bài tập lớn (100%)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: BÀI TẬP CƠ SỞ KIẾN TRÚC SỐ 2 - Thức cột cổ điển phương Tây**
- Số tín chỉ: 2 (0,2)**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành đào tạo: Kiến trúc**
- Phân bổ thời gian:**
 - Lên lớp thực hành : 60 tiết
 - Tự học 180 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường.**
- Mô tả tóm tắt học phần:**

Sinh viên thực hành cột Hi Lạp và thức cột La Mã, rèn luyện kỹ năng thể hiện các thức cột cổ điển phương Tây.
- Mục tiêu học phần:**

Nhằm giúp cho sinh viên nâng cao kỹ năng sử dụng họa cụ, rèn luyện kỹ năng thể hiện các chi tiết kỹ thuật phức tạp, đồng thời làm quen với các hình thức cột cổ điển phương Tây.
- Nội dung:**

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
1. THỨC CỘT HI LẠP <ul style="list-style-type: none">- Thức Doric- Thức Ionic- Thức Corinthian 2. THỨC CỘT LA MÃ <ul style="list-style-type: none">- Thức Toscan	5	55	

- Thức Doric			
- Thức Composite			
Tổng	5	55	

10. Phần tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Đức Thiềm, 2005. *Khái niệm kiến trúc và cơ sở sáng tác*, NXB. Xây dựng,

[2]. Ths.KTS. Nguyễn Hữu Trí, Ths.KTS Nguyễn Thị Kim Tú. *Đồ họa kiến trúc Vẽ kỹ thuật kiến trúc*, tập 1, NXB Xây dựng, Hà Nội, 2011.

[3]. TS.KTS. Nguyễn Quốc Thông, 2013. *Lịch sử xây dựng đô thị cổ đại và trung đại phương tây*, NXB Xây dựng.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

Điểm trung bình cộng các cột điểm thực hành.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: VẬT LIỆU XÂY DỰNG

2. Số tín chỉ: 2 (2,0)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc, Xây dựng

5. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp Lý thuyết: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quát về các loại vật liệu dùng trong xây dựng: các đặc điểm, công dụng và các đặc tính kỹ thuật của các loại vật liệu xây dựng. Cung cấp cho sinh viên nắm được phương pháp phân tích các chỉ tiêu cơ bản và tính toán thành phần nguyên vật liệu, cũng như một số quy trình công nghệ chủ yếu để tạo ra sản phẩm. Từ đó, sinh viên biết cách lựa chọn, sử dụng, kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và hiệu quả kinh tế của công trình.

8. Mục tiêu học phần:

- Kiến thức:
 - + Đặc điểm, công dụng và đặc tính kỹ thuật của một số loại vật liệu xây dựng cơ bản.
 - + Quy trình công nghệ chủ yếu để tạo ra các sản phẩm vật liệu xây dựng.
- Kỹ năng:
 - + Phương pháp thực nghiệm, phân tích, đánh giá các chỉ tiêu cơ bản của vật liệu xây dựng.
 - + Phương pháp tính toán thành phần nguyên liệu cho một số vật liệu hỗn hợp.
 - + Đánh giá, kiểm tra chất lượng vật liệu từ đó lựa chọn sử dụng vật liệu phù hợp cho công trình.

- Thái độ chuyên cần:
- + Dự lớp theo đúng quy định của nhà trường.
- + Tham gia làm tiểu luận nhóm và làm seminar trên lớp (bắt buộc).

9. Nội dung:

NỘI DUNG(Chương, tiết)	Lý thuyết(tiết)	Thực hành(tiết)	Ghi chú
Phần mở đầu:	1		
Chương I: Các tính chất cơ bản của vật liệu xây dựng I. Tính chất vật lý II. Các tính chất cơ học	5		
Chương II: Vật liệu đá thiên nhiên I. Khái niệm II. Phân loại III. Các khoáng vật tạo đá IV. Phương pháp khai thác và gia công V. Các loại đá thường dùng trong xây dựng VI. Tính chất và phân loại VII. Biện pháp bảo vệ vật liệu đá thiên nhiên	3		
Chương III: Vật liệu gốm xây dựng I. Khái niệm và phân loại II. Nguyên liệu chế tạo III. Công nghệ sản xuất gạch đất sét nung IV. Ngói đất sét	3		
Chương IV: Chất kết dính vô cơ I. Khái niệm chung II. Các chất kết dính vô cơ rắn trong không khí.	6		
Chương V: Bê tông I. Khái niệm và phân loại II. Nguyên liệu chế tạo III. Các tính chất cử hỗn hợp bê tông	8		

IV. Các tính chất của bê tông V. Phương pháp tính cấp phối bê tông VI. Thi công bê tông Chương VI: Vữa xây dựng I. Khái niệm và phân loại II. Thành phần nguyên liệu chế tạo vữa III. Các tính chất chủ yếu của vữa xây dựng IV. Tính chất cấp phối vữa V. Vữa đặc biệt	4		
Tổng	30		

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Phùng Văn Lợi, Phạm Duy Hữu, 2008. *Vật liệu xây dựng*, NXB. Giáo dục
2. *Tiêu chuẩn xây dựng VN*, NXB. Bộ xây dựng
3. Phùng Quang Lự - Nguyễn Anh Đức - Phạm Hữu Hanh - Trịnh Hồng Tùng, 2012. *Bài tập vật liệu xây dựng*, NXB. Giáo dục VN.
4. Phùng Văn Lự- Phạm Duy Hữu- Phan Khắc Trí, 2013. *Vật liệu xây dựng*, NXB. Giáo dục VN,
5. ThS. Phan Thế Vinh (chủ biên)- ThS. Trần Hữu Bằng, 2016. *Giáo trình vật liệu xây dựng*, NXB Xây dựng Hà Nội.

11. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: CƠ HỌC CÔNG TRÌNH

2. Số tín chỉ: 2 (2,0)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc

5. Phân bố thời gian

- Lý thuyết: 30 tiết

- Tự học: 60 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần gồm 5 chương:

Chương 1: mở đầu,

Chương 2: lý thuyết lực và hệ lực,

Chương 3: Đặc trưng hình học của tiết diện,

Chương 4: Lý thuyết ngoại lực và nội lực,

Chương 5: Các trạng thái chịu lực của thanh, đây là các nội dung cần thiết phục vụ cho mục đích kiểm tra điều kiện bền của một kết cấu hoặc cấu kiện đơn giản.

8. Mục tiêu học phần

Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về cơ học công trình. Giúp sinh viên nắm được cách chung nhất để kiểm tra điều kiện làm việc bình thường của một kết cấu.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I: Mở đầu I. Giới thiệu chung về các môn Cơ học và Kết cấu	5		

<p>công trình</p> <p>II. Nhiệm vụ học phần</p> <p>III. Phương pháp nghiên cứu</p> <p>IV. Các giả thiết</p>			
<p>Chương II: Lý thuyết lực và hệ lực</p> <p>I. Các khái niệm cơ bản và hệ tiên đề tĩnh học</p> <p>1. Các khái niệm cơ bản</p> <p>2. Hệ tiên đề tĩnh học</p> <p>3. Các loại gối tựa và phản lực gối tựa</p> <p>II. Hệ lực phẳng và điều kiện cân bằng của hệ lực phẳng</p> <p>1. Hai đặc trưng của hệ lực phẳng</p> <p>2. Thu gọn hệ lực phẳng về một điểm</p> <p>3. Điều kiện cân bằng của hệ lực phẳng</p>	10		
<p>Chương III: Đặc trưng hình học của tiết diện</p> <p>I. Momen tĩnh, hệ trục trung tâm, trọng tâm</p> <p>1. Momen tĩnh</p> <p>2. Hệ trục trung tâm</p> <p>3. Trọng tâm</p> <p>II. Momen quán tính đối với một trục, một điểm</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Momen quán tính của một số hình đơn giản</p> <p>3. Công thức chuyển trục song song của momen quán tính</p>	10		
<p>Chương IV: Lý thuyết ngoại lực và nội lực</p> <p>I. Ngoại lực</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Phân loại</p> <p>II. Nội lực</p> <p>1. Các khái niệm</p>	10		

<p>2. Các nguyên nhân gây ra nội lực</p> <p>3. Các phương pháp mặt cắt để xác định phản lực và nội lực</p> <p>III. Biểu đồ nội lực</p>			
<p>Chương V: Các trạng thái chịu lực của thanh</p> <p>I. Thanh chịu kéo (nén) đúng tâm</p> <p>1. Định nghĩa</p> <p>2. Tính ứng suất pháp trên mặt cắt ngang</p> <p>3. Tính biến dạng dài</p> <p>4. Biến dạng ngang – hệ số Poission</p> <p>5. Các đặc trưng cơ học của vật liệu</p> <p>6. Ứng suất cho phép – điều kiện bền</p> <p>7. Ba bài toán cơ bản</p> <p>II. Thanh chịu uốn thuần túy thẳng</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Ứng suất trên mặt cắt ngang</p> <p>3. Ba bài toán cơ bản</p> <p>4. Khái niệm về tiết diện hợp lý của thanh chịu uốn</p> <p>III. Thanh chịu uốn ngang phẳng</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Ứng suất trên mặt cắt ngang</p> <p>3. Các công thức tính chuyển vị cho một số sơ đồ tính đơn giản</p> <p>4. Ba bài toán cơ bản</p> <p>IV. Các trạng thái chịu lực khác (giới thiệu)</p>	10		
Tổng	45		

10. Phần tài liệu tham khảo:

[1]. *Bài tập sức bền vật liệu* – Phạm Ngọc Khánh – NXB Xây dựng, 2005.

[2]. PGS.TS. Nguyễn Văn Thêm - KS. Vũ Duy Linh, 2014. *Xây dựng Hà Nội*, NXB. Giáo trình cơ học lý thuyết

[3]. *Cơ học kết cấu*, 2011. NXB. Hội cơ học VN.

[4]. Đỗ Sanh, Nguyễn Văn Vương. *Cơ học ứng dụng*, NXB. Giáo Dục.

[5]. Lê Trung Cường, 2011. *Cơ học kết cấu*, NXB Xây dựng

[6]. Đỗ Như Lân, Trần Đức Trung, 2011. *Cơ học ứng dụng*, NXB Xây dựng

[7]. Ngô Kiều Nhi, Trương Tích Thiện, 2011. *Cơ ứng dụng*, NXB Xây dựng

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: BỐ CỤC TẠO HÌNH

2. Số tín chỉ: 2 (2,0)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc

5. Phân bố thời gian

- Lý thuyết: 30 tiết

- Tự học : 60 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về bố cục tạo hình, sự xuất hiện của khối, màu sắc, vật liệu,... làm thay đổi cảm nhận về không gian. Bằng kiến thức đó sinh viên dùng các chất liệu khác nhau để thực hành nhằm rèn luyện kỹ năng làm mô hình và thể hiện ý tưởng, không gian.

8. Mục tiêu học phần:

Giúp cho sinh viên kiến thức cơ bản về phương pháp tạo hình trong không gian kiến trúc, phát triển khả năng tư duy và tổ chức không gian trong kiến trúc.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
1. Lý thuyết Sự xuất hiện của khối làm thay đổi cảm nhận về không gian. Hình dạng, kích thước, vật liệu, màu sắc của khối có tác dụng đến cảm nhận chúng ta với không gian: trống trải hay ngột ngạt, động hay tĩnh, đơn điệu hay đa dạng,	15		

<p>vui hay buồn,...Các khối được gắn kết với nhau thành một tổ hợp có nhiều mặt đứng nhìn từ nhiều hướng khác nhau. Các mặt đứng này có ảnh hưởng đến giá trị không gian xung quanh, sự phong phú của không gian sẽ tùy thuộc vào sự thay đổi nhiều góc nhìn khác nhau tới tổ hợp khối.</p>			
<p>2. Bố cục ý tưởng</p> <p>Thể hiện bố cục bằng chì trên giấy: dựng mặt bằng, các mặt dựng. Yêu cầu: Phần nền 22 x 22cm được xem như phạm vi giới hạn của bố cục, tất cả điểm nhìn đều phải được đặt trong phạm vi giới hạn đó.</p>		15	
<p>3. Hoàn thiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện bố cục trên mô hình bằng bìa cứng - Yêu cầu: + Mô hình được thực hiện bằng một chất liệu bìa cứng duy nhất (kể cả phần nền) + Xác định tỉ lệ con người trên mô hình + Khung tên và ghi chú thêm (nếu có) ghi ở mặt dưới mô hình. + Mô hình thực hiện chính xác, đơn giản và sạch sẽ. + <i>Bài tự chọn</i> (sinh viên có thể nộp bổ sung để nhấn mạnh thêm ý đồ sáng tác). Thể hiện bố cục trên mô hình bằng bìa cứng với việc bổ sung chất liệu hay màu sắc khác nhau của khối và nền, hoặc biến đổi những khối hình học thành những khối hữu cơ nhằm tạo thêm những khối không gian sinh động cho tổ hợp. 		15	
Tổng	15	30	

10. Tài liệu tham khảo:

[1]. *Bài tập cơ sở kiến trúc* – Nguyễn Ngọc Giả, Võ Đình Diệp.

[2]. *Architecture: Form, Space and Order* – Francis D.K Ching – NXB Van Nostrand Reinhold, New York, 1996.

[3]. GS. TS. KTS. Nguyễn Đức Thiêm, 2016. Khái niệm kiến trúc và cơ sở sáng tác, NXB Xây dựng Hà Nội.

[4]. Andrea Palladio, 2012. Những giáo huấn vàng ngọc về kiến trúc, NXB Xây dựng Hà Nội.

[5]. Vitruvius, 2012. Mười cuốn sách về kiến trúc, NXB Xây dựng Hà Nội

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (các bài tập nhỏ mỗi buổi học).
- Thi cuối kỳ: 50% (Sinh viên sẽ làm một bài tập lớn. Bài tập này sẽ thay cho bài thi cuối kỳ).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: NGUYÊN LÝ THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

2. Số tín chỉ: 3 (3,0)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc

5. Phân bố thời gian

- Lý thuyết: 45 tiết
- Tự học: 90 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Nội dung học phần cung cấp những phương pháp bố cục, tổ hợp, tổ chức không gian bên trong và bên ngoài công trình, nhằm đạt yêu cầu sử dụng, thẩm mỹ và các yêu cầu kỹ thuật có liên quan. Bao gồm 5 chương: Chương 1: Thiết kế kiến trúc công trình công cộng, Chương 2: Nguyên tắc bố cục kiến trúc, Chương 3: Nguyên tắc thiết kế không gian mặt bằng kiến trúc, Chương 4: Nguyên tắc thiết kế hình khối kiến trúc, Chương 5: Các vấn đề kỹ thuật trong công trình kiến trúc.

8. Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, phương pháp căn bản trong việc thiết kế kiến trúc các công trình công cộng.
- Trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản để sử dụng, vận dụng trong hoạt động nghề nghiệp thiết kế công trình kiến trúc.
- Giúp sinh viên nắm vững trình tự của quá trình thiết kế kiến trúc các đồ án kiến trúc trong nhà trường.
- Xây dựng những kiến thức cơ bản ban đầu cho sinh viên về các yếu tố tạo thành một tác phẩm kiến trúc: Môi trường – qui hoạch, chức năng – tiện nghi, kỹ thuật – vật liệu, hình thức – thẩm mỹ kiến trúc.

9. Nội dung:

NỘI DUNG	Lý thuyết	Thực hành	Ghi chú
----------	-----------	-----------	---------

(Chương, tiết)	(tiết)	(tiết)	
<p>Chương I: Thiết kế kiến trúc công trình công cộng</p> <p>I. Đặc điểm kiến trúc công trình công cộng</p> <p>II. Phân loại kiến trúc công trình công cộng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phân loại theo chức năng sử dụng 2. Phân loại theo quy mô (tầng cao, diện tích, cấp độ, tiện nghi, cấp loại, số lượng, số đơn vị quy ước) 3. Phân loại theo đặc điểm sử dụng 4. Phân loại theo tính chất kỹ thuật đặc thù <p>III. Các bộ phận không gian chức năng trong công trình công cộng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1 Không gian sử dụng chính 2. Không gian sử dụng phụ 3. Không gian giao thông 4. Không gian đặc thù (thông tầng, mặt đứng, sân bên trong – sân bên ngoài) <p>IV. Nội dung chức năng và dây chuyền sử dụng công trình công cộng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nội dung các bộ phận chức năng của công trình 2. Dây chuyền sử dụng trong công trình 3. Thực hành thiết kế sơ đồ BPCN và DCSD một công trình kiến trúc cụ thể. <p>V. Các vấn đề kỹ thuật trong công trình kiến trúc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Yêu cầu phòng cháy – chữa cháy trong công trình công cộng 2. Yêu cầu thoát người trong công trình công cộng <p>VI. Yêu cầu điều kiện nhìn trong công trình công cộng (khán đài – khán phòng)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Yêu cầu tầm nhìn 2. Độ vượt tia nhìn 3. Khoảng cách xa nhất cho phép 4. Nguyên tắc thiết kế độ dốc của khán đài và nền dốc 	10		

của khán phòng			
<p>Chương II: Nguyên tắc bố cục kiến trúc</p> <p>I. Khái niệm chung về nguyên tắc bố cục kiến trúc</p> <p>II. Các nguyên tắc cơ bản về bố cục kiến trúc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyên tắc thống nhất và biến hóa 2. Nguyên tắc chủ yếu – thứ yếu 3. Nguyên tắc tâm và trục bố cục kiến trúc 4. Nguyên tắc cân bằng - ổn định trong kiến trúc 5. Nguyên tắc tỷ lệ trong kiến trúc 6. Nguyên tắc thị sai trong kiến trúc 	10		
<p>Chương III: Nguyên tắc thiết kế không gian mặt bằng kiến trúc</p> <p>I. Khái niệm không gian mặt bằng kiến trúc</p> <p>II. Các vấn đề quyết định giải pháp thiết kế không gian mặt bằng kiến trúc (các bước thiết kế)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phân khu chức năng (bước 1) 2. Bộ phận chính – phụ (bước 2) 3. Giao thông đối nội – đối ngoại (bước 3) 4. Bố cục dây chuyền sử dụng (bước 4) 5. Thực hành nghiên cứu trình tự các vấn đề qua một công trình kiến trúc cụ thể <p>III. Các yếu tố ảnh hưởng đến giải pháp thiết kế không gian mặt bằng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quá trình khai thác chức năng sử dụng trong công trình hiện hữu 2. Yếu tố địa thế và bao cảnh xung quanh của vị trí xây dựng 3. Đặc điểm về giải pháp kết cấu và cấu tạo kiến trúc 4. Các nhiệm vụ nghệ thuật kiến trúc của công trình 5. Tính kinh tế trong giải pháp bố cục tổng thể công trình <p>IV. Các giải pháp bố cục không gian mặt bằng kiến trúc</p>	10		

<p>1. Nguyên tắc chung</p> <p>2. Các giải pháp bố cục</p> <p>V. Các giải pháp phân khu không gian mặt bằng kiến trúc</p> <p>1. Giải pháp phân khu theo tòa nhà riêng biệt (hợp khối)</p> <p>2. Giải pháp phân khu theo cánh nhà (đơn nguyên)</p> <p>3. Giải pháp phân khu theo tầng nhà</p>			
<p>Chương IV. Nguyên tắc thiết kế hình khối kiến trúc</p> <p>I. Khái niệm hình khối mặt đứng</p> <p>II. Các giải pháp tổ hợp hình khối mặt đứng</p> <p>1. Tổ hợp mặt đứng</p> <p>2. Tổ hợp không gian mặt đứng</p> <p>3. Tổ hợp hình khối</p> <p>III. Nguyên tắc thiết kế hình khối kiến trúc</p> <p>1. Nguyên tắc chung (5 nguyên tắc căn bản)</p> <p>2. Các giải pháp thiết kế</p> <p>IV. Nguyên tắc thiết kế mặt đứng công trình kiến trúc</p> <p>Nguyên tắc chung (5 nguyên tắc cơ bản)</p>	10		
<p>Chương V. Các vấn đề kỹ thuật trong công trình kiến trúc</p> <p>1. Kết cấu công trình</p> <p>2. Hệ thống kỹ thuật và trang thiết bị: điện, nước, thông gió,...</p> <p>3. Vật lý kiến trúc: Khí hậu – Quang học – Nhiệt</p>	5		
Tổng	45		

10. Phần tài liệu tham khảo:

- [1]. Nguyên lý thiết kế Kiến trúc – Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM.
- [2]. Nguyên lý thiết kế Kiến trúc – Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội.
- [3]. Bài giảng điện tử: Nguyên lý thiết kế Kiến trúc – KTS. Đoàn Trịnh Hiền.
- [4]. Lý thuyết sáng tác kiến trúc – Trần Bút – Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM, 1997.

[5]. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng* – GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm – NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2004.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: MỸ HỌC ĐẠI CƯƠNG

2. Số tín chỉ: 2 (2,0)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc

5. Phân bố thời gian

- Lý thuyết : 30 tiết

- Tự học: 60 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Nội dung học phần gồm 3 phần,

Phần I: Đối tượng Mỹ học;

Phần II: Mối quan hệ thẩm Mỹ;

Phần III: Nghệ thuật từ góc nhìn mỹ học. Như vậy, chương trình đi từ khái quát đến cụ thể, gắn với đời sống sinh viên và hoàn cảnh cụ thể.

8. Mục tiêu học phần:

- Để góp phần xây dựng đời sống thẩm mỹ phong phú, lành mạnh của con người và xã hội, chương trình trang bị những kiến thức cơ bản, hiện đại, hệ thống và tương đối toàn diện về mỹ học, nhằm tạo cho sinh viên có kiến thức và có khả năng cảm thụ, đánh giá và sáng tạo cái đẹp cho cuộc sống, cho bản thân và cho nghệ thuật.
- Thái độ, chuyên cần: Sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc, chăm chỉ.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
PHẦN I: ĐỐI TƯỢNG MỸ HỌC	5		
I. Quá trình xác định đối tượng mỹ học trong lịch			

<p>sử</p> <p>1. Mỹ học là khoa học về cái đẹp</p> <p>2. Mỹ học là triết học về nghệ thuật</p> <p>II. Đối tượng mỹ học theo quan điểm hiện đại</p> <p>1. Mỹ học nghiên cứu mối quan hệ thẩm mỹ</p> <p>2. Mỹ học nghiên cứu nghệ thuật như là biểu hiện tập trung của mối quan hệ thẩm mỹ</p>			
<p>PHẦN II: MỐI QUAN HỆ THẨM MỸ</p> <p>Chương I. Khái quát về mối quan hệ thẩm mỹ</p> <p>I. Mối quan hệ thẩm mỹ là gì?</p> <p>II. Đặc tính của mối quan hệ thẩm mỹ</p> <p>1. Tính tinh thần</p> <p>2. Tính xã hội</p> <p>3. Tính cảm tính</p> <p>4. Tính tình cảm</p>	5		
<p>Chương II. Chủ thể thẩm mỹ</p> <p>I. Khái niệm chủ thể thẩm mỹ</p> <p>1. Thế nào là chủ thể thẩm mỹ?</p> <p>2. Các hình thái tồn tại cơ bản của chủ thể thẩm mỹ</p> <p>II. Các phạm trù biểu hiện chủ thể thẩm mỹ</p> <p>1. Ý thức thẩm mỹ</p> <p>2. Cảm xúc thẩm mỹ</p> <p>3. Thị hiếu thẩm mỹ</p> <p>4. Lý tưởng thẩm mỹ</p>	5		
<p>Chương III: Đối tượng thẩm mỹ</p> <p>I. Khái niệm đối tượng thẩm mỹ</p> <p>1. Đặc tính của đối tượng thẩm mỹ</p> <p>2. Các phạm trù mỹ học tích cực và tiêu cực</p> <p>3. Cái đẹp là phạm trù mỹ học trung tâm</p> <p>II. Cái đẹp</p>	5		

<p>1. Đặc điểm của cái đẹp</p> <p>2. Cái đẹp trong tự nhiên</p> <p>3. Cái đẹp trong xã hội</p> <p>4. Cái đẹp trong nghệ thuật</p> <p>III. Cái cao cả, cái bi, cái hài</p> <p>1. Cái cao cả</p> <p>2. Cái bi</p> <p>3. Cái hài</p>			
<p>Phần III. NGHỆ THUẬT TỪ GÓC NHÌN MỸ HỌC</p> <p>Chương I: Đặc trưng Của Nghệ Thuật</p> <p>I. Nghệ thuật là gì?</p> <p>II. Đối tượng của nghệ thuật</p> <p>III. Nội dung của nghệ thuật và hình thức của nghệ thuật</p> <p>3.1. Nội dung của nghệ thuật</p> <p>3.2. Hình thức của nghệ thuật</p> <p>3.3. Sự thống nhất hữu cơ giữa nội dung và hình thức nghệ thuật</p> <p>IV. Hình thức nghệ thuật</p> <p>4.1. Tư duy hình tượng và tư duy lý luận</p> <p>4.2. Đặc điểm của hình tượng nghệ thuật</p> <p>4.3. Điều kiện xây dựng hình tượng</p>	5		
<p>Chương II: CÁC LOẠI HÌNH NGHỆ THUẬT</p> <p>I. Những khuynh hướng sai lầm khi phân chia các loại hình nghệ thuật</p> <p>I. Các cách phân chia loại hình nghệ thuật hiện đại</p>	5		
Tổng	30		

10. Tài liệu tham khảo:

[1]. - Đỗ Văn Khang, Đỗ Huy, 1985. *Mỹ học Mac-Lenin*, NXB ĐH & THCN, Hà Nội.

[2]. Iu. Lukin, V.Xcachresicôp, 1984. *Nguyên lý Mỹ học Mac-Lenin*, NXB Sách giáo khoa Mac - Lenin, Hà Nội.

11. Phương pháp đánh giá học phần

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: CẤU TẠO KIẾN TRÚC 2

2. Số tín chỉ: 2 (2,0)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc, Xây dựng

5. Phân bố thời gian

- Lý thuyết : 30 tiết

- Tự học: 60 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mục tiêu học phần:

- Trang bị kiến thức để sinh viên hiểu được các nguyên tắc cơ bản trong việc thiết kế cấu tạo tùy thuộc vào vị trí, chức năng, nhiệm vụ, vật liệu sử dụng và kỹ thuật xây dựng thích hợp.

- Phương pháp tư duy sáng tạo ứng dụng trong thiết kế cấu tạo kiến trúc để vận dụng tùy theo các điều kiện về công nghệ, kỹ thuật, vật liệu, về điều kiện kinh tế.

8. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu tạo chi tiết của nhà dân dụng gồm 6 chương: Chương 1: cấu tạo công trình, Chương 2: cấu tạo tường công trình, Chương 3: cấu tạo cửa công trình, Chương 4: cấu tạo sàn công trình, Chương 5: cấu tạo mái công trình, Chương 6: cấu tạo cầu thang trong công trình kiến trúc.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I: Cấu tạo móng công trình 1. Yêu cầu chung 2. Khái quát về nền chịu tải	5		

<ul style="list-style-type: none"> 3. Khái quát về móng 4. Các bộ phận của móng 5. Phân loại móng 6. Phương pháp bố trí móng và cột trong công trình 7. Khái quát, nhiệm vụ và giải pháp xử lý tại khe biến dạng trên móng 8. Nguyên tắc và giải pháp chống thấm cho móng, tường móng, bản sàn tầng hầm 9. Nguyên tắc và giải pháp cấu tạo cho nền sàn tầng trệt 			
<p>Chương II: Cấu tạo tường công trình</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Yêu cầu chung 2. Phân loại tường 3. Các thành phần và bộ phận trên cấu trúc tường xây 4. Cấu tạo tường xây gạch 5. Cấu tạo các bộ phận tăng cường khả năng chịu lực cho tường 6. Nguyên tắc, vật liệu, cấu trúc và giải pháp từng ở các vị trí 7. Hoàn thiện bề mặt tường 8. Khái quát, nhiệm vụ và giải pháp xử lý tại khe biến dạng trên tường 9. Cấu tạo tường vách 10. Nguyên tắc và giải pháp chống thấm cho tường 	5		
<p>Chương III: Cấu tạo cửa công trình</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Yêu cầu chung 2. Vật liệu 3. Cấu tạo cửa đi 4. Cấu tạo cửa sổ 	5		
<p>Chương IV: Cấu tạo sàn công trình</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Yêu cầu chung 	5		

<ul style="list-style-type: none"> 2. Phân loại sàn 3. Các thành phần và bộ phận trên cấu trúc sàn 4. Cấu tạo sàn vật liệu gỗ 5. Cấu tạo sàn vật liệu kim loại 6. Cấu tạo sàn vật liệu bê tông cốt thép 7. Cấu tạo sàn vật liệu bê tông hỗn hợp 			
<p>Chương V: Cấu tạo mái công trình</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Yêu cầu chung 2. Vật liệu 3. Phân loại mái 4. Độ dốc mái 5. Hình thức mái 6. Các thành phần và bộ phận cấu trúc mái 7. Cấu tạo mái dốc 8. Cấu tạo mái bằng 	5		
<p>Chương VI: Cấu tạo cầu thang trong công trình kiến trúc</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Yêu cầu chung 2. Phân loại cầu thang 3. Các thành phần và bộ phận trên cấu trúc cầu thang 4. Tham số cấu tạo các bộ phận 5. Cấu trúc các bộ phận chịu lực của thân thang 6. Cấu trúc các bộ phận hoàn thiện của thân thang 7. Cấu trúc hệ thống lan can, tay vịn 8. Phương pháp thiết kế cầu thang trong mặt bằng công trình kiến trúc 	5		
Tổng	30		

10. Phần tài liệu tham khảo:

- [1]. GS.TS Nguyễn Đức Thiềm, GS.TS. Nguyễn Mạnh Thu, GS.TS. Trần Bú, 2005. *Cấu tạo kiến trúc nhà dân dụng*. NXB Khoa học và Kỹ thuật.

[2]. Phan Tấn Hải, Võ Đình Diệp, Cao Xuân Lương, 2004 *Nguyên lý cấu tạo kiến trúc*, NXB Thống kê.

Cấu tạo kiến trúc, NXB ĐHKT Hà Nội Xây dựng

Tạ Trường Xuân . *Nguyên lý thiết kế công trình kiến trúc công cộng*, NXB Xây dựng

GT-Cấu tạo kiến trúc nội thất , NXB Hà Nội

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: ĐIỀU KHẮC

2. Số tín chỉ: 2 (0,2)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc

5. Phân bố giảng dạy

- Thực hành: 60 tiết

- Tự học : 180 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Bao gồm hai phần:

- Phần lý thuyết: Tìm hiểu lịch sử mỹ thuật từ cổ đại đến ngày nay, về các bố cục trong sáng tác điêu khắc của các bậc tiền bối Thế giới và Việt nam, phân tích khoa học về cấu trúc sọ người và khuôn mặt.

- Phần thực hành: sinh viên thực hành thể hiện chân dung tượng người theo mẫu bằng đất, hoặc một tượng ở dạng Torse (2/3 người) theo mẫu.

8. Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về phương pháp tạo hình trong không gian thực, có một tri thức khái quát về lịch sử mỹ thuật từ thời cổ đại đến thời phục hưng và từ thời phục hưng đến thời đương đại.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
1. Lược sử mỹ thuật từ cổ đại đến ngày nay.	10		
2. Tìm hiểu về xá bố cục trong các sáng tác điêu khắc của các bậc tiền bối Thế giới và Việt nam.			
3. Phân tích khoa học về cấu trúc sọ người và khuôn			

mặt.			
Bài tập 1 Chép theo mặt tượng thanh niên vạt mảng		10	
Bài tập 2 Chép theo hình chạm nổi (Đầu thiếu nữ)		10	
Bài tập 3 Chép theo tượng người 2/3 (Torse)		10	
Bài tập 4 Sáng tác tượng sân vườn		10	
Bài tập 5 Sáng tác khu trò chơi thiếu nhi		10	
Tổng	10	50	

10. Tài liệu tham khảo:

- [1].KTS. Cổ Văn Hậu, 2002. Phối cảnh lý thuyết & thực hành. NXB. Xây dựng Hà Nội.
- [2]. Chương trình giảng dạy điêu khắc ở trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương.
- [3]. Chương trình giảng dạy điêu khắc ở trường Đại học Kiến trúc TP.HCM.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

Điểm trung bình cộng các bài thực hành.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** NGUYÊN LÝ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC NHÀ Ở
- Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Kiến trúc
- Phân bố thời gian**
 - Lý thuyết: 30 tiết
 - Tự học: 60 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường
- Mô tả tóm tắt học phần:**

Giới thiệu những nguyên tắc và phương pháp thiết kế các loại hình Nhà ở, tổ chức không gian ở phù hợp với những đối tượng ở khác nhau, đảm bảo sự hợp lý, tiện nghi, tiện dụng, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và thẩm mỹ như: kết cấu công trình, vật lý kiến trúc, môi trường, cấu tạo, sử dụng vật liệu, tổ chức thẩm mỹ trong và ngoài công trình,...

8. Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kiến trúc Nhà ở. Giúp sinh viên nắm được những nguyên tắc thiết kế và các tiêu chuẩn quy phạm cần thiết để có thể tiếp cận với đồ án kiến trúc Nhà ở trong nhà trường cũng như trong thực tế.
- Xây dựng những kiến thức cơ bản ban đầu cho sinh viên về các yếu tố tạo thành một tác phẩm kiến trúc: Môi trường – qui hoạch, chức năng – tiện nghi, kỹ thuật – vật liệu, hình thức – thẩm mỹ kiến trúc.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I: Những vấn đề cơ bản về kiến trúc Nhà ở I. Khái quát về nhu cầu cư trú I. Khái niệm và quá trình phát triển của Kiến trúc	5		

<p>Nhà ở</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm nhà ở 2. Quá trình phát triển của kiến trúc nhà ở <p>III. Phân loại nhà ở</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phân loại theo chức năng và phương thức tổ hợp 2. Phân loại theo giải pháp mặt bằng 3. Phân loại theo hình thức kiến trúc và kết cấu công trình 4. Phân loại theo phương pháp xây dựng và vật liệu 5. Phân loại theo không gian cư trú (địa bàn cư trú) 6. Phân loại theo cơ cấu hộ gia đình và đối tượng cư trú <p>IV. Các chức năng cơ bản của Nhà ở trong xã hội hiện đại</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bảo vệ và phát triển thành viên 2. Tái tạo sức lao động 3. Chức năng văn hóa giáo dục 4. Chức năng giáo dục xã hội ban đầu 5. Chức năng kinh tế <p>V. Yêu cầu chung của Nhà ở trong xã hội hiện đại</p>			
<p>Chương II: Các yếu tố tác động đến Kiến trúc Nhà ở</p> <p>I. Yếu tố tự nhiên</p> <p>II. Yếu tố xã hội</p> <p>III. Yếu tố mỹ quan trong kiến trúc Nhà ở</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các cơ sở qui hoạch, Giao thông đô thị và cảnh quan khu ở 2. Xử lý thẩm mỹ công trình <p>IV. Yếu tố kinh tế kỹ thuật</p>	5		
<p>Chương III: Các không gian chức năng trong Nhà ở</p> <p>I. Phân khu chức năng trong Nhà ở</p> <p>II. Các thành phần phòng ốc trong Nhà ở</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các phòng chính <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Phòng tiếp khách 1.2. Phòng sum họp gia đình 1.3. Phòng ngủ 	5		

<ul style="list-style-type: none"> 1.4.Phòng ăn 1.5.Khu bếp 2. Các phòng phụ <ul style="list-style-type: none"> 2.1.Tiền sảnh 2.2.Phòng thờ 2.3.Phòng làm việc 2.4.Khu vệ sinh 2.5.Kho và tủ giường 2.6.Nhà xe, khu giặt ủi 2.7 .Ban công, logia, giếng trời 3. Kích thước con người và các thao tác 			
<p>Chương IV: Tổ chức không gian chức năng trong các loại Nhà ở điển hình</p> <p>I.Tổ chức không gian Kiến trúc trong Nhà ở riêng lẻ</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Đặc điểm chung 2. Nhà ở nông thôn <ul style="list-style-type: none"> 2.1.Nhà ở nông thôn truyền thống vùng Bắc Bộ 2.2.Nhà ở nông thôn truyền thống vùng Trung Bộ 2.3 . Nhà ở nông thôn truyền thống vùng Nam Bộ 3. Nhà kiên kết <ul style="list-style-type: none"> 3.1.Tổng quan về nhà liên kết 3.2.Nhà liên kết trong quá trình hình thành đô thị 3.3. Các yêu cầu chung khi thiết kế nhà liên kết 3.4. Các giải pháp kiến trúc (cơ cấu căn hộ, giải pháp mặt bằng, mặt đứng, tổ chức nội thất) 4. Nhà biệt thự <ul style="list-style-type: none"> 4.1.Tổng quan về nhà biệt thự 4.2. Các yêu cầu về thiết kế nhà biệt thự 4.3. Các giải pháp thiết kế nhà biệt thự (giải pháp thiết kế tổng mặt bằng, giải pháp tổ chức không gian nhà chính, các thủ pháp tổ hợp kiến trúc mặt đứng, tổ chức sân vườn, hồ bơi, cổng, hàng rào) <p>II.Tổ chức không gian kiến trúc trong Nhà chung cư</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Đặc điểm chung 2. Quy hoạch tổng thể khu nhà ở 3. Chung cư thấp tầng 	15		

4. Chung cư cao tầng			
Tổng	30		

10. Phân tài liệu tham khảo:

- [1]. *Giáo trình thiết kế kiến trúc nhà dân dụng* – Bộ Xây Dựng – NXB Xây Dựng.
- [2]. Nguyễn Kim Sến, 1982. *Những vấn đề cơ bản về kiến trúc*, NXB. Trường Đại học Kiến trúc Tp.HCM
- [3]. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng* – Trường Đại học Kiến trúc, 1987.
- [4]. Trần Bút, 1997. *Lý thuyết sáng tác kiến trúc* — Trường ĐH Kiến trúc Tp.HCM
- [5]. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm, 2004. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- [6]. Đặng Thái Hoàng, 1996. *Kiến trúc Nhà ở*, NXB Xây dựng
- [7]. Trần Quốc Bảo, 2005. *Các giải pháp kiến trúc khí hậu Việt Nam*, NXB Khoa học kỹ thuật.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: THIẾT KẾ NHANH 1**
- Số tín chỉ: 1 (0,1)**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành đào tạo: Kiến trúc**
- Phân bố thời gian**
 - Thực hành: 30 tiết
 - Tự học : 180 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường**
- Mục tiêu học phần:**
 - Trang bị cho sinh viên các phương pháp cơ bản để thiết kế phác thảo một công trình thể loại dịch vụ quy mô vừa.
 - Sinh viên có các kỹ năng diễn họa nhanh các ý tưởng nghiên cứu trên một bản vẽ phác thảo.
- Mô tả tóm tắt học phần:**

Sinh viên phân tích đề tài, xây dựng ý tưởng cũng như kỹ năng thể hiện ý tưởng thiết kế trong một khoảng thời gian hạn chế, với đối tượng là thể loại công trình dịch vụ quy mô vừa.
- Nội dung:**

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
1. Phân tích đề tài, tham khảo tài liệu	5	25	
2. Tính toán diện tích và phân khu chức năng			
3. Xác định giao thông đối nội, đối ngoại			
4. Đề xuất các phương án mặt bằng tổng thể			
5. Nghiên cứu dây chuyền sử dụng và bố cục mặt bằng			

6. Nghiên cứu hình thức kiến trúc 7. Khai triển mặt cắt 8. Hoàn thiện bản vẽ thiết kế phác thảo 9. Khối lượng và tỉ lệ thực hiện - Mặt bằng tổng thể: TL 1/400÷1/500 - Mặt bằng các tầng: TL 1/100÷1/200 - Mặt cắt qua các không gian chính: TL 1/100 - Mặt đứng chính: TL 1/100 - Mặt bên: TL 1/100 - Phối cảnh công trình 10. Quy cách thể hiện - Bố cục hình vẽ trên khổ giấy A2 - Tuân thủ các quy định về thể hiện hồ sơ thiết kế - Diễn tả chính xác tương quan hình khối và chất liệu - Mặt bằng thể hiện cơ cấu phân khu chức năng, dây truyền sử dụng và ý tưởng thiết kế. Mặt đứng thể hiện khớp với mặt bằng và thể hiện ý tưởng.			
Tổng	5	25	

10. Phần tài liệu tham khảo:

- [1]. *Giáo trình thiết kế kiến trúc nhà dân dụng* – Bộ Xây dựng – NXB Xây dựng.
- [2]. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng* - Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM, 1987.
- [4]. *Lý thuyết sáng tác kiến trúc*- Trần Bút - Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM, 1997.
- [5]. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*- GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm – NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2004.
- [6]. *Kiến trúc nhà ở - Đặng Thái Hoàng* – NXB Xây dựng, 1996.
- [7]. *Kiến trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất* - Nguyễn Đức Thiềm - NXB Xây dựng, 2005.
- [8]. *Bộ Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam (TCXDVN) – 14 tập.*
- [9]. *Bộ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam (QCXDVN) – 3 tập.*

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

Điểm đồ án cuối kỳ: 100%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** BÀI TẬP CƠ SỞ KIẾN TRÚC SỐ 3 - Vẽ kỹ thuật kiến trúc
- Số tín chỉ:** 2 (0,2)
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Kiến trúc
- Phân bố thời gian**
 - Thực hành: 60 tiết
 - Tự học: 60 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường.
- Mô tả tóm tắt học phần:**

Bài này giúp sinh viên vận dụng lý thuyết các phương pháp hình chiếu thường dùng trong bản vẽ kiến trúc, các thành phần trong một đồ án kiến trúc như: mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt, phối cảnh và các ký hiệu, ghi chú liên quan đến chúng qua việc thể hiện một đồ án kiến trúc dân dụng nhà ở, biệt thự.

8. Mục tiêu học phần:

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật thể hiện bản vẽ để có thể đọc và hiểu rõ ràng một bản vẽ thiết kế nói chung.
- Biết cách sử dụng thành thạo các loại họa cụ thường dùng trong thiết kế bản vẽ kiến trúc và thể hiện đầy đủ, chính xác một bản vẽ thiết kế chuyên ngành kiến trúc.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
I. Giới thiệu chung kiến thức cơ bản về vẽ kiến trúc 1. Các dụng cụ vẽ kỹ thuật kiến trúc 2. Kỹ thuật vẽ kiến trúc <ul style="list-style-type: none">- Đánh giá chất lượng nét vẽ- Phân biệt các nét vẽ trên mặt phẳng, mặt đứng,	5	55	

mặt cắt...

- Kỹ thuật vẽ kiến trúc

3. Các ký hiệu bản vẽ

- Ký hiệu vật liệu
- Ký hiệu kiến trúc
- Một số kích thước tiêu chuẩn
- Chữ viết tắt thường dùng trong bản vẽ

4. Tỷ lệ bản vẽ

- Các tỷ lệ thường dùng, ý nghĩa và yêu cầu từng loại tỷ lệ

- Tỷ lệ số, thước tỷ lệ

5. Ghi chú kích thước

- Các nguyên tắc chung
- Phương pháp bố trí đường kích thước

II. Giới thiệu các thành phần chính trong một đồ án kiến trúc dân dụng

1. Mặt bằng vị trí - Các thuật ngữ liên quan đến định vị công trình
2. Mặt bằng các tầng - Các yêu cầu bắt buộc phải thể hiện trong bản vẽ mặt bằng trệt, mặt bằng lầu, mặt bằng mái
3. Mặt đứng các hướng - Các yêu cầu bắt buộc trong bản vẽ mặt đứng
4. Các hình chiếu đứng bên trong công trình - Yêu cầu và sự cần thiết
5. Mặt cắt - Yêu cầu và nguyên tắc vẽ mặt cắt.
6. Khai triển chi tiết kiến trúc
7. Cách trình bày một đồ án kiến trúc dân dụng: khung tên, tiêu đề, sự liên hệ giữa các thành phần trong bản vẽ, bố cục và diễn họa

Hướng dẫn thực hiện bài tập - Vẽ kỹ thuật kiến trúc một đồ án kiến trúc nhà ở

Tổng	5	55	
-------------	---	----	--

10. Phần tài liệu tham khảo:

[1].*Đồ họa kiến trúc Vẽ kỹ thuật kiến trúc - tập 1* - Ths.KTS. Nguyễn Hữu Trí, Ths.KTS Nguyễn Thị Kim Tú - NXB Xây dựng, Hà Nội, 2011.

[2].*Giáo trình Cấu tạo kiến trúc nội thất*, NXB, Hà Nội 2011

[3].*GT-KT Thi công XD & hoàn thiện nội thất kiến trúc công trình*, NXB. Hà Nội 2011

[4].*GT-Nguyên lý thiết kế kiến trúc nội thất*, NXB. Hà Nội, 2011

[5].*Cấu tạo kiến trúc*, NXB.ĐHKT Hà Nội, 2011

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Điểm trung bình các bài thực hành

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: CẤU TẠO KIẾN TRÚC 3

2. Số tín chỉ: 2 (2,0)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc, Xây dựng

5. Phân bố thời gian

- Lý thuyết: 30 tiết

- Tự học: 60 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về khái niệm, bộ phận cấu tạo và các loại hình kết cấu của cấu tạo công trình có không gian lớn. Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1: Khái niệm cấu trúc công trình; Chương 2: Những khái niệm cơ bản; Chương 3: Cấu trúc phẳng; Chương 4: Cấu trúc không gian; Chương 5: Cấu trúc lưới không gian; Chương 6: Cấu trúc vòm không gian; Chương 7: Cấu trúc chịu kéo.

8. Mục tiêu học phần:

Hỗ trợ sinh viên các kiến thức cấu tạo loại hình công trình có không gian lớn

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I. Khái quát cấu trúc công trình 1. Sự tạo thành cấu trúc từ các nguyên tắc hình học 2. Sự tạo thành cấu trúc từ các quy luật tạo hình tự nhiên 3. Cấu trúc và hệ thống kết cấu chịu lực công trình kiến trúc	5		

4. Các thành phần cơ bản tạo thành cấu trúc			
Chương II. Những khái niệm cơ bản 1. Lý thuyết về các cách thức làm việc của cấu trúc và các thành phần cấu trúc 2. Liên kết khung 3. Hệ giằng khung 4. Vật liệu khung	5		
Chương III: Cấu trúc phẳng 1. Nguyên tắc làm việc, cơ sở phân loại 2. Các cấu kiện cơ bản 3. Dàn 4. Khung chữ nhật 5. Vòm	5		
Chương IV Cấu trúc không gian 1. Khái niệm chung 2. Sự tạo thành cấu trúc không gian 3. Các nhóm thuộc cấu trúc không gian	3		
Chương V. Cấu trúc mạng lưới không gian 1. Mô tả - Cấu tạo 2. Cách thức làm việc cấu kiện 3. Phân loại	2		
Chương VI. Cấu trúc vòm không gian 1. Cấu trúc vòm cong 2. Cấu trúc vòm gấp nếp	5		
Chương VII: Cấu trúc chịu kéo 1. Cấu trúc dây căng 2. Cấu trúc màng căng 3. Cấu trúc khí nén 4. Cấu trúc Tensegrity	5		
Tổng	30		

10. Phần tài liệu tham khảo:

- [1]. Nguyễn Minh Thái, 1996. *Cấu tạo kiến trúc công nghiệp* . NXB Xây dựng
- [2]. Phan Tân Hải, Võ Đình Diệp, Cao Xuân Lương, 2004. *Nguyên lý cấu tạo kiến trúc*. NXB Thống kê
- [3]. ThS.KTS.Phạm Việt Anh- PGS.TS.Nguyễn Khắc Sinh (chủ biên), 2014. *Cấu tạo kiến trúc*. NXB. Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội-Xây dựng Hà Nội.
- [4]. TS.KTS. Nguyễn Nam, 2011. *Bố cục kiến trúc công trình công nghiệp*, NXB Xây dựng Hà Nội-
- [5]. TS.KTS. Nguyễn Minh Thái, 2013. *Thiết kế cấu tạo kiến trúc nhà công nghiệp*, NXB Xây dựng Hà Nội

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: THIẾT KẾ NHANH 2

2. Số tín chỉ: 1 (0,1)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc

5. Phân bố thời gian

- Thực hành: 30 tiết

- Tự học: 60 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Sinh viên phân tích đề tài, xây dựng ý tưởng cũng như kỹ năng thể hiện ý tưởng thiết kế trong một khoảng thời gian hạn chế, với đối tượng là thể loại công trình hành chính – giao dịch quy mô vừa.

8. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sinh viên những phương pháp cơ bản để phác thảo một công trình thể loại hành chính – giao dịch quy mô vừa.

- Sinh viên có các kỹ năng diễn họa nhanh các ý tưởng nghiên cứu trên 1 bản vẽ phác thảo.

- Sinh viên thể hiện ý tưởng sáng tác công trình kiến trúc qua không gian mặt bằng và hình thức mặt đứng.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
1. Trình tự nghiên cứu và thể loại thực hiện - Phân tích đề tài, tham khảo tài liệu. - Tính toán diện tích và phân khu chức năng	5	25	

<ul style="list-style-type: none"> - Xác định giao thông đối nội, đối ngoại - Đề xuất các phương án mặt bằng tổng thể - Nghiên cứu dây chuyền sử dụng và bố cục mặt bằng - Nghiên cứu hình thức kiến trúc - Khai triển mặt cắt - Hoàn thiện bản vẽ thiết kế phác thảo <p>2. Nội dung nghiên cứu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể loại công trình - Địa điểm xây dựng - Diện tích khu đất nghiên cứu: 4.000 – 5.000m² - Diện tích chiếm đất: 1.500 – 2.000m² - Quy mô xây dựng: khối chức năng chính 1-2 tầng, khối phụ trợ 2-4 tầng. <p>3. Các quy định về thể hiện đồ án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng và tỷ lệ thể hiện - Mặt bằng tổng thể: TL 1/400÷1/500 - Mặt bằng các tầng: TL 1/100÷1/200 - Mặt cắt qua các không gian chính: TL 1/100 - Mặt đứng chính: TL 1/100 - Phối cảnh công trình - Bố cục hình vẽ trên khổ giấy A1 			
Tổng	5	25	

10. Tài liệu tham khảo:

[1]. *Giáo trình thiết kế kiến trúc nhà dân dụng* . NXB. Bộ Xây dựng . Xây dựng.

[2]. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng* – NXB. Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM, 1987.

[3]. Trần Bút, 1997. *Lý thuyết sáng tác kiến trúc*, NXB Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM

[4]. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm, 2004. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*. NXB. Khoa học và Kỹ thuật

[5]. Đặng Thái Hoàng, 1996. *Kiến trúc nhà ở*, NXB Xây dựng

[6]. Nguyễn Đức Thiêm, 2005. *Kiến trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất*, NXB Xây dựng.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

– Điểm đồ án cuối kỳ: 100%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: ĐỒ ÁN 1A: NHÀ Ở 1 – Loại hình biệt thự**
- Số tín chỉ: 3(0,3)**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành đào tạo: Kiến trúc**
- Phân bố thời gian**
 - Thực hành: 90 tiết
 - Tự học: 30 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường**
- Mô tả tóm tắt học phần:**

Sinh viên làm quen với thể loại kiến trúc nhà ở thông qua các loại hình kiến trúc Biệt thự, sinh viên nắm bắt các nguyên lý thiết kế, dây chuyền công năng đặc thù và các phong cách kiến trúc đặc trưng của thể loại công trình này.
- Mục tiêu học phần:**
 - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp sáng tác kiến trúc công trình dân dụng thể loại nhà ở nhỏ.
 - Giúp sinh viên làm quen với kiến trúc nhà ở nhỏ, thấp tầng, các khái niệm không gian, diện tích công trình kiến trúc.
 - Sinh viên nắm được các nguyên lý tổ chức, cơ cấu dây chuyền sử dụng trong một biệt thự cũng như các yêu cầu kỹ thuật cấu tạo, mỹ thuật của kiến trúc biệt thự
 - Trang bị khả năng nghiên cứu và thể hiện một đồ án kiến trúc nhà ở.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
1.Thể loại công trình Đồ án kiến trúc bao gồm các công trình kiến trúc			

nhà ở thông thường, thấp tầng, cụ thể là loại hình nhà biệt thự, biệt thự song lập.

2.Địa điểm xây dựng

- Đề nâng cao và phát huy tính sáng tạo sinh viên có thể tự giả thiết cho khu đất.
- Chú ý khai thác đặc điểm thiên nhiên từng vùng và sử dụng vật liệu địa phương có sẵn.
- Cũng có thể áp dụng các khu đất đã được xác định theo qui hoạch chung Thành phố (tham khảo phần chỉ dẫn hoặc do giáo viên chỉ định).
- Quy mô công trình giới hạn không vượt quá 3 tầng.

3.Các quy định về thể hiện đồ án

3.1 Các giai đoạn:

- Tuần 1 (2 buổi): Giảng đề, nghiên cứu nhiệm vụ thiết kế
- Tuần 2, 3,4 (6 buổi): Phân tích khu đất, tìm ý và hoàn thành thiết kế nhanh.
- Tuần 5,6,7,8 (8 buổi): Nghiên cứu và hoàn thiện giải pháp cụ thể
- Tuần 9: Thể hiện đồ án

3.2 Khối lượng và tỷ lệ thể hiện

- Mặt bằng tổng thể: TL 1/100
- Mặt bằng các tầng: TL 1/100 -1/50
- Các mặt đứng: TL 1/100 -1/50
- Mặt cắt dọc nhà: TL 1/100
- Mặt bằng, mặt cắt một phòng ở: TL 1/100 -1/50
- Phối cảnh ngoài nhà

3.3 Quy cách thể hiện

- Bố cục hình vẽ trên giấy khổ A0
- Phương pháp thể hiện: vẽ thủ công(không được vẽ trên máy tính)

5

5

30

40

10

Tổng	5	85	
-------------	----------	-----------	--

10. Phân tài liệu tham khảo:

- [1]. *Giáo trình thiết kế kiến trúc nhà dân dụng* – Bộ Xây dựng – NXB Xây dựng.
- [2]. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng*, 1987. NXB. Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM
- [3]. Trần Bút, 1997. *Lý thuyết sáng tác kiến trúc* - - Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM
- [4]. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm, 2004. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- [5]. Đặng Thái Hoàng, 1996. *Kiến trúc nhà ở*, NXB Xây dựng.
- [6]. Nguyễn Đức Thiềm, 2005. *Kiến trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất*, NXB Xây dựng.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Điểm đồ án cuối kỳ: 100%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** ĐỒ ÁN 1B: NHÀ Ở 2 – Loại hình Nhà liên kế
- Số tín chỉ:** 3(0,3)
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Kiến trúc
- Phân bố thời gian**
 - Thực hành: 90 tiết
 - Tự học: 180 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường
- Mô tả tóm tắt học phần:**

Sinh viên làm quen với thể loại kiến trúc nhà ở thông qua loại hình kiến trúc nhà liên kế, sinh viên nắm bắt các nguyên lý thiết kế, dây chuyền công năng đặc thù và các phong cách kiến trúc đặc trưng của thể loại công trình này.
- Mục tiêu học phần:**
 - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp sáng tác kiến trúc công trình dân dụng thể loại nhà ở nhỏ.
 - Giúp sinh viên làm quen với kiến trúc nhà ở nhỏ, thấp tầng, các khái niệm không gian, diện tích công trình kiến trúc.
 - Sinh viên nắm được các nguyên lý tổ chức, cơ cấu dây chuyền sử dụng trong một dãy nhà liên kế cũng như các yêu cầu kỹ thuật cấu tạo, mỹ thuật của kiến trúc nhà liên kế.
 - Trang bị khả năng nghiên cứu và thể hiện một đồ án kiến trúc nhà ở.
- Nội dung:**

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú

<p>1.Thể loại công trình</p> <p>Đồ án kiến trúc bao gồm các công trình kiến trúc nhà ở thông thường, thấp tầng, cụ thể là loại hình nhà liên kế.</p> <p>2.Địa điểm xây dựng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nâng cao và phát huy tính sáng tạo sinh viên có thể tự giả thiết cho khu đất - Chú ý khai thác đặc điểm thiên nhiên từng vùng và sử dụng vật liệu địa phương có sẵn. - Cũng có thể áp dụng các khu đất đã được xác định theo qui hoạch chung Thành phố (tham khảo phần chỉ dẫn hoặc do giáo viên chỉ định). - Quy mô công trình giới hạn không vượt quá 3 tầng. <p>3.Các quy định về thể hiện đồ án</p> <p>3.1. Các giai đoạn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuần 1: (2 buổi): Giảng đề, nghiên cứu nhiệm vụ thiết kế - Tuần 2, 3,4 (6 buổi): Phân tích khu đất, tìm ý và hoàn thành thiết kế nhanh. - Tuần 5,6,7,8 (8 buổi): Nghiên cứu và hoàn thiện giải pháp cụ thể - Tuần 9: Thể hiện đồ án <p>3.2. Khối lượng và tỷ lệ thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặt bằng tổng thể: TL 1/100 - Mặt bằng các tầng: TL 1/100 ÷ 1/50 - Các mặt đứng: TL 1/100 ÷ 1/50 - Mặt cắt dọc nhà: TL 1/100 - Mặt bằng, mặt cắt một phòng ở: TL 1/100 ÷ 1/50 - Phối cảnh ngoài nhà <p>3.3. Quy cách thể hiện</p>	5	5	30	40	10
--	---	---	----	----	----

- Bố cục hình vẽ trên giấy khổ A0 - Phương pháp thể hiện: vẽ thủ công(không được vẽ trên máy tính)			
Tổng	5	85	

10. Phân tài liệu tham khảo:

[1]. *Giáo trình thiết kế kiến trúc nhà dân dụng* – Bộ Xây dựng – NXB Xây dựng.

[2]. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng*, 1987. NXB. Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM

[3]. Trần Bút, 1997. *Lý thuyết sáng tác kiến trúc* - - Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM

[4]. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm, 2004. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

[5]. Đặng Thái Hoàng, 1996. *Kiến trúc nhà ở*, NXB Xây dựng.

[6]. Nguyễn Đức Thiềm, 2005. *Kiến trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất*, NXB Xây dựng.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

Điểm đồ án cuối kỳ: 100%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: **ĐỒ ÁN 2A: NHÀ CÔNG CỘNG 1 – Loại hình dịch vụ công cộng**

2. Số tín chỉ: 3(0,3)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc

5. Phân bố thời gian

- Thực hành: 90 tiết

- Tự học: 180 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Sinh viên làm quen với thể loại kiến trúc công cộng thông qua loại hình kiến trúc dịch vụ công cộng, sinh viên nắm bắt các nguyên lý thiết kế, dây chuyền công năng đặc thù và các phong cách kiến trúc đặc trưng của thể loại công trình này.

8. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp sáng tác kiến trúc công trình dân dụng thể loại công trình dịch vụ đô thị thường gặp hàng ngày.

- Nắm vững dây chuyền công năng và tổ chức không gian kiến trúc đảm bảo hoạt động tối ưu cho hai đối tượng sử dụng chính là khách và người phục vụ. Chú ý giải quyết sự phối hợp các không gian diện tích và chiều cao khác nhau một cách rõ ràng, hợp lý.

- Nắm vững kiến thức lý thuyết và các vấn đề thực hành của thể loại công trình này để vận dụng trong những đồ án có tính tổng hợp và nâng cao ở giai đoạn sau.

9. Nội dung

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
----------------------------	---------------------	---------------------	---------

<p>1.Thể loại công trình</p> <p>Những công trình cung cấp những dịch vụ công cộng phục vụ nhu cầu sinh hoạt thông thường của con người trong môi trường sống với xã hội, ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà hàng (dịch vụ ăn uống giải khát) - Cửa hàng (dịch vụ thương mại) <p>2.Địa điểm xây dựng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại các trung tâm công nghiệp hoặc xen kẽ trong các khu dân cư quy mô nhỏ. - Gần các tuyến giao thông thuận tiện cho sự tiếp cận của khách hàng và cho sự phục vụ hậu cần(tiếp phẩm, vận chuyển hàng hóa và rác thải,...). - Diện tích khu đất nghiên cứu: 500 – 600 m² - Diện tích chiếm đất: 200 – 300 m² (mật độ xây dựng 40 – 50%) - Quy mô xây dựng 1-2 tầng với tổng diện tích sàn 500 – 600 m² <p>3.Các quy định về thể hiện đồ án</p> <p>3.1. Kế hoạch thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuần 1 (2 buổi): Giảng đề, nghiên cứu nhiệm vụ thiết kế - Tuần 2, 3,4 (6 buổi): Phân tích khu đất, tìm ý và hoàn thành thiết kế nhanh. - Tuần 5,6,7,8 (8 buổi): Nghiên cứu và hoàn thiện giải pháp cụ thể - Tuần 9: Thể hiện đồ án <p>3.2. Khối lượng và tỷ lệ thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặt bằng tổng thể: TL 1/500 - Mặt bằng các tầng: TL 1/50 ÷ 1/100 - Mặt cắt qua các không gian chính: TL 1/50 ÷ 1/100 - Mặt đứng chính: TL 1/50 ÷ 1/100 - Mặt bên: TL 1/50 ÷ 1/100 	5	5	30
			40
			10

<p>- Phối cảnh tổng thể hoặc phối cảnh chính</p> <p>3.3. Quy cách thể hiện</p> <p>- Bố cục hình vẽ trên khổ giấy A0</p> <p>- Tuân thủ các quy định về thể hiện sơ đồ thiết kế.</p> <p>- Diễn tả chính xác tương quan hình khối và chất liệu kiến trúc bằng kỹ thuật đánh bóng hoặc đồ họa đen trắng, kết hợp đệm màu.</p> <p>- Mặt bằng tỷ lệ 1/50 cần thể hiện cách bố trí bàn ghế và trang thiết bị, mặt đứng chính tỷ lệ 1/50 phải có đầy đủ chi tiết kiến trúc.</p>			
Tổng	5	85	

10. Tài liệu tham khảo:

- [1]. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm, 2004. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật
- [2]. *Giáo trình thiết kế kiến trúc nhà dân dụng* – Bộ Xây dựng – NXB Xây dựng.
- [3]. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng*, 1987. NXB. Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM
- [4]. Trần Bút, 1997. *Lý thuyết sáng tác kiến trúc* - - Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM
- [5]. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm, 2004. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- [7]. Nguyễn Đức Thiềm, 2005. *Kiến trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất*, NXB Xây dựng.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Điểm đồ án cuối kỳ: 100%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: ĐỒ ÁN 2B: NHÀ CÔNG CỘNG 1– Loại hình phục vụ sinh hoạt cộng đồng**
- Số tín chỉ: 3(0,3)**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành đào tạo: Kiến trúc**
- Phân bố thời gian**
 - Thực hành: 90 tiết
 - Tự học: 180 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường.**
- Mô tả tóm tắt học phần:**

Sinh viên làm quen với thể loại kiến trúc công cộng thông qua loại hình kiến trúc phục vụ sinh hoạt cộng đồng, sinh viên nắm bắt các nguyên lý thiết kế, dây chuyền công năng đặc thù và các phong cách kiến trúc đặc trưng của thể loại công trình này.
- Mục tiêu học phần**
 - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp sáng tác kiến trúc công trình dân dụng thể loại công trình dịch vụ đô thị thường gặp hàng ngày.
 - Nắm vững dây chuyền công năng và tổ chức không gian kiến trúc đảm bảo hoạt động tối ưu cho 2 đối tượng sử dụng chính là khách và người phục vụ. Chú ý giải quyết sự phối hợp các không gian diện tích và chiều cao khác nhau một cách rõ ràng, hợp lý.
 - Nắm vững kiến thức lý thuyết và các vấn đề thực hành của thể loại công trình này để vận dụng trong những đề án có tính tổng hợp và nâng cao ở giai đoạn sau.
- Nội dung:**

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
--	-----------------------------------	-----------------------------------	----------------

<p>3.3. Quy cách thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố cục hình vẽ trên khổ giấy A0 - Tuân thủ các quy định về thể hiện sơ đồ thiết kế. - Diễn tả chính xác tương quan hình khối và chất liệu kiến trúc bằng kỹ thuật đánh bóng hoặc đồ họa đen trắng, kết hợp đệm màu. - Mặt bằng tỷ lệ 1/50 cần thể hiện cách bố trí bàn ghế và trang thiết bị, mặt đứng chính tỷ lệ 1/50 phải có đầy đủ chi tiết kiến trúc. 			
Tổng	5	85	

10. Phần tài liệu tham khảo:

- [1]. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm, 2004. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật
- [2]. *Giáo trình thiết kế kiến trúc nhà dân dụng* – Bộ Xây dựng – NXB Xây dựng.
- [3]. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng*, 1987. NXB. Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM
- [4]. Trần Bút, 1997. *Lý thuyết sáng tác kiến trúc* - - Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM
- [5]. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm, 2004. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- [7]. Nguyễn Đức Thiềm, 2005. *Kiến trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất*, NXB Xây dựng.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Điểm đồ án cuối kỳ: 100%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: **LỊCH SỬ KIẾN TRÚC PHƯƠNG ĐÔNG VÀ VIỆT NAM**

2. Số tín chỉ: 2 (2,0)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc

5. Phân bố thời gian

- Lý thuyết: 30 tiết

- Tự học: 60 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Nội dung học phần cung cấp kiến thức cơ bản về đặc điểm nghệ thuật và kỹ thuật kiến trúc, các thể loại công trình đặc trưng gắn liền với bối cảnh tự nhiên – xã hội của các nền kiến trúc phương Đông tiêu biểu và kiến trúc truyền thống Việt Nam. Bao gồm 6 chương: chương 1: kiến trúc Ấn Độ, chương 2: kiến trúc Indonexia, chương 3: kiến trúc Campuchia, chương 4: kiến trúc Trung Quốc, chương 5: kiến trúc Nhật, chương 6: kiến trúc Việt Nam.

8. Mục tiêu học phần:

Sinh viên hiểu được quá trình hình thành và phát triển các dòng kiến trúc tiêu biểu của một số nước phương Đông và Việt Nam, giúp sinh viên nhìn nhận được các nét đặc trưng và tinh thần của kiến trúc phương Đông cũng như Việt Nam trong mối quan hệ với các tác nhân xã hội và tự nhiên. Từ đó trang bị một phần lý luận cơ bản để vận dụng vào thực hành sáng tác và phân tích công trình kiến trúc

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I: Kiến trúc Ấn Độ	5		

<ul style="list-style-type: none"> I. Ảnh hưởng tự nhiên và xã hội II. Kiến trúc Phật giáo III. Kiến trúc Bà la môn giáo IV. Kiến trúc Hồi giáo 			
<p>Chương II: Kiến trúc Indonexia</p> <ul style="list-style-type: none"> I. Ảnh hưởng tự nhiên và xã hội II. Quần thể kiến trúc Bô rô bu đua 	5		
<p>Chương III: Kiến trúc Campuchia</p> <ul style="list-style-type: none"> I. Ảnh hưởng tự nhiên và xã hội II. Kiến trúc Campuchia thế kỷ VII – VIII III. Kiến trúc Campuchia thế kỷ IX đến nửa đầu TK X (thời kỳ tiền Ăngco) IV. Kiến trúc Campuchia nửa cuối thế kỷ X – XII (thời kỳ cổ điển) V. Kiến trúc Campuchia cuối thế kỷ XII – XIII (thời kỳ suy tàn) 	5		
<p>Chương IV: Kiến trúc Trung Quốc</p> <ul style="list-style-type: none"> I. Ảnh hưởng tự nhiên và xã hội II. Kiến trúc cung điện III. Kiến trúc đàn, đèn, miếu mạo IV. Kiến trúc Phật giáo V. Nghệ thuật trang viên 	10		
<p>Chương V: Kiến trúc Nhật</p> <ul style="list-style-type: none"> I. Ảnh hưởng tự nhiên và xã hội II. Kiến trúc tín ngưỡng và tôn giáo III. Kiến trúc Phật giáo IV. Kiến trúc đình viên V. Nghệ thuật vườn cảnh 	5		
<p>Chương VI: Kiến trúc Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> I. Ảnh hưởng tự nhiên và xã hội II. Kiến trúc cung đình 	15		

III. Kiến trúc Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo			
IV. Kiến trúc tín ngưỡng dân gian			
Tổng	45		

10. Phần tài liệu tham khảo:

- [1]. Đỗ Thị An Lộc, 1984. *Lược sử kiến trúc thế giới* ĐH Kiến trúc Hà Nội
- [2]. Nguyễn Khởi, 2011. *Kiến trúc Việt Nam Các dòng tiêu biểu*, NXB. ĐH Kiến trúc TP.HCM
- [3]. Ngô Huy Quỳnh , 1998. *Kiến trúc Việt Nam*. NXB Văn hóa thông tin
- [4]. Đặng Hồng Vũ, 2011. Kiến trúc nhà ở nông thôn hiện đại, NXB. Xây Dựng
- [5]. PGS.TS. Phạm Đức Nguyên, 2015. Kiến trúc sinh khí hậu thiết kế Sinh khí hậu trong kiến trúc VN, NXB. Xây dựng Hà Nội.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần:** NGUYÊN LÝ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC CÔNG NGHIỆP
- 2. Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- 3. Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- 4. Ngành đào tạo:** Kiến trúc
- 5. Phân bố thời gian**
 - Lý thuyết: 30 tiết
 - Tự học: 60 tiết
- 6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường
- 7. Mô tả tóm tắt học phần:**

Học phần này giới thiệu cho sinh viên những nguyên tắc và phương pháp thiết kế qui hoạch tổng mặt bằng các xí nghiệp công nghiệp, thiết kế các công trình công nghiệp một và nhiều tầng, các công trình kỹ thuật, công trình hành chính và phục vụ công nhân trên khu đất xây dựng, đáp ứng yêu cầu của công nghệ sản xuất và đạt chất lượng thẩm mỹ.

Nội dung bao gồm 8 chương:

- Chương 1: Các vấn đề cơ bản trong thiết kế công trình công nghiệp.
- Chương 2: Thiết kế tổng mặt bằng nhà công nghiệp.
- Chương 3: Thiết kế kiến trúc nhà công nghiệp một tầng
- Chương 4: Thiết kế kiến trúc nhà công nghiệp nhiều tầng
- Chương 5: Khái niệm cấu tạo kiến trúc nhà công nghiệp
- Chương 6: Kết cấu chịu lực nhà công nghiệp
- Chương 7: Kết cấu bao che nhà công nghiệp
- Chương 8: Nguyên tắc thiết kế hình khối kiến trúc

- 8. Mục tiêu học phần:**

Hỗ trợ cho sinh viên các kiến thức về thiết kế kiến trúc công nghiệp, thiết kế kiến trúc các xí nghiệp và công trình công nghiệp, ứng dụng trong đồ án công nghiệp, tốt nghiệp thể loại công nghiệp, cũng như các công trình công nghiệp thực tế.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I: Các vấn đề cơ bản trong thiết kế công trình công nghiệp I. Khái niệm về xí nghiệp công nghiệp II. Phương châm thiết kế III. Phân loại nhà công nghiệp IV. Các yếu tố ảnh hưởng giải pháp thiết kế công trình công nghiệp	2		
Chương II: Thiết kế tổng mặt bằng nhà công nghiệp I. Đặc điểm, yêu cầu II. Hạng mục chức năng III. Tổ chức tổng mặt bằng	3		
Chương III: Thiết kế kiến trúc nhà công nghiệp một tầng I. Nội dung thiết kế II. Thiết kế mặt bằng nhà công nghiệp một tầng III. Thiết kế mặt cắt nhà công nghiệp một tầng.	2		
Chương IV: Thiết kế kiến trúc nhà công nghiệp nhiều tầng I. Nội dung thiết kế II. Thiết kế mặt bằng nhà công nghiệp nhiều tầng III. Thiết kế mặt cắt nhà công nghiệp nhiều tầng	3		
Chương V: Khái niệm cấu tạo kiến trúc nhà công nghiệp I. Các bộ phận cấu tạo nhà công nghiệp II. Bộ phận chịu lực nhà công nghiệp III. Bộ phận bao che nhà công nghiệp	5		
Chương VI: Kết cấu chịu lực nhà công nghiệp I. Đặc điểm, yêu cầu, phân loại II. Kết cấu chịu lực nhà công nghiệp một tầng III. Kết cấu chịu lực nhà công nghiệp nhiều tầng	5		

Chương VII: Kết cấu bao che nhà công nghiệp I. Đặc điểm, yêu cầu, phân loại II. Kết cấu bao che phương đứng III. Kết cấu bao che phương ngang	5		
Chương VIII: Nguyên tắc thiết kế hình khối kiến trúc I. Khái niệm hình khối mặt đứng II. Các giải pháp tổ hợp hình khối mặt đứng III. Tổ hợp mặt đứng IV. Tổ hợp không gian mặt đứng V. Tổ hợp hình khối VI. Nguyên tắc thiết kế hình khối kiến trúc VII. Nguyên tắc thiết kế mặt đứng công trình kiến trúc	5		
Tổng	30		

10. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Nguyễn Minh Thái, 1995. *Thiết kế kiến trúc công nghiệp*, NXB Xây dựng
- [2]. Hoàng Huy Thắng, 1996 *Thiết kế kiến trúc nhà công nghiệp*, NXB Xây dựng.
- [3]. Nguyễn Minh Thái, 1996. *Thiết kế cấu tạo công nghiệp*. NXB Xây dựng
- [4]. Phạm Đình Tuyên, Nguyễn Tại, 2001. *Kiến trúc công nghiệp tập 1*, NXB Xây dựng,.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: CẤU TẠO KIẾN TRÚC 4

2. Số tín chỉ: 2 (2,0)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc, Xây dựng

5. Phân bố thời gian

- Lý thuyết: 30 tiết

- Tự học: 60 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Phân tích các bộ phận cấu tạo cơ bản loại hình công trình công nghiệp, trong đó tập trung các giải pháp cấu tạo điển hình của loại hình cấu tạo lắp ghép. Gồm các vấn đề cơ bản trong thiết kế cấu tạo công nghiệp, kết cấu chịu lực nhà công nghiệp 1 tầng, kết cấu chịu lực nhà công nghiệp nhiều tầng, kết cấu bao che nhà công nghiệp và bộ phận giao thông trong nhà công nghiệp.

8. Mục tiêu học phần:

- Hỗ trợ sinh viên các kiến thức cấu tạo loại hình công trình đặc thù: Xí nghiệp công nghiệp.

- Ứng dụng trong thiết kế cấu tạo công trình công nghiệp nói riêng, công trình không gian lớn nói chung.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I: Các vấn đề cơ bản trong thiết kế cấu tạo công nghiệp	6		

1. Khái niệm 2. Phân loại 3. Vật liệu và các bộ phận cấu tạo			
Chương II: Kết cấu chịu lực nhà công nghiệp 1 tầng 1. Hệ chịu lực nhà công nghiệp 2. Móng– Móng thiết bị 3. Cột – Dầm cầu chạy 4. Mái nhà – Kết cấu đỡ kèo 5. Hệ giằng – Sườn tường	6		
Chương III: Kết cấu chịu lực nhà công nghiệp nhiều tầng 1. Sàn không dầm 2. Sàn có dầm	6		
Chương IV: Kết cấu bao che nhà công nghiệp 1. Đặc điểm 2. Hệ bao che phương đứng 3. Hệ bao che phương ngang	6		
Chương V: Bộ phận giao thông trong nhà công nghiệp 1. Đặc điểm – yên cầu 2. Phân loại 3. Cấu tạo nền nhà công nghiệp	6		
Tổng	30		

10. Phần tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Minh Thái, 1996. *Cấu tạo kiến trúc công nghiệp*. NXB Xây dựng

[2]. Phan Tấn Hải, Võ Đình Diệp, Cao Xuân Lương, 2004. *Nguyên lý cấu tạo kiến trúc*. NXB Thống kê

[3]. ThS.KTS.Phạm Việt Anh- PGS.TS.Nguyễn Khắc Sinh (chủ biên), 2014. *Cấu tạo kiến trúc*. NXB. Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội-Xây dựng Hà Nội.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: **CHUYÊN ĐỀ 1: KIẾN TRÚC XANH – Tiết kiệm năng lượng**

2. Số tín chỉ: 2 (2,0)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc

5. Phân bố thời gian

- Lý thuyết: 30 tiết

- Tự học: 60 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng & Môi trường

7. Mục tiêu học phần:

Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về tạo hình và trang trí trong kiến trúc. Sinh viên có khả năng áp dụng các kiến thức đã học vào trong quá trình thiết kế đồ án thực tế.

8. Mô tả tóm tắt học phần:

Chuyên đề này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lĩnh vực tạo hình và trang trí trong kiến trúc, các quy luật cơ bản trong trang trí, vai trò của tạo hình và trang trí trong quá trình thiết kế kiến trúc và các kỹ năng cần thiết để ứng dụng trong thực tiễn thiết kế.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
I. Khái niệm 1. Định nghĩa 2. Phân loại đối tượng 3. Tác động của chủ thể	5		

II. Các quy luật cơ bản trong trang trí 1. Quy luật nhịp điệu 2. Quy luật tương phản 3. Quy luật chính phụ	5		
III. Các yêu cầu trong trang trí kiến trúc 1. Sử dụng 2. Chủ đề 3. Chất liệu – màu sắc – đường nét – hình khối	5		
IV. Trang trí nội thất 1. Yêu cầu 2. Các thành phần trong trang trí nội thất	5		
V. Trang trí ngoại thất 1. Yêu cầu 2. Một số vấn đề	5		
VI. Cấu tạo (liên kết trong trang trí) 1. Bề mặt trang trí cố định 2. Bề mặt trang trí biến đổi	2		
VII. Ánh sáng 1. Phân loại ánh sáng 2. Ánh sáng trong trang trí	3		
Tổng	30		

10. Phần tài liệu tham khảo:

- [1]. Nguyễn Ngọc Giả, Võ Đình Diệp. *Bài tập cơ sở kiến trúc*.
- [2]. Phạm Đức Nguyên, 2006. *Chiều sáng trong kiến trúc*, NXB Khoa học kỹ thuật
- [3]. Francis D.K Ching, 1996. *Architecture: Form, Space and Order*, NXB Van Nostrand Reinhold, New York

V.H. Nguyễn Ngọc Giả- Võ Đình Diệp, 2015. *Cơ sở tạo hình kiến trúc*, NXB Xây dựng Hà Nội.

GS.TS.KTS. Nguyễn Đức Thiềm, 2015. *Kiến trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất*, NXB Xây dựng Hà Nội.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Làm mô hình , báo cáo nhóm , cá nhân)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

12. Tên học phần: THIẾT KẾ NHANH 3

13. Số tín chỉ: 1 (0,1)

14. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

15. Ngành đào tạo: Kiến trúc

16. Phân bố thời gian

- Thực hành: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết

17. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

18. Mô tả tóm tắt học phần:

Sinh viên phân tích đề tài, xây dựng ý tưởng cũng như kỹ năng thể hiện ý tưởng thiết kế trong một khoảng thời gian hạn chế, với đối tượng là thể loại công trình công cộng.

19. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sinh viên các phương pháp cơ bản để thiết kế phác thảo một công trình thể loại văn hóa – giải trí.
- Sinh viên có các kỹ năng diễn họa nhanh các ý tưởng nghiên cứu trên một bản vẽ phác thảo.

20. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
1. Trình tự nghiên cứu và thể loại thực hiện <ul style="list-style-type: none">- Phân tích đề tài, tham khảo tài liệu.- Tính toán diện tích và phân khu chức năng- Xác định giao thông đối nội, đối ngoại	5	25	

<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất các phương án mặt bằng tổng thể - Nghiên cứu dây chuyền sử dụng và bố cục mặt bằng - Nghiên cứu hình thức kiến trúc - Khai triển mặt cắt - Hoàn thiện bản vẽ thiết kế phác thảo <p>2. Nội dung nghiên cứu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể loại công trình - Địa điểm xây dựng - Diện tích khu đất nghiên cứu: 4.000 – 5.000m² - Diện tích chiếm đất: 1.500 – 2.000m² - Quy mô xây dựng: khối chức năng chính 1-2 tầng, khối phụ trợ 2-4 tầng. <p>3. Các quy định về thể hiện đồ án:</p> <p>+ Khối lượng và tỷ lệ thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặt bằng tổng thể: TL 1/400÷1/500 - Mặt bằng các tầng: TL 1/100÷1/200 - Mặt cắt qua các không gian chính: TL 1/100 - Mặt đứng chính: TL 1/100 - Phối cảnh công trình - Bố cục hình vẽ trên khổ giấy A1 <p>+ Thể hiện bằng kỹ thuật đồ họa đen – trắng hoặc dùng nét kết hợp đệm màu</p>			
Tổng	5	25	

21. Phần tài liệu tham khảo:

- [1]. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm, 2004. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật
- [2]. *Giáo trình thiết kế kiến trúc nhà dân dụng* – Bộ Xây dựng – NXB Xây dựng.
- [3]. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng*, 1987. NXB. Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM
- [4]. Trần Bút, 1997. *Lý thuyết sáng tác kiến trúc* - - Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM

[5]. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm, 2004. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

[7]. Nguyễn Đức Thiềm, 2005. *Kiến trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất*, NXB Xây dựng.

22. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

– Điểm đồ án cuối kỳ: 100%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

23. Tên học phần: ĐỒ ÁN 3A: NHÀ CÔNG CỘNG 2 – Loại hình Hành chính

24. Số tín chỉ: 3(0,3)

25. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

26. Ngành đào tạo: Kiến trúc

27. Phân bố thời gian

- Thực hành: 90 tiết
- Tự học: 180 tiết

28. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

29. Mô tả tóm tắt học phần:

Đồ án giúp sinh viên nâng cao kỹ năng thiết kế cũng như kiến thức chuyên môn đối với thể loại kiến trúc công cộng quy mô trung bình thông qua loại hình kiến trúc hành chính, sinh viên nắm bắt các nguyên lý thiết kế, dây chuyền công năng và hình thức kiến trúc đặc thù của thể loại công trình này.

30. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp sáng tác kiến trúc công trình xây dựng thể loại công trình công cộng quy mô vừa, cụ thể là thể loại công trình hành chính
- Vận dụng có hiệu quả các giải pháp bố cục cơ bản (tập trung, phân tán và hỗn hợp) để tổ hợp các không gian chức năng chính và phụ thành một công trình kiến trúc hoàn chỉnh, thỏa mãn yêu cầu sử dụng và thẩm mỹ.
- Nắm vững những nguyên tắc và kiến thức thực hành thiết kế một công trình công cộng quy mô trung bình: tuân thủ nhiệm vụ thiết kế, phù hợp với địa điểm xây dựng cụ thể và đáp ứng các quy phạm kỹ thuật cơ bản.

<ul style="list-style-type: none"> - Mặt cắt qua các không gian chính: TL 1/50 ÷ 1/100 - Mặt đứng chính: TL 1/50 ÷ 1/100 - Mặt bên: TL 1/50 ÷ 1/100 - Phối cảnh tổng thể công trình - Chi tiết cấu tạo của giải pháp che chắn <p>3.3 Quy cách thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố cục hình vẽ trên giấy khổ A0 - Thể hiện hồ sơ bằng nét đen - trắng. Mặt đứng và phối cảnh có thể đệm màu (hoặc vẽ màu nếu có ý đồ sử dụng màu sắc của vật liệu). - Diễn đạt chính xác tương quan giữa các yếu tố kiến trúc (xa-gần, khối, bố cục). - Phối cảnh tổng thể dựng theo phương pháp hình chiếu phối cảnh để thể hiện rõ nhất giải pháp bố cục và tổng hợp hình khối. - Chi tiết cấu tạo phù hợp với giải pháp không gian (mặt cắt) và kiến trúc (mặt đứng) của công trình. 		10	
Tổng	5	85	

32. Phần tài liệu tham khảo:

[1]. *Giáo trình thiết kế kiến trúc nhà dân dụng* – Bộ Xây dựng – NXB Xây dựng.

[2]. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng*, 1987. NXB. Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM

[3]. Trần Bút, 1997. *Lý thuyết sáng tác kiến trúc* - - Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM

[4]. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm, 2004. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

[5]. Đặng Thái Hoàng, 1996. *Kiến trúc nhà ở*, NXB Xây dựng.

[6]. Nguyễn Đức Thiềm, 2005. *Kiến trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất*, NXB Xây dựng.

33. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Điểm đồ án cuối kỳ: 100%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: ĐỒ ÁN 3B: NHÀ CÔNG CỘNG 2 – Loại hình Giao thông (Nhà ga, Bến xe, Tàu điện ngầm)**
- Số tín chỉ: 3(0,3)**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành đào tạo: Kiến trúc**
- Phân bố thời gian**
 - Thực hành: 90 tiết
 - Tự học: 180 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường**
- Mô tả tóm tắt học phần:**

Đồ án giúp sinh viên nâng cao kỹ năng thiết kế cũng như kiến thức chuyên môn đối với thể loại kiến trúc công cộng quy mô trung bình thông qua loại hình kiến trúc giao thông, sinh viên nắm bắt các nguyên lý thiết kế, dây chuyền công năng và hình thức kiến trúc đặc thù của thể loại công trình này.

8. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp sáng tác kiến trúc công trình xây dựng thể loại công trình công cộng quy mô vừa, cụ thể là thể loại công trình giao thông.
- Vận dụng có hiệu quả các giải pháp bố cục cơ bản (tập trung, phân tán và hỗn hợp) để tổ hợp các không gian chức năng chính và phụ thành một công trình kiến trúc hoàn chỉnh, thỏa mãn yêu cầu sử dụng và thẩm mỹ.
- Nắm vững những nguyên tắc và kiến thức thực hành thiết kế một công trình công cộng quy mô trung bình: tuân thủ nhiệm vụ thiết kế, phù hợp với địa điểm xây dựng cụ thể và đáp ứng các quy phạm kỹ thuật cơ bản.

9. Nội dung:

NỘI DUNG	Lý thuyết	Thực hành	Ghi chú
----------	-----------	-----------	---------

(Chương, tiết)	(tiết)	(tiết)	
<p>1.Thể loại công trình</p> <p>Những công trình công cộng loại hình giao thông có cơ cấu chức năng tương đối phức tạp (với nhiều nội dung sử dụng đồng thời và đan xen lẫn nhau), yêu cầu diện tích sử dụng lớn, thể hiện ở bố cục mặt bằng tập trung hoặc phân tán.</p> <p>2.Địa điểm xây dựng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực theo qui hoạch chung nhằm phục vụ cho 1 hoặc vài đơn vị dân cư cấp cơ sở. Có thể tham gia trong thành phần khu trung tâm công cộng của thành phố. - Diện tích khu đất nghiên cứu: 1.500 – 2.000 m² - Diện tích chiếm đất: 600 – 1.000 m² (mật độ xây dựng 40 – 50%) - Quy mô xây dựng 2-3 tầng với tổng diện tích sàn 1.800 – 2.200 m² <p>3.Các quy định về thể hiện đồ án</p> <p>3.1. Kế hoạch thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuần 1 (2 buổi): Giảng đề, nghiên cứu nhiệm vụ thiết kế - Tuần 2,3,4 (6 buổi): Phân tích khu đất, tìm ý và hoàn thành thiết kế nhanh - Tuần 5,6,7,8 (8 buổi): Nghiên cứu và hoàn thiện giải pháp cụ thể - Tuần 9: Thể hiện đồ án <p>3.2. Khối lượng và tỷ lệ thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặt bằng tổng thể: TL 1/500 - Mặt bằng các tầng: TL 1/100 - Mặt cắt qua các không gian chính: TL 1/50 ÷ 1/100 - Mặt đứng chính: TL 1/50 ÷ 1/100 - Mặt bên: TL 1/50 ÷ 1/100 	5	5	30
			10
			10

<ul style="list-style-type: none"> - Phối cảnh tổng thể công trình - Chi tiết cấu tạo của giải pháp che chắn <p>3.3. Quy cách thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ cục hình vẽ trên giấy khổ A0 - Thể hiện hồ sơ bằng nét đen - trắng. Mặt đứng và phối cảnh có thể đẽm màu (hoặc vẽ màu nếu có ý đồ sử dụng màu sắc của vật liệu). - Diễn đạt chính xác tương quan giữa các yếu tố kiến trúc (xa-gần, khối, bộ cục). - Phối cảnh tổng thể dựng theo phương pháp hình chiếu phối cảnh để thể hiện rõ nhất giải pháp bộ cục và tổng hợp hình khối. - Chi tiết cấu tạo phù hợp với giải pháp không gian (mặt cắt) và kiến trúc (mặt đứng) của công trình. 			
Tổng	5	85	

10. Tài liệu tham khảo:

- [1]. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm, 2004. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật
- [2]. *Giáo trình thiết kế kiến trúc nhà dân dụng* – Bộ Xây dựng – NXB Xây dựng.
- [3]. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng*, 1987. NXB. Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM
- [4]. Trần Bút, 1997. *Lý thuyết sáng tác kiến trúc* - - Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM
- [5]. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm, 2004. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- [7]. Nguyễn Đức Thiềm, 2005. *Kiến trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất*, NXB Xây dựng.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Điểm đồ án cuối kỳ: 100%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- 1. Tên học phần: ĐỒ ÁN 4A: NHÀ CÔNG CỘNG 3 - Loại hình Thương mại**
- 2. Số tín chỉ:** 3 (0,3)
- 3. Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- 4. Ngành đào tạo:** Kiến trúc
- 5. Phân bố thời gian**
 - Thực hành: 90 tiết
 - Tự học: 180 tiết
- 6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Đồ án giúp sinh viên nâng cao kỹ năng thiết kế cũng như kiến thức chuyên môn đối với thể loại kiến trúc công cộng thể loại trung bình thông qua loại hình kiến trúc thương mại, giúp sinh viên nắm bắt các nguyên lý thiết kế, dây chuyền công năng và hình thức kiến trúc đặc thù của thể loại công trình này.

8. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp sáng tác kiến trúc công trình xây dựng thể loại công trình công cộng quy mô vừa, cụ thể là thể loại công trình thương mại.
- Vận dụng có hiệu quả các giải pháp bố cục cơ bản (tập trung, phân tán và hỗn hợp) để tổ hợp các không gian chức năng chính và phụ thành một công trình kiến trúc hoàn chỉnh, thỏa mãn yêu cầu sử dụng và thẩm mỹ,
- Nắm vững những nguyên tắc và kiến thức thực hành thiết kế ,một công trình công cộng quy mô trung bình: tuân thủ nhiệm vụ thiết kế, phù hợp với địa điểm xây dựng cụ thể và đáp ứng các quy phạm kỹ thuật cơ bản.

<ul style="list-style-type: none"> - Mặt bên: TL 1/50 ÷ 1/100 - Phối cảnh tổng thể công trình - Chi tiết cấu tạo của giải pháp che chắn <p>3.3. Quy cách thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ cục hình vẽ trên giấy khổ A1. - Thể hiện hồ sơ bằng nét đen - trắng. Mặt đứng và phối cảnh có thể đệm màu. - Diễn đạt chính xác tương quan giữa các yếu tố kiến trúc (xa - gần, khối, bộ cục). - Phối cảnh tổng thể dựng theo phương pháp hình chiếu phối cảnh để thể hiện rõ nhất giải pháp bố cục và tổng hợp hình khối. - Chi tiết cấu tạo phù hợp với giải pháp không gian (mặt cắt và kiến trúc (mặt đứng) của công trình. 			
Tổng	5	85	

10. Phần tài liệu tham khảo:

- [1]. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm, 2004. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật
- [2]. *Giáo trình thiết kế kiến trúc nhà dân dụng* – Bộ Xây dựng – NXB Xây dựng.
- [3]. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng*, 1987. NXB. Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM
- [4]. Trần Bút, 1997. *Lý thuyết sáng tác kiến trúc* - - Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM
- [5]. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm, 2004. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- [7]. Nguyễn Đức Thiềm, 2005. *Kiến trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất*, NXB Xây dựng.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Điểm đồ án cuối kỳ: 100%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: ĐỒ ÁN 4B: NHÀ CÔNG CỘNG 3 - Loại hình Văn hóa**
- Số tín chỉ: 3 (0,3)**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành đào tạo: Kiến trúc**
- Phân bố thời gian**
 - Thực hành: 90 tiết
 - Tự học: 180 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường**
- Mô tả tóm tắt học phần:**

Đồ án giúp sinh viên nâng cao kỹ năng thiết kế cũng như kiến thức chuyên môn đối với thể loại kiến trúc công cộng thể loại trung bình thông qua loại hình kiến trúc văn hóa, giúp sinh viên nắm bắt các nguyên lý thiết kế, dây chuyền công năng và hình thức kiến trúc đặc thù của thể loại công trình này.

8. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp sáng tác kiến trúc công trình xây dựng thể loại công trình công cộng quy mô vừa, cụ thể là thể loại công trình văn hóa.
- Vận dụng có hiệu quả các giải pháp bố cục cơ bản (tập trung, phân tán và hỗn hợp) để tổ hợp các không gian chức năng chính và phụ thành một công trình kiến trúc hoàn chỉnh, thỏa mãn yêu cầu sử dụng và thẩm mỹ,
- Nắm vững những nguyên tắc và kiến thức thực hành thiết kế ,một công trình công cộng quy mô trung bình: tuân thủ nhiệm vụ thiết kế, phù hợp với địa điểm xây dựng cụ thể và đáp ứng các quy phạm kỹ thuật cơ bản.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
--	-----------------------------------	-----------------------------------	----------------

<p>1. Thể loại công trình</p> <p>Những công trình công cộng loại hình văn hóa có cơ cấu chức năng tương đối phức tạp (với nhiều nội dung sử dụng đồng thời và đan xen lẫn nhau), yêu cầu diện tích sử dụng lớn, thể hiện ở bố cục mặt bằng tập trung hoặc phân tán.</p> <p>2. Địa điểm xây dựng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực theo qui hoạch chung nhằm phục vụ cho 1 hoặc vài đơn vị dân cư cấp cơ sở. Có thể tham gia trong thành phần khu trung tâm công cộng của thành phố. - Diện tích khu đất nghiên cứu: 2.500-3.000m². - Diện tích chiếm đất: 1.000-1.200m² (mật độ xây dựng 40-50%). - Quy mô xây dựng 2-3 tầng với tổng diện tích sàn 1.800- 2.200m² <p>3. Các quy định về thể hiện đồ án</p> <p>3.1. Kế hoạch thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuần 1 (2 buổi): Giảng đề, nghiên cứu nhiệm vụ thiết kế. - Tuần 2,3,4 (6 buổi): Phân tích khu đất, tìm ý và hoàn thành thiết kế nhanh. - Tuần 5,6,7,8 (7 buổi): Nghiên cứu và hoàn thiện giải pháp cụ thể. - Tuần 9: Thể hiện đồ án. <p>3.2 Khối lượng và tỷ lệ thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặt bằng tổng thể: TL 1/500 - Mặt bằng các tầng: TL 1/100 - Mặt cắt qua các không gian chính: TL 1/50 ÷ 1/100 - Mặt đứng chính: TL 1/50 ÷ 1/100 - Mặt bên: TL 1/50 ÷ 1/100 - Phối cảnh tổng thể công trình - Chi tiết cấu tạo của giải pháp che chắn <p>3.3. Quy cách thể hiện</p>	5	5	30
			40
			10

<ul style="list-style-type: none"> - Bố cục hình vẽ trên giấy khổ A1. - Thể hiện hồ sơ bằng nét đen - trắng. Mặt đứng và phối cảnh có thể đậm màu. - Diễn đạt chính xác tương quan giữa các yếu tố kiến trúc (xa - gần, khối, bố cục). - Phối cảnh tổng thể dựng theo phương pháp hình chiếu phối cảnh để thể hiện rõ nhất giải pháp bố cục và tổng hợp hình khối. - Chi tiết cấu tạo phù hợp với giải pháp không gian (mặt cắt và kiến trúc (mặt đứng) của công trình. 			
Tổng	5	85	

10. Phần tài liệu tham khảo:

[1]. *Giáo trình thiết kế kiến trúc nhà dân dụng* – Bộ Xây dựng – NXB Xây dựng.

[2]. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng*, 1987. NXB. Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM

[3]. Trần Bút, 1997. *Lý thuyết sáng tác kiến trúc* - - Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM

[4]. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm, 2004. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

[5]. Đặng Thái Hoàng, 1996. *Kiến trúc nhà ở*, NXB Xây dựng.

[6]. Nguyễn Đức Thiềm, 2005. *Kiến trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất*, NXB Xây dựng.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, sửa bài các buổi học)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Sinh viên sẽ làm một đề án lớn. Đề án này sẽ thay cho bài thi cuối kỳ).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** TIẾNG ANH 3 – TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH KIẾN TRÚC
- Số tín chỉ:** 3 (3,0)
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Kiến trúc
- Phân bố thời gian**
 - Lý thuyết: 30 tiết
 - Tự học: 60 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Gồm 6 bài:

- Balanced Proportion
- Frank Lloyd Wright
- Sydney Opera House
- Windsor Castle
- The International Style
- Green Architecture and Practices

Mỗi bài trình bày theo 3 phần: Reading Comprehension, Comprehensive exercises và Vocabulary exercises.

8. Mục tiêu học phần:

Giảng dạy tài liệu tiếng Anh chuyên ngành kiến trúc, các vấn đề cơ bản của Kiến trúc bằng Anh ngữ, giới thiệu và tăng cường vốn từ tiếng Anh chuyên ngành kiến trúc; hướng dẫn kỹ năng đọc hiểu chi sinh viên nhằm tạo nền tảng cho sinh viên tự đọc sách chuyên ngành kiến trúc bằng tiếng Anh trong quá trình tự nghiên cứu sau này.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
I.Balanced Proportion	5	5	

- Reading comprehension - Comprehensive exercises Vocabulary exercises			
II. Frank Lloyd Wright - Reading comprehension - Comprehensive exercises - Vocabulary exercises	5	5	
III. Sydney Opera House - Reading comprehension - Comprehensive exercises - Vocabulary exercises	5	5	
IV. Windsor Castle - Reading comprehension - Comprehensive exercises - Vocabulary exercises	5	5	
V. The International Style - Reading comprehension - Comprehensive exercises - Vocabulary exercises	5	5	
VI. Green Architecture and Practices - Reading comprehension - Comprehensive exercises - Vocabulary exercises	5	5	
Tổng	30	30	

10. Phần tài liệu tham khảo:

- [1]. Jack C. Richard, 2004. Basic tactics for Listening — NXB Oxford
- [2]. Liz & John Soars, 2001 American Headway 3 — NXB Oxford.
- [3]. Jack C. Richard, 2004. Developing tactics for Listening — NXB Oxford

[4]. James Cumming, 2015. *Tiếng anh trong kiến trúc và xây dựng*. NXB. Xây dựng Hà Nội

[5]. GS. Võ Như Cầu, 2015. *Tiếng anh trong xây dựng và kiến trúc*, NXB. Xây dựng Hà Nội-

[6]. ThS. Vi Thị Quốc Khánh, 2015. *Tiếng anh chuyên ngành kiến trúc, xây dựng, quy hoạch và kỹ thuật xây dựng đô thị*, NXB. Xây dựng Hà Nội.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: ĐỒ ÁN SÁNG TÁC CƠ SỞ

2. Số tín chỉ: 2 (2,0)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc

5. Phân bố thời gian

- Thực hành: 60 tiết

- Tự học: 60 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Đồ án sáng tác kiến trúc nhỏ bao gồm những kiến trúc cơ bản về công tác thiết kế kiến trúc. Hướng dẫn sinh viên làm quen với các tiêu chuẩn thiết kế kiến trúc thông dụng và phương pháp sáng tác kiến trúc với đối tượng là một công trình kiến trúc nhỏ trong đô thị. Sinh viên hiểu được việc sơ phác, ý tưởng, triển khai, phát triển ý tưởng và thể hiện nó. Khuyến khích sinh viên làm mô hình.

8. Mục tiêu học phần:

- Cung cấp kiến thức cơ bản về sáng tác thiết kế đồ án kiến trúc.
- Rèn luyện kỹ năng diễn họa.
- Rèn luyện kỹ năng thực hiện bản vẽ đồ án kiến trúc.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
I. Tổng quát về kiến trúc nhỏ 1. Sự hiện diện của kiến trúc nhỏ trong đô thị xưa và nay 2. Những vấn đề cần lưu tâm về kiến trúc nhỏ	5	55	

<p>II. Đặc trưng của kiến trúc nhỏ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa kiến trúc nhỏ 2. Các loại kiến trúc nhỏ 3. Qui mô & cơ cấu chức năng của kiến trúc nhỏ 4. Đặc điểm kỹ thuật 5. Đặc điểm thẩm mỹ 6. Một số bệnh trạng thường có của công trình kiến trúc nhỏ <p>III. Những chỉ số cần thiết hỗ trợ thiết kế kiến trúc nhỏ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trường nhìn và tâm lý thị giác trong kiến trúc nhỏ 2. Gợi ý qui trình thiết kế công trình kiến trúc nhỏ 3. Một vài định chuẩn hỗ trợ thiết kế 			
Tổng	5	55	

10. Phần tài liệu tham khảo:

- [1]. PTS.KTS. Hàn Tất Ngạn, 1990. *Kiến trúc cảnh quan*, NXB Xây dựng
- [2]. Đặng Thái Hoàng, 2014. *Sáng tác Kiến Trúc*, NXB. Xây dựng Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Bá Minh- Nguyễn Sỹ Quê, 2013. *Giáo trình cơ sở kiến trúc*, NXB. Xây dựng Hà Nội.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

Điểm đồ án cuối kỳ: 100%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

12. Tên học phần: **LỊCH SỬ KIẾN TRÚC PHƯƠNG TÂY**

13. Số tín chỉ: 3 (3,0)

14. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

15. Ngành đào tạo: Kiến trúc

16. Phân bố thời gian

- Lý thuyết: 45tiết

- Tự học: 90 tiết

17. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng
– Môi trường

18. Mô tả tóm tắt học phần:

Nội dung học phần cung cấp kiến thức cơ bản về đặc điểm nghệ thuật và kỹ thuật kiến trúc, các thể loại công trình đặc trưng gắn liền với bối cảnh tự nhiên – xã hội của các nền kiến trúc phương Tây tiêu biểu. Bao gồm 3 phần: Phần 1: Kiến trúc thời kỳ Cổ đại; Phần 2: Kiến trúc thời kỳ Trung đại; Phần 3: Kiến trúc Cận hiện đại TBCN.

19. Mục tiêu học phần:

Giúp cho sinh viên hiểu được quá trình phát triển của kiến trúc các nước phương Tây, qua đó trang bị cho sinh viên một phần lý luận cơ bản để vận dụng vào thực hành sáng tác và phân tích công trình kiến trúc.

20. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
PHẦN I: KIẾN TRÚC THỜI KỲ CỔ ĐẠI (THỜI KỲ XÃ HỘI CHIẾM HỮU NÔ LỆ) Chương I: Kiến trúc Ai Cập cổ đại I. Ảnh hưởng tự nhiên và xã hội II. Đặc điểm kiến trúc III. Các loại hình kiến trúc tiêu biểu	15		

<p>Chương II: Kiến trúc Lương Hà cổ đại</p> <p>I. Ảnh hưởng tự nhiên và xã hội</p> <p>II. Đặc điểm kiến trúc</p> <p>III. Các loại hình kiến trúc tiêu biểu</p> <p>Chương III: Kiến trúc Ba Tư cổ đại</p> <p>I. Ảnh hưởng tự nhiên và xã hội</p> <p>II. Đặc điểm kiến trúc</p> <p>III. Công trình tiêu biểu</p> <p>Chương IV: Kiến trúc Hy Lạp cổ đại</p> <p>I. Ảnh hưởng tự nhiên và xã hội</p> <p>II. Đặc điểm kiến trúc</p> <p>Kiến trúc giai đoạn Tiền Hy Lạp</p> <p>Kiến trúc giai đoạn Hy Lạp chính thống</p> <p>III. Công trình tiêu biểu</p>			
<p>Chương V: Kiến trúc La Mã cổ đại</p> <p>I. Ảnh hưởng tự nhiên và xã hội</p> <p>II. Đặc điểm kiến trúc</p> <p>III. Các loại hình kiến trúc tiêu biểu</p> <p>PHẦN II: KIẾN TRÚC THỜI KỲ TRUNG ĐẠI (THỜI KỲ XÃ HỘI PHONG KIẾN)</p> <p>Chương I: Kiến trúc Byzantine</p> <p>I. Ảnh hưởng tự nhiên và xã hội</p> <p>II. Đặc điểm kiến trúc</p> <p>III. Các loại hình kiến trúc tiêu biểu</p> <p>Chương II: Kiến trúc Romanesque</p> <p>I. Ảnh hưởng tự nhiên và xã hội</p> <p>II. Đặc điểm kiến trúc</p> <p>III. Các loại hình kiến trúc tiêu biểu</p> <p>Chương III: Kiến trúc Gothic</p> <p>I. Ảnh hưởng tự nhiên và xã hội</p>	15		

<p>II. Đặc điểm kiến trúc</p> <p>III. Các loại hình kiến trúc tiêu biểu</p> <p>Chương IV: Kiến trúc thời đại Phục Hưng</p> <p>I. Ảnh hưởng tự nhiên và xã hội</p> <p>II. Đặc điểm kiến trúc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kiến trúc Phục Hưng ở Italy 2. Kiến trúc Phục Hưng ở Châu Âu 3. Kiến trúc kinh điển Pháp 4. Kiến trúc phong cách Baroque 5. Kiến trúc phong cách Rococo <p>III. Các loại hình kiến trúc tiêu biểu</p>			
<p>PHẦN III: KIẾN TRÚC CẬN HIỆN ĐẠI TƯ BẢN CHỦ NGHĨA</p> <p>Chương I: Kiến trúc cận đại giai đoạn 1 (1760 – 1880)</p> <p>I. Bối cảnh</p> <p>II. Đặc điểm các xu hướng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xu hướng kiến trúc Tân cổ điển 2. Xu hướng kiến trúc phục cổ Gothic ở Anh <p>Chương II: Kiến trúc cận đại giai đoạn 2 (1880 – đầu t.k XV)</p> <p>I. Ảnh hưởng kinh tế xã hội</p> <p>II. Đặc điểm các trào lưu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xu hướng kiến trúc Mỹ thuật mới 2. Xu hướng kiến trúc Art – Nouveau <p>Chương III: Kiến trúc Hiện đại (t.k XX)</p> <p>I. Ảnh hưởng kinh tế xã hội</p> <p>II. Các trào lưu kiến trúc và các kiến trúc sư tiêu biểu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kiến trúc Hiện đại tiên kỳ 2. Kiến trúc Công năng chủ nghĩa 3. Kiến trúc hữu cơ 	15		

4. Kiến trúc Thô mộc chủ nghĩa			
5. Kiến trúc của phái Kết cấu chủ nghĩa			
6. Kiến trúc biểu hiện mới			
Chương IV: Kiến trúc Hậu hiện đại (sau 1970)			
Tổng	45		

21. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Đỗ Thị An Lộc, 1984. *Lược sử kiến trúc thế giới*, NXB. ĐH Kiến trúc Hà Nội
- [2]. Đặng Thái Hoàng, 1978. *Lược thảo nghệ thuật kiến trúc thế giới*, NXB Văn hóa Hà Nội
- [3]. KTS. Trần Trọng Chi, 2012. *Lược sử kiến trúc thế giới Quyển 1*, NXB Xây dựng Hà Nội.
- [3]. KTS. Trần Trọng Chi, 2012. *Lược sử kiến trúc thế giới Quyển 2*, NXB Xây dựng Hà Nội.

22. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: CHUYÊN ĐỀ 2: KIẾN TRÚC VÀ MÔI TRƯỜNG

2. Số tín chỉ: 2(2,0)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc

5. Phân bố thời gian

- Lý thuyết: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mục tiêu học phần:

Sinh viên nắm được mối liên hệ giữa kiến trúc với môi trường, từ đó có một cái nhìn thận trọng hơn trong cách tiếp cận vấn đề và áp dụng vào trong lý luận thiết kế kiến trúc.

8. Mô tả tóm tắt học phần:

Chuyên đề này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết về vai trò và mối liên hệ giữa kiến trúc với yếu tố môi trường. Sự tác động của lĩnh vực xây dựng đối với môi trường thiên nhiên và những yêu cầu quan trọng dưới góc độ khoa học môi trường, khoa học vật lý kiến trúc nhằm tạo lập môi trường vi khí hậu, đáp ứng tốt nhất cho các hoạt động của con người trong không gian của môi trường sống nhưng phải đảm bảo bảo vệ môi trường sinh thái tự nhiên, hướng đến các vấn đề thiết kế bền vững.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I: Những khái niệm cơ bản về môi trường I. Môi trường và cấu trúc hệ thống môi trường II. Chức năng của hệ thống môi trường	5		

III. An ninh môi trường và an toàn môi trường IV. Những vấn đề môi trường toàn cầu V. Những vấn đề môi trường ở Việt Nam			
Chương II: Phân tích hai mô hình phát triển: phát triển không bền vững và phát triển bền vững I. Khái niệm và nội dung phát triển không bền vững và phát triển bền vững II. Các mục tiêu của phát triển bền vững III. Những quan niệm khác biệt cơ bản giữa hai mô hình phát triển	5		
Chương III: Mô hình phát triển bền vững ở nông thôn và đô thị I. Phát triển bền vững nông thôn II. Phát triển bền vững đô thị	10		
Chương IV: Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong lĩnh vực kiến trúc – xây dựng I. Tác động của lĩnh vực kiến trúc xây dựng đối với môi trường II. Mười tiêu chuẩn chung của phát triển bền vững III. Các hệ thống đánh giá thiết kế bền vững trong lĩnh vực thiết kế kiến trúc IV. Các yếu tố quan trọng trong thiết kế xây dựng kiến trúc hướng đến thiết kế bền vững V. Khoa học công nghệ và môi trường	10		
Tổng	30		

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Huy Côn, 2004. *Kiến trúc và môi trường*, NXB, Xây dựng Hà Nội
2. TSKH. Phạm Ngọc Đăng- ThS. Phạm Hải Hà, 2014. *Nhiệt và khí hậu kiến trúc*, NXB, Xây dựng Hà Nội.
3. Việt Hà, Nguyễn Ngọc Giả Khí, 2011. *Khí hậu kiến trúc*, NXB. Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Phạm Ngọc Đăng, Phạm Hải Hà, 2011. *Nhiệt và khí hậu kiến trúc*.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, sửa bài các buổi học)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Sinh viên sẽ làm một đồ án lớn. Đồ án này sẽ thay cho bài thi cuối kỳ).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** TIN HỌC ỨNG DỤNG 1 - AUTOCAD
- Số tín chỉ:** 2 (0,2)
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Kiến trúc, Xây dựng, Quản lý đất đai
- Phân bố thời gian**
 - Thực hành: 60 tiết
 - Tự học: 120 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường
- Mô tả tóm tắt học phần:**

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về CAD (Computer Aided Design) và cách thể hiện theo đúng quy cách trên một bản vẽ kỹ thuật thông qua các kiến thức về: tỉ lệ, kích thước, các hình chiếu, hình cắt, mặt cắt....

8. Mục tiêu học phần:

- Kiến thức: Cung cấp các khái niệm cơ bản cũng như cách thức trình bày, đọc hiểu một bản vẽ kỹ thuật
- Kỹ năng: Nắm được qui cách của một bản vẽ kỹ thuật, biết cách vẽ (bằng tay) và biểu diễn vật thể với các hình chiếu của nó, hiểu và vẽ được các bản vẽ kỹ thuật về lĩnh vực chuyên ngành kiến trúc, ứng dụng phần mềm AutoCAD để vẽ trên máy tính.
- Thái độ, chuyên cần: Đi học đầy đủ và đúng giờ, tích cực học tập ở lớp và ở nhà, nâng cao tính chủ động học tập phù hợp với yêu cầu của đào tạo theo tín chỉ.

9. Nội dung:

NỘI DUNG(Chương, tiết)	Lý thuyết(tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I: Tiêu chuẩn – Quy cách trình bày bản vẽ - Nhập môn AutoCaD	3	6	

<ol style="list-style-type: none"> 1. Vật liệu – Dụng cụ 2. Khổ giấy, khung bản vẽ, khung tên 3. Tỷ lệ 4. Chữ và chữ số 5. Nét vẽ - Kích thước 6. Tổng quan về AutoCAD 			
<p>Chương II: Vẽ hình học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các phép xây dựng hình trên bản vẽ kỹ thuật 2. Một số đường cong thường gặp 3. Hệ tọa độ trong AutoCAD 4. Các lệnh vẽ cơ bản trong AutoCAD: <ol style="list-style-type: none"> 4.1. Point, Line, Pline, Polygon, Rectang 4.2. Spline, Circle, Arc, Ellipse 4.3. Trim, Break, Chamfer, Fillet, EXtend 	3	6	
<p>Chương III: Biểu diễn vật thể</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quy tắc chiếu – Hình chiếu 2. Các hình chiếu cơ bản: Vẽ hình chiếu thứ 3 – Vẽ giao tuyến 3. Hình cắt – mặt cắt 4. Hình chiếu riêng phần 5. Hình trích 6. Các lệnh hiệu chỉnh cơ bản trong AutoCAD <ol style="list-style-type: none"> 6.1. Move – Rotate – Mirror 6.2. Copy – Offset – Array 6.3. Bhatch – Hatchedit 6.4. Layer - Ltscale 	6	12	
<p>Chương IV: Hình chiếu trục đo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm và cách thành lập 2. Một số hệ trục đo thường dùng 3. Chọn và vẽ hình chiếu trục đo 	3	6	

4. Hình cắt trên hình chiếu trục đo			
5. Các lệnh ghi kích thước và in ấn trong AutoCAD			
5.1. Dimliner – Dimradius – Dimdiameter			
5.2. Dimangular – Dimcontinue – Dimedit			
5.3. Plot			
Tổng	15	30	

10. Phần tài liệu tham khảo:

- [1]. Nguyễn Hữu Trí, Nguyễn Thị Kim Tú. *Đồ họa kiến trúc, vẽ kỹ thuật kiến trúc (Tập 1)*, NXB. Đại học kiến trúc Thành Phố Hồ Chí Minh.
- [2]. Nguyễn Văn Tiến, *Vẽ kỹ thuật bằng Autocad*, NXB. Giáo Dục
- [3]. Phạm Nguyễn Tấn Long, Hồng Đức. *Cc kỹ năng & thủ thuật t/kế bản vẽ AutoCad 2008 Pro*
- [4]. Đoàn Như Kim(chủ biên)- Nguyễn Quang Cự- Dương Tiến Thọ, 2016. *Vẽ Kỹ thuật xây dựng*, NXB Giáo dục VN
- [5]. Phạm Văn Nhuận. *Btập vẽ kỹ thuật có hướng dẫn ứng dụng Autocad*.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Điểm trung bình các bài kiểm tra.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Ngành đào tạo: Kiến trúc

Hệ đào tạo: Đại học chính quy

- Tên học phần: ĐỒ ÁN 5A: NHÀ Ở 2 + NỘI THẤT- Loại hình Nhà chung cư**
- Số tín chỉ:** 3 (0,3)
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Kiến trúc
- Phân bố thời gian**
 - Thực hành: 90 tiết
 - Tự học: 180 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường
- Mục tiêu học phần:**
 - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp sáng tác kiến trúc công trình dân dụng thể loại nhà ở quy mô nhiều tầng.
 - Hiểu vững và thực hành tổ hợp hình khối bằng phương pháp lắp ghép các mô-đun cơ sở (đơn nguyên). Giải pháp kiến trúc bảo đảm tính độc lập cho mỗi đơn nguyên với nhau thành một công trình tổng thể.
 - Hiểu vững kiến thức lý thuyết và thực hành về các thể loại kiến trúc nhà ở thường gặp trong thực tế. Bước đầu vận dụng việc tiêu chuẩn hóa thiết kế nhà ở trong điều kiện hiện tại, đồng thời khuyến khích các đề xuất sáng tạo cho nhà ở trong tương lai.
- Mô tả tóm tắt học phần:**

Đồ án giúp sinh viên nâng cao kỹ thuật thiết kế cũng như kiến thức chuyên môn đối với thể loại kiến trúc nhà ở quy mô trung bình thông qua thể loại nhà ở tập trung gia đình, giúp sinh viên nắm bắt các nguyên lý thiết kế, dây chuyền công năng và hình thức kiến trúc đặc thù của thể loại công trình này.
- Nội dung:**

<p style="text-align: center;">NỘI DUNG (Chương, tiết)</p>	<p style="text-align: center;">Lý thuyết (tiết)</p>	<p style="text-align: center;">Thực hành (tiết)</p>	<p style="text-align: center;">Ghi chú</p>
<p>1. Thể loại công trình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà ở có số tầng trung bình (5-7 tầng) - Gồm các loại : <ul style="list-style-type: none"> + Nhà ở chung cư + Nhà ở ghép hộ 			
<p>2. Địa điểm xây dựng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong các khu dân cư đô thị có mật độ trung bình. - Có điều kiện thuận lợi về giao thông và hệ thống dịch vụ công cộng. - Diện tích khu đất: 4.500-5.000m² - Diện tích chiếm đất: 2.000-2.500m² (40. - 50%) - Quy mô trung bình: nhà ở 60-90 căn hộ <p>3. Các quy định về thể hiện đồ án</p> <p>3.1. Các giai đoạn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuần 1 (2 buổi): Giảng đề, nghiên cứu nhiệm vụ thiết kế. - Tuần 2,3,4 (6 buổi): Phân tích khu đất, tìm ý và hoàn thành thiết kế nhanh. - Tuần 5,6,7,8 (8 buổi): Nghiên cứu và hoàn thiện giải pháp cụ thể. - Tuần 9: Thể hiện đồ án <p>3.2 Khối lượng và tỷ lệ thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặt bằng tổng thể (có các chỉ giới và công trình lân cận): TL 1/200-1/500 - Mặt bằng các tầng: TL 1/100 - Mặt bằng 1 căn hộ điển hình : TL 1/50 	<p>5</p>	<p>5</p> <p>30</p> <p>40</p> <p>10</p>	

<ul style="list-style-type: none"> - Các mặt cắt : TL 1/50 ÷ 1/100 - Các mặt đứng: TL 1/50 ÷ 1/100 - Phối cảnh công trình - Minh họa nội thất không gian sử dụng chính - Chi tiết cấu tạo kết cấu bao che <p>3.3. Quy cách thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố cục hình vẽ trên giấy khổ A 1. - Thể hiện bằng tay kết hợp kỹ thuật đồ họa kiến trúc. Mặt đứng và phối cảnh có thể vẽ màu. - Diễn đạt chính xác tương quan giữa các yếu tố kiến trúc (xa - gần, khối, bố cục). - Minh họa nội thất bằng nét kết hợp đậm màu. 			
Tổng	5	85	

10. Phần tài liệu tham khảo:

- [1]. *Giáo trình thiết kế kiến trúc nhà dân dụng* – Bộ Xây dựng – NXB Xây dựng.
- [2]. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng*, 1987. NXB. Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM
- [3]. Trần Bút, 1997. *Lý thuyết sáng tác kiến trúc* - - Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM
- [4]. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm, 2004. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- [5]. Đặng Thái Hoàng, 1996. *Kiến trúc nhà ở*, NXB Xây dựng.
- [6]. Nguyễn Đức Thiềm, 2005. *Kiến trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất*, NXB Xây dựng.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

Điểm đồ án cuối kỳ: 100%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** ĐỒ ÁN 5B: NHÀ Ở 2+NỘI THẤT - Loại hình Nhà văn phòng
- Số tín chỉ:** 3 (0,3)
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Kiến trúc
- Phân bố thời gian**
 - Thực hành: 90 tiết
 - Tự học: 180 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường
- Mô tả tóm tắt học phần:**

Đồ án giúp sinh viên nâng cao kỹ thuật thiết kế cũng như kiến thức chuyên môn đối với thể loại kiến trúc nhà ở quy mô trung bình thông qua thể loại kiến trúc nhà ở tập trung phi gia đình, giúp sinh viên nắm bắt các nguyên lý thiết kế, dây chuyền công năng và hình thức kiến trúc đặc thù của thể loại công trình này .
- Mục tiêu học phần:**
 - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp sáng tác kiến trúc công trình dân dụng thể loại nhà ở quy mô nhiều tầng .
 - Nắm vững và thực hành tổ hợp hình khối bằng phương pháp lắp ghép các mô-đun cơ sở (đơn nguyên). Giải pháp kiến trúc bảo đảm tính độc lập cho mỗi đơn nguyên với nhau thành một công trình tổng thể
 - Nắm vững kiến thức lý thuyết và thực hành về các thể loại kiến trúc nhà ở thường gặp trong thực tế. Bước đầu vận dụng việc tiêu chuẩn hóa thiết kế nhà ở trong điều kiện hiện tại, đồng thời khuyến khích các đề xuất sáng tạo cho nhà ở trong tương lai.
- Nội dung:**

NỘI DUNG (Chương ,tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
------------------------------------	----------------------------	----------------------------	----------------

<p>1. Thể loại công trình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà ở có số tầng trung bình (5-7 tầng) - Gồm các loại : <ul style="list-style-type: none"> + Ký túc xá sinh viên + Nhà nghỉ dưỡng <p>2. Địa điểm xây dựng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong các khu dân cư đô thị có mật độ trung bình. - Có điều kiện thuận lợi về giao thông và hệ thống dịch vụ công cộng. - Diện tích khu đất: 4.500-5.000m² - Diện tích chiếm đất: 2.000-2.500m² (40. - 50%) - Quy mô trung bình: ký túc xá cho khoảng 300-500 sinh viên. <p>3. Các quy định về thể hiện đồ án</p> <p>3.1. Các giai đoạn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuần 1 (2 buổi): Giảng đề, nghiên cứu nhiệm vụ thiết kế. - Tuần 2,3,4 (6 buổi): Phân tích khu đất, tìm ý và hoàn thành thiết kế nhanh. - Tuần 5,6,7,8 (8 buổi): Nghiên cứu và hoàn thiện giải pháp cụ thể. - Tuần 9: Thể hiện đồ án <p>3.2 Khối lượng và tỷ lệ thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặt bằng tổng thể (có các chỉ giới và công trình lân cận): TL 1/200 ÷ 1/500 - Mặt bằng các tầng: TL 1/100 - Mặt bằng 1 căn hộ điển hình: TL 1/50 - Các mặt cắt: TL 1/50 ÷ 1/100 - Các mặt đứng: TL 1/50 ÷ 1/100 	5	5	30	40	10
---	---	---	----	----	----

<ul style="list-style-type: none"> - Phối cảnh công trình - Minh họa nội thất không gian sử dụng chính - Chi tiết cấu tạo kết cấu bao che <p>3.3. Quy cách thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố cục hình vẽ trên giấy khổ A 1. - Thể hiện bằng tay kết hợp kỹ thuật đồ họa kiến trúc. - Mặt đứng và phối cảnh có thể vẽ màu. - Minh họa nội thất bằng nét kết hợp đậm màu. 			
Tổng	5	85	

10. Phần tài liệu tham khảo:

[1]. *Giáo trình thiết kế kiến trúc nhà dân dụng* – Bộ Xây dựng – NXB Xây dựng.

[2]. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng*, 1987. NXB. Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM

[3]. Trần Bút, 1997. *Lý thuyết sáng tác kiến trúc* - - Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM

[4]. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm, 2004. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

[5]. Đặng Thái Hoàng, 1996. *Kiến trúc nhà ở*, NXB Xây dựng.

[6]. Nguyễn Đức Thiềm, 2005. *Kiến trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất*, NXB Xây dựng.

[7]. *GT- Nguyên lý thiết kế kiến trúc nội thất*, NXB. Hà Nội

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

Điểm đồ án cuối kỳ: 100%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: ĐỒ ÁN 6A: NHÀ CÔNG CỘNG 4 - Loại hình Giáo dục**
- Số tín chỉ: 3 (0,3)**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành đào tạo: Kiến trúc**
- Phân bố thời gian**
 - Thực hành: 90 tiết
 - Tự học: 90 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường**

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Đồ án giúp sinh viên nâng cao kỹ năng thiết kế cũng như kiến thức chuyên môn đối với thể loại kiến trúc công cộng quy mô lớn thông qua thể loại kiến trúc y tế, giúp sinh viên nắm bắt các nguyên lý thiết kế, dây chuyền công năng và hình thức kiến trúc đặc thù của thể loại công trình này.

8. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp sáng tác kiến trúc công trình dân dụng thể loại công trình giáo dục có quy mô lớn về khẩu độ, diện tích.
- Giúp sinh viên tìm hiểu những thông tin cần thiết về kỹ thuật phục vụ cho thiết kế kiến trúc công trình (kết cấu, hệ thống kỹ thuật, trang thiết bị).
- Sinh viên có thể thiết kế khai triển kiến trúc và trang thiết bị kỹ thuật cơ bản một công trình kiến trúc có quy mô lớn.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
1. Thể loại công trình : Những công trình công cộng loại hình giáo dục có cơ cấu chức năng tương đối phức tạp(với nhiều nội dung sử dụng đồng thời và đan xen lẫn nhau), yêu cầu diện tích sử dụng lớn, thể hiện ở bố cục mặt bằng			

<p>phân tán</p> <p>2. Địa điểm xây dựng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực cho qui hoạch chung nhằm phục vụ cho 1 hoặc vài đơn vị dân cư cấp cơ sở (phường, xóm, tiểu khu,...). Có thể tham gia trong thành phần khu trung tâm công cộng của điểm dân cư nông thôn hoặc thành phố. - Diện tích chiếm đất: 3.500-4.00m² (hệ số sử dụng đất 30 - 35%). - Quy mô xây dựng 3-5 tầng với tổng diện tích sàn 1.800-2.200m². - Tùy theo địa điểm xây dựng được chọn ở thành phố, nông thôn hay miền núi sinh viên có thể giả định điều kiện cụ thể của khu đất (hình dạng, kích thước, địa hình, phương hướng...), các quy định về qui hoạch, kiến trúc (nếu có). <p>3. Các quy định về thể hiện đồ án</p> <p>3.1. Kế hoạch thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuần 1 (2 buổi): Giảng đề, nghiên cứu nhiệm vụ thiết kế. - Tuần 2,3,4 (6 buổi): Phân tích khu đất, tìm ý và hoàn thành thiết kế nhanh. - Tuần 5,6,7,8 (8buổi): Nghiên cứu và hoàn thiện giải pháp cụ thể - Tuần 9 (6 buổi): Thể hiện đồ án <p>3.2 Khối lượng và tỷ lệ thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặt bằng tổng thể công trình: TL 1/500 - Mặt bằng các tầng: TL 1/100 ÷ 1/200 - Các mặt cắt (đọc và ngang): TL 1/50 ÷ 1/100 - Mặt đứng chính: TL 1/50 ÷ 1/100 - Các mặt đứng khác: TL 1/100 ÷ 1/200 - Phối cảnh công trình - Chi tiết cấu tạo kiến trúc đặc thù <p>3.3. Quy cách thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố cục hình vẽ trên giấy khổ A0. - Thể hiện hồ sơ bằng nét đen - trắng. Mặt đứng phối cảnh có thể đệm màu (hoặc vẽ màu nếu có ý đồ sử dụng màu sắc của vật liệu). - Diễn đạt chính xác tương quan giữa các yếu tố 	5	5	30
			40
			10

kiến trúc (xa - gần, khối, bố cục). - Phối cảnh tổng thể dựng theo phương pháp hình chiếu phối cảnh để thể hiện rõ nhất giải pháp bố cục và tổng hợp hình khối.			
Tổng	5	85	

10. Phần tài liệu tham khảo:

[1]. *Giáo trình thiết kế kiến trúc nhà dân dụng* – Bộ Xây dựng – NXB Xây dựng.

[2]. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng*, 1987. NXB. Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM

[3]. Trần Bút, 1997. *Lý thuyết sáng tác kiến trúc* - - Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM

[4]. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm, 2004. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

[5]. Đặng Thái Hoàng, 1996. *Kiến trúc nhà ở*, NXB Xây dựng.

[6]. Nguyễn Đức Thiềm, 2005. *Kiến trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất*, NXB Xây dựng.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

– Điểm đồ án cuối kỳ: 100%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: ĐỒ ÁN 6B: NHÀ CÔNG CỘNG 4 - Loại hình Y tế**
- Số tín chỉ: 3 (0,3)**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành đào tạo: Kiến trúc**
- Phân bố thời gian**
 - Thực hành: 90 tiết
 - Tự học: 90 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường**
- Mô tả tóm tắt học phần:**

Đồ án giúp sinh viên nâng cao kỹ năng thiết kế cũng như kiến thức chuyên môn đối với thể loại kiến trúc công cộng quy mô lớn thông qua thể loại kiến trúc y tế, giúp sinh viên nắm bắt các nguyên lý thiết kế, dây chuyền công năng và hình thức kiến trúc đặc thù của thể loại công trình này.
- Mục tiêu học phần:**
 - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp sáng tác kiến trúc công trình dân dụng thể loại công trình y tế có quy mô lớn về khẩu độ, diện tích.
 - Giúp sinh viên tìm hiểu những thông tin cần thiết về kỹ thuật phục vụ cho thiết kế kiến trúc công trình (kết cấu, hệ thống kỹ thuật, trang thiết bị).
 - Sinh viên có thể thiết kế khai triển kiến trúc và trang thiết bị kỹ thuật cơ bản một công trình kiến trúc có quy mô lớn.
- Nội dung:**

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
--	-----------------------------------	-----------------------------------	----------------

<p>1. Thể loại công trình:</p> <p>Những công trình công cộng loại hình y tế có cơ cấu chức năng tương đối phức tạp (với nhiều nội dung sử dụng đồng thời và đan xen lẫn nhau), yêu cầu diện tích sử dụng lớn, thể hiện ở bố cục mặt bằng tập trung hoặc bán phân tán.</p> <p>2. Địa điểm xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực cho qui hoạch chung nhằm phục vụ cho 1 hoặc vài đơn vị dân cư cấp cơ sở (phường, xóm, tiểu khu,...). Có thể tham gia trong thành phần khu trung tâm công cộng của điểm dân cư nông thôn hoặc thành phố. - Diện tích khu đất nghiên cứu: 12.000 – 15.000m² - Diện tích chiếm đất: 3.500-4.000m² (30 – 35%) - Tùy theo địa điểm xây dựng được chọn ở thành phố, nông thôn hay miền núi sinh viên có thể giả định điều kiện cụ thể của khu đất (hình dạng, kích thước, địa hình, phương hướng...), các quy định về qui hoạch, kiến trúc (nếu có). <p>3. Các quy định về thể hiện đồ án:</p> <p>3.1. Kế hoạch thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuần 1 (2 buổi): Giảng đề, nghiên cứu nhiệm vụ thiết kế. - Tuần 2,3,4 (6 buổi): Phân tích khu đất, tìm ý và hoàn thành thiết kế nhanh. - Tuần 5,6,7,8 (8 buổi): Nghiên cứu và hoàn thiện giải pháp cụ thể. - Tuần 9 (6 buổi): Thể hiện đồ án. <p>3.2. Khối lượng và tỷ lệ thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặt bằng tổng thể công trình: TL 1/500 - Mặt bằng các tầng: TL 1/100 ÷ 1/200 - Các mặt cắt (dọc và ngang): TL 1/50 ÷ 1/100 - Mặt đứng chính: TL 1/50 ÷ 1/100 - Các mặt đứng khác: TL 1/100 ÷ 1/200 	5	5 30 40 10	
---	---	---------------------	--

<ul style="list-style-type: none"> - Phối cảnh công trình - Chi tiết cấu tạo kiến trúc đặc thù <p>3.3. Quy cách thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ cục hình vẽ trên giấy khổ A0. - Thể hiện hồ sơ bằng nét đen - trắng. Mặt đứng phối cảnh có thể đệm màu (hoặc vẽ màu nếu có ý đồ sử dụng màu sắc của vật liệu). - Diễn đạt chính xác tương quan giữa các yếu tố kiến trúc (xa - gần, khối, bộ cục). - Phối cảnh tổng thể dựng theo phương pháp hình chiếu phối cảnh để thể hiện rõ nhất giải pháp bộ cục và tổng hợp hình khối. - Chi tiết cấu tạo phù hợp với giải pháp không gian (mặt cắt) và kiến trúc (mặt đứng) của công trình. 			
Tổng	5	85	

10. Phần tài liệu tham khảo:

[1]. *Giáo trình thiết kế kiến trúc nhà dân dụng* – Bộ Xây dựng – NXB Xây dựng.

[2]. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng*, 1987. NXB. Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM

[3]. Trần Bút, 1997. *Lý thuyết sáng tác kiến trúc* - - Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM

[4]. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm, 2004. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

[5]. Đặng Thái Hoàng, 1996. *Kiến trúc nhà ở*, NXB Xây dựng.

[6]. Nguyễn Đức Thiềm, 2005. *Kiến trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất*, NXB Xây dựng.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Điểm đồ án cuối kỳ: 100%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

23. Tên học phần: CHUYÊN ĐỀ 3 - KẾT CẤU NHÀ CAO TẦNG

24. Số tín chỉ: 2(2,0)

25. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

26. Ngành đào tạo: Kiến trúc

27. Phân bố thời gian

- Lý thuyết: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết

28. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

29. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần này gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên những nguyên tắc cơ bản, chọn giải pháp kết cấu hợp lý, cách phân tích, áp dụng các giả thiết, sơ đồ tính toán, các yêu cầu cấu tạo sao cho phù hợp với thực tế làm việc của từng dạng kết cấu nhà cao tầng.

30. Mục tiêu học phần:

- Cơ bản hiểu được các nguyên lý về sự làm việc, tính toán, cấu tạo, thiết kế một số bộ phận kết cấu trong nhà cao tầng.
- Có khả năng phân tích, tính toán, cấu tạo một số bộ phận kết cấu trong nhà cao tầng.

31. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I: Các hệ kết cấu chịu lực nhà cao tầng I. Khái niệm về các hệ kết cấu chịu lực II. Phương pháp lựa chọn kết cấu nhà cao tầng	5		
Chương II: Tính toán kết cấu nhà cao tầng I. Khái niệm chung	5		

II. Xác định tải trọng			
Chương III: Tính toán các hệ chịu lực theo sơ đồ phẳng I. Hệ khung- vách II. Chuyển vị ngang của khung nhiều tầng, nhiều nhịp III. Tính toán hệ khung – vách đặt IV. Tính toán hệ khung – vách liên khung V. Tính toán hệ lõi (hộp) có tầng cứng	5		
Chương IV: Tính toán hệ chịu lực theo sơ đồ không gian I. Giả thiết và các công thức tính toán II. Các đặc trưng hình học và độ cứng của vách cứng và của ngôi nhà III. Xác định nội lực trong các tường cứng do tải trọng thẳng đứng đặt lệch tâm IV. Tính toán biến dạng hệ chịu lực theo phương pháp thực hành	5		
Chương V: Kiểm tra ổn định tổng thể ngôi nhà I. Giả thiết và các công thức cơ bản II. Đặc trưng của mặt bằng nhà ở	5		
Chương VI: Nguyên tắc kiểm tra bền và cấu tạo kết cấu chịu lực I. Nguyên tắc chung II. Các tiết diện tính toán và tổ hợp nội lực III. Nguyên tắc kiểm tra các tiết diện ngang IV. Cấu tạo hệ khung chịu lực V. Cấu tạo vách và lõi cứng	5		
Tổng	30		

32. Phần tài liệu tham khảo:

- [1]. Trần Quang Hộ,2011. *Giải pháp nền móng cho nhà cao tầng*, NXB. ĐHQGHCM
- [2]. Lưu Trường Văn,2011. *KT và QL trong an toàn xây dựng* ,NXB. ĐHQGHCM
- [3]. Đậu Văn Ngo,2011. *Nền móng công trình*, NXB. ĐHQGHCM
- [4]. Phạm Phó,2011. *Vật liệu và vật liệu mới*, NXB. ĐHQG TP.HCM
- [5]. Nguyễn Uyên,2011. *Xử lý nền đất yếu trong xây dựng*, NXB. Xây dựng
- [6]. Nguyễn Đăng Sơn (dịch) ,2011. *Hỏi đáp thiết kế và thi công kết cấu nhà cao tầng- Tập 1*, NXB. XD

33. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, sửa bài các buổi học)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Sinh viên sẽ làm một bài tập lớn. Bài tập này sẽ thay cho bài thi cuối kỳ).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** HỆ THỐNG TRANG THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH 1 (ÁNH SÁNG)
- Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Kiến trúc
- Phân bố thời gian**
 - Lý thuyết: 30 tiết
 - Tự học: 60 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường
- Mô tả tóm tắt học phần:**

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ thống trang thiết bị kỹ thuật trong công trình: chủng loại, kích thước, cấu tạo và nguyên tắc hoạt động của các hệ thống cũng như vị trí bố trí, cách thức lắp đặt cho phù hợp. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về cách xác định nhu cầu của công trình đối với các trang thiết bị.

8. Mục tiêu học phần:

Nắm vững được các chủng loại hệ thống kỹ thuật cơ bản cần có trong công trình kiến trúc như: Hệ thống điện trong công trình, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thông gió và điều tiết không khí, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống thông tin liên lạc và tự động, hệ thống giao thông bên trong công trình kiến trúc.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I: Giới thiệu các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành liên quan đến thiết kế điện I. TCVN 7447:2004: Hệ thống lắp đặt điện của các tòa nhà II. CXDVN 394:2007: Thiết kế lắp đặt trang thiết bị	3		

<p>trong các công trình xây dựng – Phần an toàn điện.</p> <p>III. TCXDVN 263:2002: Lắp đặt cáp và dây điện cho các công trình công nghiệp.</p> <p>IV. TCXDVN 333:2005: Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng đô thị</p> <p>V. CXDVN 46:2007: Chống sét cho các công trình xây dựng</p>			
<p>Chương II: Giới thiệu tổng quan về hệ thống ME trong tòa nhà</p> <p>I. Hệ thống điều hòa không khí và thông gió</p> <p>II. Hệ thống điện (điện nặng)</p> <p>III. Hệ thống nổi đất</p> <p>IV. Hệ thống điện nhẹ</p> <p>V. Hệ thống cấp thoát nước</p> <p>VI. Hệ thống phòng và chữa cháy</p> <p>VII. Hệ thống chống sét</p>	3		
<p>Chương III: Trình bày các phương pháp tính toán điện</p> <p>I. Tính toán phụ tải điện</p> <p>II. Phân nhóm phụ tải</p> <p>III. Chọn cáp và dây dẫn</p> <p>IV. Chọn CB, RCD, ELCB..</p> <p>V. Chọn tủ phân phối điện</p> <p>VI. Chọn máy biến áp</p> <p>VII. Tính toán bù</p> <p>VIII. Chọn các thiết bị bảo vệ, điều khiển, đo lường, cảnh báo</p> <p>IX. Tính toán chiếu sáng dân dụng và công nghiệp</p> <p>X. Tính toán và thiết kế hệ thống bảo vệ chống sét toàn diện theo công nghệ hiện đại</p> <p>XI. Tính toán và thiết kế hệ thống nổi đất</p>	21		
<p>Chương IV: Hướng dẫn đọc các bản vẽ điện nặng và</p>	3		

các bản vẽ điện nhẹ			
I. Bản vẽ điện nặng			
II. Bản vẽ điện nhẹ			
Tổng	30		

10. Phần tài liệu tham khảo:

- [1]. *TCVN 5687:1992 Thông gió, điều tiết không khí, sưởi ấm-Tiêu chuẩn thiết kế*
- [2]. *Phạm Đức Nguyên, 2006. Chiều sáng trong kiến trúc.*
- [3]. *GT-Cấu tạo kiến trúc nội thất, NXB Hà Nội*
- [4]. *GT-KT thi công XD & hoàn thiện nội thất kiến trúc công trình, NXB Hà Nội*
- [5]. *GT-Nguyên lý thiết kế kiến trúc nội thất, NXB Hà Nội*

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

34. Tên học phần: LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT

35. Số tín chỉ: 2 (2,0)

36. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

37. Ngành đào tạo: Kiến trúc, Xây dựng

38. Phân bố thời gian

- Lý thuyết: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết

39. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

40. Mô tả tóm tắt học phần:

Cung cấp những hiểu biết cơ bản về lịch sử nền văn minh thế giới. Trong đó làm rõ đặc trưng riêng và tính phong phú, đa dạng của các nền văn minh trên thế giới; những đóng góp to lớn của nó cho sự phát triển không ngừng và thịnh vượng của xã hội loài người. Ngoài phần giới thiệu học phần, nội dung học phần gồm 8 chương: Chương 1: Văn minh Ai Cập và Tây Á cổ trung đại; Chương 2: Văn minh Ấn Độ thời cổ trung đại; Chương 3: Văn minh Trung Hoa cổ trung đại; Chương 4: Văn minh Hi Lạp - La Mã cổ đại; Chương 5: Lịch sử văn minh Tây Âu thời trung đại; Chương 6: Sự tiếp xúc giữa các nền văn minh thế giới thế kỷ XVI; Chương 7: Sự xuất hiện nền văn minh công nghiệp; Chương 8: Văn minh thế giới thế kỷ XX.

41. Mục tiêu học phần:

- Kiến thức: Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên có kiến thức và hiểu biết cơ bản về lịch sử các nền văn minh lớn trên thế giới.
- Kỹ năng: Sử dụng những bài học kinh nghiệm về sự phát triển, suy tàn của các nền văn minh để vận dụng vào thực tế phát triển của đất nước ta hiện nay.
- Thái độ, chuyên cần: Sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc, chăm chỉ.

42. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
--	-----------------------------------	-----------------------------------	----------------

<p>Giới thiệu học phần</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm văn hóa và văn minh 2. Các nền văn minh lớn trên thế giới 3. Phương pháp tiếp cận nội dung 	1		
<p>Chương I: Văn minh Ai Cập và Tây Á cổ trung đại</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Văn minh Ai Cập cổ đại 2. Văn minh Lưỡng hà cổ đại 3. Văn minh Arập thời trung đại 	4		
<p>Chương II: Văn minh Ấn Độ thời cổ trung đại</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sơ lược lịch sử Ấn độ cổ trung đại 2. Nền văn minh - văn hóa Ấn độ 	4		
<p>Chương III. Văn minh Trung Hoa cổ trung đại</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái quát lịch sử 2. Văn hóa - văn minh Trung Quốc 	4		
<p>Chương IV: Văn minh Hi Lạp - La Mã cổ trung đại</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nền văn minh Hi Lạp cổ đại 2. nền văn minh La mã cổ đại 	4		
<p>Chương V: Lịch sử văn minh Tây Âu thời trung đại</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sự thành lập các quốc gia mới ở Tây Âu 2. Tây Âu và văn hóa từ thế kỷ V đến thế kỷ X 3. Tây Âu và văn hóa, thời kỳ phát triển của chế độ phong kiến (TK XI - XIV) 4. Phong trào văn hóa phục hưng và phong trào cải cách tôn giáo 	4		
<p>Chương VI: Sự tiếp xúc giữa các nền văn minh thế giới thế kỷ XVI</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Những phát kiến lớn về địa lý cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI 2. Văn minh châu Mỹ - các nền văn hóa cổ xưa 3. Quá trình thực dân hóa và sự tiếp xúc giữa các nền văn minh thế giới 	4		

Chương VII: Sự xuất hiện nền văn minh công nghiệp 1. Sự ra đời của các quốc gia tư sản đầu tiên ở Âu - Mỹ 2. Bước đầu của cuộc cách mạng Công nghiệp ở Anh 3. Những tiến bộ KH - KT cuối thế kỷ XIX 4. CNTD phương Tây đối với các nước Á - Phi - Mỹ Latinh	3		
Chương VIII: Văn minh thế giới thế kỷ XX. 1. Điều kiện hình thành nền văn minh XHCN 2. Văn minh thế giới nửa cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI	2		
Tổng	30		

43. Phần tài liệu tham khảo:

1. TS.KTS. Nguyễn Quốc Thông, 2013. *Lịch sử xây dựng đô thị cổ đại và trung đại phương tây Xây dựng*.
2. Trần Trọng Chi, 2011. *Lược sử kiến trúc thế giới (quyển 1)*, NXB. ĐHKTHN
3. Trần Trọng Chi, 2011. *Lược sử kiến trúc thế giới (quyển 2)*, NXB. ĐHKTHN
4. Đặng Thái Hoàng- Nguyễn Đình Thi, 2013. *Giáo trình lý thuyết Kiến Trúc đại cương từ thời đại phục hưng đến trào lưu hiện đại*, NXB Xây dựng Hà Nội.
5. Đặng Thái Hoàng- Nguyễn Văn Đình- Nguyễn Đình Thi- Vũ Thị Ngọc Anh- Nguyễn Trung Dũng- Đặng Liên phương- Đoàn Trần Trung, 2015. *Giáo trình lịch sử kiến trúc thế giới tập 1*, NXB Xây dựng Hà Nội.
6. Đặng Thái Hoàng- Nguyễn Văn Đình- Nguyễn Đình Thi- Vũ Thị Ngọc Anh- Đỗ Trọng Chung- Nguyễn Trung Dũng- Trương Ngọc lân Đặng Liên Phương, 2015. *Giáo trình Lịch sử nghệ thuật tập 1*, NXB Xây dựng Hà Nội.

44. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** ĐỒ ÁN 7A: NHÀ CÔNG NGHIỆP - (TỰ NHIÊN)
- Số tín chỉ:** 3 (0,3)
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Kiến trúc
- Phân bố thời gian**
 - Thực hành: 90 tiết
 - Tự học: 180 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường
- Mô tả tóm tắt học phần:**

Đồ án giúp sinh viên làm quen với thể loại kiến trúc công nghiệp thông qua các thể loại kiến trúc xí nghiệp thông thoáng tự nhiên, giúp sinh viên nắm bắt các nguyên lý thiết kế, dây chuyền công năng đặc thù và các phong cách kiến trúc đặc trưng của thể loại công trình này.

8. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp sáng tác kiến trúc thể loại công trình Công nghiệp có quy mô vừa ,có khẩu độ, diện tích lớn.
- Giúp sinh viên tìm hiểu những thông tin cần thiết về kỹ thuật phục vụ cho thiết kế kiến trúc công trình sản xuất (kết cấu, hệ thống kỹ thuật, máy móc trang thiết bị).
- Sinh viên có thể thiết kế khai triển kiến trúc và trang thiết bị kỹ thuật cơ bản một công trình sản xuất có quy mô vừa.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
1. Thể loại công trình : Các công trình Công nghiệp nhiều tầng, môi trường sản xuất sạch, sử dụng thông thoáng tự nhiên, thiết bị, máy móc sản xuất cỡ nhỏ, quá trình hoạt động không gây chấn			

<p>động lớn, bao gồm các loại xí nghiệp thông thoáng tự nhiên: xí nghiệp may, xí nghiệp đồ chơi,....</p> <p>2. Địa điểm xây dựng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực cho qui hoạch chung nhằm phục vụ cho 1 hoặc vài đơn vị dân cư cấp cơ sở (phường, xóm, tiểu khu,...). Có thể tham gia trong thành phần khu trung tâm công cộng của điểm dân cư nông thôn hoặc thành phố. - Diện tích khu đất nghiên cứu : 1-3ha - Diện tích chiếm đất: 3.500-4.000m² (30 – 35%) - Mật độ xây dựng: 35-40% - Quy mô xây dựng 3-4 tầng với tổng diện tích sàn 9.000- 27.000m² - Tùy theo địa điểm xây dựng được chọn ở thành phố, nông thôn hay miền núi sinh viên có thể giả định điều kiện cụ thể của khu đất (hình dạng, kích thước, địa hình, phương hướng...), các quy định về qui hoạch, kiến trúc (nếu có). <p>3. Các quy định về thể hiện đồ án</p> <p>3.1. Kế hoạch thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuần 1(2 buổi): Giảng đề, nghiên cứu nhiệm vụ thiết kế. - Tuần 2,3,4 (6 buổi): Phân tích khu đất, tìm ý và hoàn thành thiết kế nhanh. - Tuần 5,6,7,8 (8buổi): Nghiên cứu và hoàn thiện giải pháp cụ thể. - Tuần 9 (6 buổi); Thể hiện đồ án <p>3.2 Khối lượng và tỷ lệ thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặt bằng tổng thể công trình: TL 1/500 - Sơ đồ không gian - Mặt bằng các tầng: TL 1/100 ÷ 1/200 - Các mặt cắt (dọc và ngang): TL 1/50 ÷ 1/100 - Mặt đứng chính: TL 1/50 ÷ 1/100 - Các mặt đứng khác: TL 1/100 ÷ 1/200 	5	5	30
		40	
		10	

<ul style="list-style-type: none"> - Phối cảnh công trình - Chi tiết cấu tạo kiến trúc đặc thù: TL 1/25 ÷ 1/5 <p>3.3. Quy cách thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố cục hình vẽ trên giấy khổ A0. - Thể hiện hồ sơ bằng nét đen - trắng. Mặt đứng phối cảnh có thể đệm màu (hoặc vẽ màu nếu có ý đồ sử dụng màu sắc của vật liệu). - Diễn đạt chính xác tương quan giữa các yếu tố kiến trúc (xa - gần, khối, bố cục). - Phối cảnh tổng thể dựng theo phương pháp hình chiếu phối cảnh để thể hiện rõ nhất giải pháp bố cục và tổng hợp hình khối. 			
Tổng	5	85	

10. Phần tài liệu tham khảo

- [1]. *Thiết kế kiến trúc công nghiệp* – Nguyễn Minh Thái – NXB Xây dựng, 1995.
- [2]. *Thiết kế kiến trúc nhà công nghiệp* – Hoàng Huy Thắng – NXB Xây dựng, 1996.
- [3]. *Thiết kế cấu tạo công nghiệp* – Nguyễn Minh Thái – NXB Xây dựng, 1996.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, sửa bài các buổi học)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Sinh viên sẽ làm một đề án lớn. Đề án này sẽ thay cho bài thi cuối kỳ).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: ĐỒ ÁN 7B: NHÀ CÔNG NGHIỆP - (NHÂN TẠO)

2. Số tín chỉ: 3 (0,3)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc

5. Phân bố thời gian

- Thực hành: 90 tiết

- Tự học: 180 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Đồ án giúp sinh viên làm quen với thể loại kiến trúc công nghiệp thông qua các thể loại kiến trúc xí nghiệp thoáng nhân tạo, giúp sinh viên nắm bắt các nguyên lý thiết kế, dây chuyền công năng đặc thù và các phong cách kiến trúc đặc trưng của thể loại công trình này.

8. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp sáng tác kiến trúc thể loại công trình Công nghiệp có quy mô vừa, có khẩu độ, diện tích lớn.
- Giúp sinh viên tìm hiểu những thông tin cần thiết về kỹ thuật phục vụ cho thiết kế kiến trúc công trình sản xuất (kết cấu, hệ thống kỹ thuật, máy móc trang thiết bị).
- Sinh viên có thể thiết kế khai triển kiến trúc và trang thiết bị kỹ thuật cơ bản một công trình sản xuất có quy mô vừa.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
--	-----------------------------------	-----------------------------------	----------------

<p>1. Thể loại công trình :</p> <p>Các công trình Công nghiệp nhiều tầng, môi trường sản xuất sạch, sử dụng thông thoáng nhân tạo (toàn bộ hay cục bộ), thiết bị, máy móc sản xuất cỡ nhỏ, quá trình hoạt động không gây chấn động lớn, bao gồm các loại xí nghiệp thông thoáng nhân tạo :xí nghiệp lắp ráp điện tử ,xí nghiệp dược phẩm,....</p> <p>2. Địa điểm xây dựng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực cho qui hoạch chung nhằm phục vụ cho 1 hoặc vài đơn vị dân cư cấp cơ sở (phường, xóm, tiểu khu,...). Có thể tham gia trong thành phần khu trung tâm công cộng của điểm dân cư nông thôn hoặc thành phố. - Mật độ xây dựng: 35-40% - Quy mô xây dựng 3-4 tầng với tổng diện tích sàn 9.000- 27.000m² - Tùy theo địa điểm xây dựng được chọn ở thành phố, nông thôn hay miền núi sinh viên có thể giả định điều kiện cụ thể của khu đất (hình dạng, kích thước, địa hình, phương hướng...), các quy định về qui hoạch, kiến trúc (nếu có). <p>3. Các quy định về thể hiện đồ án</p> <p>3.1. Kế hoạch thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuần 1 (2 buổi): Giảng đề, nghiên cứu nhiệm vụ thiết kế. - Tuần 2,3,4 (6 buổi): Phân tích khu đất, tìm ý và hoàn thành thiết kế nhanh. - Tuần 5,6,7,8 (8buổi): Nghiên cứu và hoàn thiện giải pháp cụ thể - Tuần 9 (6 buổi); Thể hiện đồ án <p>3.2 Khối lượng và tỷ lệ thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặt bằng tổng thể công trình: TL 1/500 - Sơ đồ không gian - Mặt bằng các tầng: TL 1/100 ÷ 1/200 - Các mặt cắt (dọc và ngang): TL 1/50 ÷ 1/100 	5	5	
		30	
		40	
		10	

- Mặt đứng chính:	TL 1/50 ÷ 1/100			
- Các mặt đứng khác:	TL 1/100 ÷ 1/200			
- Phối cảnh công trình				
- Chi tiết cấu tạo kiến trúc đặc thù:	TL 1/25 ÷ 1/5			
3.3. Quy cách thể hiện				
- Bố cục hình vẽ trên giấy khổ A0.				
- Thể hiện hồ sơ bằng nét đen - trắng. Mặt đứng phối cảnh có thể đệm màu (hoặc vẽ màu nếu có ý đồ sử dụng màu sắc của vật liệu).				
- Diễn đạt chính xác tương quan giữa các yếu tố kiến trúc(xa - gần, khối, bố cục).				
- Phối cảnh tổng thể dựng theo phương pháp hình chiếu phối cảnh để thực hiện rõ nhất giải pháp bố cục và tổng hợp hình khối.				
Tổng		5	85	

10. Phần tài liệu tham khảo:

- [1]. *Thiết kế kiến trúc công nghiệp* – Nguyễn Minh Thái – NXB Xây dựng, 1995.
- [2]. *Thiết kế kiến trúc nhà công nghiệp* – Hoàng Huy Thắng – NXB Xây dựng, 1996.
- [3]. *Thiết kế cấu tạo công nghiệp* – Nguyễn Minh Thái – NXB Xây dựng, 1996.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, sửa bài các buổi học)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Sinh viên sẽ làm một đồ án lớn. Đồ án này sẽ thay cho bài thi cuối kỳ).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: ĐỒ ÁN 8A: NHÀ CÔNG CỘNG 5+NGOẠI THẤT: Loại hình Thể dục thể thao**
- Số tín chỉ: 3 (0,3)**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành đào tạo: Kiến trúc**
- Phân bố thời gian**
 - Thực hành: 90 tiết
 - Tự học: 180 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường**
- Mô tả tóm tắt học phần:**

Đồ án giúp sinh viên nâng cao kỹ năng thiết kế cũng như kiến thức chuyên môn đối với thể loại kiến trúc công cộng quy mô lớn thông qua thể loại kiến trúc thể dục thể thao, giúp sinh viên nắm bắt các nguyên lý thiết kế ,dây chuyền, công năng và hình thức kiến trúc đặc thù của từng thể loại công trình này.

8. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp sáng tác kiến trúc thể loại công trình dân dụng thể loại công trình Thể dục thể thao.
- Giúp sinh viên tìm hiểu những thông tin cần thiết về kỹ thuật phục vụ cho thiết kế kiến trúc công trình sản xuất (kết cấu, hệ thống kỹ thuật, trang thiết bị).
- Sinh viên có thể thiết kế khai triển kiến trúc đặc thù kỹ thuật cấu tạo, giải pháp kết cấu và trang thiết bị kỹ thuật một công trình kiến trúc có quy mô lớn ,khẩu độ lớn.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
--	-----------------------------------	-----------------------------------	----------------

<p>1. Thể loại công trình :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các công trình công cộng có không gian lớn phục vụ hoạt động của một số đông người (5.000 người trở lên), vòm kết cấu vượt những khẩu độ lớn (45-60m). - Các công trình thể thao (Bể bơi – Nhà thi đấu – sân vận động có mái che,...). - Một số công trình thương mại (Chợ có mái che – Hội chợ,...). - Một số công trình biểu diễn (Rạp xiếc ,...) <p>2. Địa điểm xây dựng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực cho qui hoạch chung nhằm phục vụ cho 1 hoặc vài đơn vị dân cư cấp cơ sở (phường, xóm, tiểu khu,...). Có thể tham gia trong thành phần khu trung tâm công cộng của điểm dân cư nông thôn hoặc thành phố. - Diện tích khu đất nghiên cứu: 12.000-15.000m² - Mật độ xây dựng: 25-35% - Tùy theo địa điểm xây dựng được chọn ở thành phố, nông thôn hay miền núi sinh viên có thể giả định điều kiện cụ thể của khu đất (hình dạng, kích thước, địa hình, phương hướng...), các quy định về qui hoạch, kiến trúc (nếu có). <p>3. Các quy định về thể hiện đồ án</p> <p>3.1. Kế hoạch thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuần 1 (2 buổi): Giảng đề, nghiên cứu nhiệm vụ thiết kế. - Tuần 2,3,4 (6 buổi): Phân tích khu đất, tìm ý và hoàn thành thiết kế nhanh. - Tuần 5,6,7,8 (8buổi): Nghiên cứu và hoàn thiện giải pháp cụ thể - Tuần 9 (6 buổi): Thể hiện đồ án <p>3.2 Khối lượng và tỷ lệ thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặt bằng tổng thể: TL 1/500 	5	5	
		30	

<ul style="list-style-type: none"> - Mặt bằng các tầng: TL 1/100 ÷ 1/200 - Mặt bằng 1 không gian đặc thù: TL 1/50 - Các mặt cắt (dọc và ngang): TL 1/100 - Mặt cắt đặc thù của không gian biểu diễn, thi đấu, không gian lớn: TL 1/50 ÷ 1/100 - Mặt đứng chính: TL 1/100 ÷ 1/200 - Các mặt đứng khác: TL 1/100 ÷ 1/200 - Phối cảnh công trình - Chi tiết cấu tạo kiến trúc đặc thù <p>3.3 Quy cách thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố cục hình vẽ trên giấy khổ A0. - Thể hiện hồ sơ bằng nét đen - trắng. Mặt đứng phối cảnh có thể đệm màu (hoặc vẽ màu nếu có ý đồ sử dụng màu sắc của vật liệu). <ul style="list-style-type: none"> - Diễn đạt chính xác tương quan giữa các yếu tố kiến trúc(xa - gần, khối, bố cục). - Phối cảnh tổng thể dựng theo phương pháp hình chiếu phối cảnh để thực hiện rõ nhất giải pháp bố cục và tổng hợp hình khối. <p style="margin-left: 40px;">Chi tiết cấu tạo phù hợp với giải pháp không gian (mặt cắt) và kiến trúc (mặt đứng) của công trình.</p> 		40	10	
Tổng		5	85	

10. Phần tài liệu tham khảo:

- [1]. TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng* - GS. - NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2004.
- [2]. . *Giáo trình thiết kế kiến trúc nhà dân dụng* – Bộ Xây dựng – NXB Xây dựng.
- [3]. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng*, 1987. NXB. Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM
- [4]. Trần Bút, 1997. *Lý thuyết sáng tác kiến trúc*, NXB Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM
- [5]. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm, 2004. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

[6]. Nguyễn Đức Thiềm, 2005. *Kiến trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất*, NXB Xây dựng.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

Điểm đồ án cuối kỳ: 100%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: ĐỒ ÁN 8B: NHÀ CÔNG CỘNG 5 + NGOẠI THẤT: Loại hình Văn hóa

2. Số tín chỉ: 3 (0,3)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc

5. Phân bố thời gian

- Thực hành: 90 tiết

- Tự học: 180 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Đồ án giúp sinh viên nâng cao kỹ năng thiết kế cũng như kiến thức chuyên môn đối với thể loại kiến trúc công cộng quy mô lớn thông qua thể loại kiến trúc thể dục thể thao, giúp sinh viên nắm bắt các nguyên lý thiết kế, dây chuyền, công năng và hình thức kiến trúc đặc thù của từng thể loại công trình này.

8. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp sáng tác kiến trúc thể loại công trình dân dụng thể loại công trình Thể dục thể thao.

- Giúp sinh viên tìm hiểu những thông tin cần thiết về kỹ thuật phục vụ cho thiết kế kiến trúc công trình sản xuất (kết cấu, hệ thống kỹ thuật, trang thiết bị).

- Sinh viên có thể thiết kế khai triển kiến trúc đặc thù kỹ thuật cấu tạo, giải pháp kết cấu và trang thiết bị kỹ thuật một công trình kiến trúc có quy mô lớn, khẩu độ lớn.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
-------------------------	------------------	------------------	---------

<p>1. Thể loại công trình :</p> <p>Công trình biểu diễn Văn hóa – Nghệ thuật cao cấp là những công trình công cộng đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần của công đồng dân cư ở một trình độ dân trí cao, đồng thời phục vụ nhu cầu giao lưu văn hóa giữa các đại phương trong nước và quốc tế, ví dụ như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà hát (thể loại: Kịch,Opera và Balet – Nghệ thuật dân tộc). - Phòng hòa nhạc. - Cung văn hóa, cung hội nghị. <p>2. Địa điểm xây dựng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại khu vực cho qui hoạch chung nhằm phục vụ cho 1 hoặc vài đơn vị dân cư cấp cơ sở (phường, xóm, tiểu khu, ...). Có thể tham gia trong thành phần khu trung tâm công cộng của điểm dân cư nông thôn hoặc thành phố. - Diện tích khu đất nghiên cứu: 12.000-15.000m² - Mật độ xây dựng: 25-35% - Tùy theo địa điểm xây dựng được chọn ở thành phố, nông thôn hay miền núi sinh viên có thể giả định điều kiện cụ thể của khu đất (hình dạng, kích thước, địa hình, phương hướng...), các quy định về qui hoạch, kiến trúc (nếu có). <p>3. Các quy định về thể hiện đồ án</p> <p>3.1. Kế hoạch thực hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuần 1 (2 buổi): Giảng đề, nghiên cứu nhiệm vụ thiết kế. - Tuần 2,3,4 (6 buổi): Phân tích khu đất, tìm ý và hoàn thành thiết kế nhanh. - Tuần 5,6,7,8 (8buổi): Nghiên cứu và hoàn thiện giải pháp cụ thể - Tuần 9 (6 buổi); Thể hiện đồ án <p>3.2 Khối lượng và tỷ lệ thể hiện</p>			
	5	5	

- Mặt bằng tổng thể:	TL 1/500		40	
- Mặt bằng các tầng:	TL 1/100 ÷ 1/200			
- Mặt bằng 1 không gian đặc thù:	TL 1/50		30	
- Các mặt cắt (dọc và ngang):	TL 1/100			
- Mặt cắt đặc thù của không gian biểu diễn ,thi đấu, không gian lớn:	TL 1/50 ÷ 1/100		10	
- Mặt đứng chính:	TL 1/100 ÷ 1/200			
- Các mặt đứng khác:	TL 1/100 ÷ 1/200			
- Phối cảnh công trình				
- Chi tiết cấu tạo kiến trúc đặc thù				
3.3 Quy cách thể hiện				
- Bố cục hình vẽ trên giấy khổ A0.				
- Thể hiện hồ sơ bằng nét đen - trắng. Mặt đứng phối cảnh có thể đệm màu (hoặc vẽ màu nếu có ý đồ sử dụng màu sắc của vật liệu).				
- Diễn đạt chính xác tương quan giữa các yếu tố kiến trúc(xa - gần, khối, bố cục).				
- Phối cảnh tổng thể dựng theo phương pháp hình chiếu phối cảnh để thực hiện rõ nhất giải pháp bố cục và tổng hợp hình khối.				
- Chi tiết cấu tạo phù hợp với giải pháp không gian (mặt cắt) và kiến trúc (mặt đứng) của công trình.				
Tổng		5	85	

10. Phần tài liệu tham khảo:

- [1]. *Giáo trình thiết kế kiến trúc nhà dân dụng* – Bộ Xây dựng – NXB Xây dựng.
- [2]. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng*, 1987. NXB. Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM
- [3]. Trần Bút, 1997. *Lý thuyết sáng tác kiến trúc* - - Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM
- [4]. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm, 2004. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- [5]. Đặng Thái Hoàng, 1996. *Kiến trúc nhà ở*, NXB Xây dựng.

[6]. Nguyễn Đức Thiêm, 2005. *Kiến trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất*, NXB Xây dựng.

11.

12. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, sửa bài các buổi học)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Sinh viên sẽ làm một đồ án lớn. Đồ án này sẽ thay cho bài thi cuối kỳ).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: ÂM HỌC KIẾN TRÚC

2. Số tín chỉ: 2 (2,0)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc

5. Phân bố thời gian

- Lý thuyết: 30 tiết

- Tự học: 60 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ bản về âm thanh, sự hình thành trường âm trong phòng khán giả, tính chất hút âm và phản xạ âm của các bề mặt vật liệu và kết cấu, những quy luật lan truyền của âm thanh trong công trình và trong đường phố. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản để thiết kế nội thất âm học phòng khán giả để đảm bảo chất lượng âm thanh trong phòng.

8. Mục tiêu học phần:

Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản nhất về âm học và các ứng dụng vào thiết kế công trình kiến trúc. Sinh viên biết cách vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế qua việc thực hành tính toán và thiết kế trang âm, chống ồn trong công trình kiến trúc.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I: Những khái niệm cơ bản về âm thanh I. Dao động II. Sóng cơ III. Sóng âm IV. Âm vật lý và âm hình học	6		

V. Các đơn vị đo âm thanh			
Chương II: Vật liệu và khoảng cách hút âm I. Hệ số hút âm II. Các tấm dao động cộng hưởng hút âm II. Kết cấu hút âm bằng vật liệu xốp đặt sau tấm đục lỗ IV. Lỗ cộng hưởng hút âm V. Kết cấu hút âm đơn	6		
Chương III: Âm học phòng khán giả I. Yêu cầu chất lượng âm học đối với phòng khán giả II. Thiết kế tường khuếch tán âm	6		
Chương IV: Chống tiếng ồn trong thành phố I. Các nguồn ồn và phương pháp đánh giá II. Ảnh hưởng của tiếng ồn, tính chất tiếng ồn cho phép	6		
Chương V: Cách âm cho kết cấu I. Đánh giá khả năng cách âm của kết cấu II. Nguyên tắc tổ chức cách âm	6		
Tổng	30		

10. Phần tài liệu tham khảo:

- [1]. Việt Hà, Nguyễn Ngọc Giả, 2010. *Cơ sở âm học kiến trúc*, NXB Xây dựng
- [2]. Phạm Đức Nguyên. *Âm học kiến trúc, âm học đô thị*, NXB XD
- [3]. Nguyễn Trọng Phụng, 2009. *Hướng dẫn tính toán và thiết kế âm thanh kiến trúc*, NXB XD Xây dựng Hà Nội-

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** HỆ THỐNG TRANG THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH 2 (CẤP THOÁT NƯỚC)
- Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Kiến trúc
- Phân bố thời gian**
 - Lý thuyết: 30 tiết
 - Tự học: 60 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường
- Mô tả tóm tắt học phần:**

Học phần trình bày các nội dung về lý thuyết tính toán để thiết kế một hệ thống cấp hoặc thoát nước gồm công trình thu nước, mạng lưới cấp nước bên ngoài, mạng lưới cấp nước bên trong, mạng lưới thoát nước bên trong, mạng lưới thoát nước mưa và nước thải, sơ đồ xử lý nước, giới thiệu phần mềm ứng dụng cấp và thoát nước.

8. Mục tiêu học phần:

Sinh viên nắm được các nguyên lý và lý thuyết để qui hoạch và thiết kế hệ thống cấp và hệ thống thoát nước (bên trong và khu vực).

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I: Khái niệm chung về cấp nước I. Các hệ thống cấp nước và tiêu chuẩn dùng nước II. Lưu lượng và áp lực nước trong mạng lưới III. Dung tích của bể chứa và đài nước Bài tập	5		
Chương II: Hệ thống cấp nước cho khu vực	5		

<p>I. Bố trí mạng lưới cấp nước</p> <p>II. Tính toán thủy lực mạng lưới cụt</p> <p>III. Tính toán thủy lực mạng lưới vòng</p> <p>IV. Cấu tạo mạng lưới cấp nước</p> <p>V. Trạm bơm, bể chứa và đài nước</p> <p>VI. Các công trình bảo vệ</p> <p>Bài tập</p>			
<p>Chương III: Hệ thống cấp nước trong nhà</p> <p>I. Sơ đồ hệ thống cấp nước</p> <p>II. Áp lực trong hệ thống cấp nước</p> <p>III. Cấu tạo một số thiết bị và công trình</p> <p>IV. Tính toán thủy lực mạng lưới cấp nước trong nhà</p> <p>V. Dung tích bể và dung tích kết nước trên máy</p> <p>VI. Hệ thống cấp nước chữa cháy (thông thường, tự động)</p> <p>VII. Sơ lược về hệ thống cấp nước nhà cao tầng</p> <p>Bài tập</p>	5		
<p>Chương IV: Khái niệm chung về thoát nước</p> <p>I. Các sơ đồ hệ thống thoát nước</p> <p>II. Lưu lượng nước thải</p> <p>III. Lưu lượng nước mưa</p> <p>Bài tập</p>	5		
<p>Chương V: Hệ thống thoát nước cho khu vực</p> <p>I. Bố trí mạng lưới thoát nước</p> <p>II. Cấu tạo mạng lưới thoát nước</p> <p>III. Tính toán thủy lực mạng lưới thoát nước mưa đô thị</p> <p>IV. Tính toán thủy lực mạng lưới thoát nước thải</p> <p>V. Một số đặc điểm của hệ thống thoát nước vùng triều</p> <p>Bài tập</p>	5		
<p>Chương VI: Hệ thống thoát nước trong nhà</p> <p>I. Sơ đồ hệ thống thoát nước</p> <p>II. Cấu tạo một số thiết bị</p> <p>III. Tính toán thủy lực mạng lưới thoát nước trong nhà (nước mưa và nước thải)</p> <p>IV. Mối liên hệ giữa hệ thống cấp thoát nước và kiến trúc</p>	5		

Bài tập			
Tổng	30		

10. Tài liệu tham khảo:

- [1]. *Giáo trình cấp thoát nước* ĐH Kiến trúc Hà Nội – NXB Xây dựng, 1993.
- [2]. *Cấp thoát nước* – Trần Hiếu Nhuệ - NXB Khoa học và Kỹ thuật, 1996.
- [3]. *Cấp thoát nước* – Nguyễn Thông – NXB Xây dựng, 2005.
- [4]. *GT-Cấu tạo kiến trúc nội thất, NXB Hà Nội*
- [5]. *GT-KT thi công XD & hoàn thiện nội thất kiến trúc công trình, NXB Hà Nội*
- [6]. *GT-Nguyên lý thiết kế kiến trúc nội thất, NXB Hà Nội*
- [7]. Nguyễn Thông, 2016. *Cấp thoát nước*, NXB. Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh
- [8]. Phạm Thị Giới. *Tự động hóa các công trình cấp và thoát nước*, NXB. Xây dựng
- [9]. Trịnh Lê Hùng, 2011 *Kỹ thuật xử lý nước thải*, NXB. Xây dựng
- [10]. Nguyễn Thị Thu Thủy, 2011 *Xử lý nước cấp sinh hoạt và công nghiệp*, NXB. Xây dựng

9. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: QUANG HỌC KIẾN TRÚC

2. Số tín chỉ: 2(2,0)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc

5. Phân bố thời gian

- Lý thuyết: 30 tiết

- Tự học: 60 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chiếu sáng trong kiến trúc, bao gồm chiếu sáng tự nhiên và chiếu sáng nhân tạo. Giới thiệu các tiêu chuẩn, phương pháp phân tích và tính toán quang học trong quá trình thiết kế chiếu sáng công trình kiến trúc.

8. Mục tiêu học phần:

- Hỗ trợ sinh viên các kiến thức về chiếu sáng trong công trình kiến trúc, ứng dụng trong thiết kế công trình nói chung và thiết kế kỹ thuật chiếu sáng nói chung.
- Là tiền đề để sinh viên nghiên cứu tiếp các học phần khác liên quan.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I: Ánh sáng – đại lượng quang I. Bản chất của ánh sáng II. Định luật quang hình học III. Đại lượng quang – đơn vị quang	5		
Chương II: Đặc tính quang học của vật liệu	5		

I. Các hệ số năng lượng II. Tính phân bố quang phổ III. Tính phân bố ánh sáng			
Chương III: Độ nhìn và các nhân tố ảnh hưởng I. Độ nhìn II. Các nhân tố ảnh hưởng III. Ánh sáng màu – 3 biên của thị giác	5		
Chương IV: Chiều sáng tự nhiên I. Các yếu tố ảnh hưởng chiều sáng tự nhiên II. Quang khí hậu III. Hệ số chiều sáng tự nhiên IV. Định luật quang học kiến trúc	5		
Chương V: Thiết kế chiều sáng tự nhiên I. Thành lập tiêu chuẩn chiều sáng tự nhiên II. Lựa chọn cửa lấy sáng III. Sơ bộ xác định diện tích cửa IV. Kiểm tra cuối cùng	5		
Chương VI: Chiều sáng nhân tạo I. Dụng cụ chiếu sáng II. Tiêu chuẩn chiếu sáng tự nhiên III. Tính toán chiếu sáng nhân tạo	5		
Tổng	30		

10. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Việt Hà, Nguyễn Ngọc Giả, 2009. *Quang học kiến trúc* — NXB Xây dựng
- [2]. Phạm Đức Nguyên, 1997. *Thiết kế chiếu sáng tự nhiên và nhân tạo trong công trình* — NXB Xây dựng

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).

– Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** CHUYÊN ĐỀ 4 - TRANG THIẾT BỊ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH
- Số tín chỉ:** 2(2,0)
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Kiến trúc
- Phân bố thời gian**
 - Lý thuyết: 30 tiết
 - Tự học: 60 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường
- Mô tả tóm tắt học phần:**

Bao gồm 7 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ thống trang thiết bị kỹ thuật trong công trình: chủng loại, kích thước, cấu tạo và nguyên tắc hoạt động của các hệ thống cũng như vị trí bố trí, cách thức lắp đặt cho phù hợp; hệ thống năng lượng trong công trình; hệ thống thông gió và điều tiết không khí; hệ thống thiết bị thông tin và tự động trong công trình; hệ thống phòng cháy và chữa cháy trong công trình; giao thông chiều đứng và các trang thiết bị kỹ thuật khác.

8. Mục tiêu học phần:

- Nắm vững được các chủng loại hệ thống kỹ thuật cơ bản cần có trong công trình kiến trúc như: hệ thống điện trong công trình, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thông gió và điều tiết không khí, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống thông tin liên lạc và tự động, hệ thống giao thông bên trong công trình kiến trúc.
- Có khả năng tính toán lựa chọn và bố trí một số hệ thống kỹ thuật trong công trình kiến trúc.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I: Giới thiệu chung về hệ thống trang thiết bị kỹ thuật công trình	3		

<p>I. Toàn cảnh về hệ thống các trang thiết bị kỹ thuật trong công trình kiến trúc</p> <p>II. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn và bố trí các trang thiết bị kỹ thuật trong công trình kiến trúc.</p> <p>III. Tầm quan trọng của các trang thiết bị kỹ thuật trong công trình kiến trúc.</p>			
<p>Chương II: Hệ thống năng lượng trong công trình kiến trúc</p> <p>I. Khái niệm chung</p> <p>II. Các loại phụ tải điện công trình</p> <p>III. Hệ thống năng lượng điện trong công trình</p> <p>IV. Hệ thống năng lượng mặt trời trong công trình</p> <p>V. Hệ thống năng lượng gió trong công trình</p> <p>VI. Hệ thống khí thiên nhiên</p>	6		
<p>Chương III: Hệ thống thông gió và điều tiết không khí</p> <p>I. Thiết bị thông gió cưỡng bức</p> <p>II. Sơ đồ nguyên lý các hệ thống thông gió và điều tiết không khí</p> <p>III. Ví dụ tính toán và bố trí hệ thống thông gió và điều tiết không khí trong công trình</p>	5		
<p>Chương IV: Hệ thống thiết bị thông tin và tự động trong công trình</p> <p>I. Nhu cầu sử dụng thiết bị tự động và thông tin trong công trình</p> <p>II. Hệ thống điện thoại trong công trình</p> <p>III. Hệ thống antenna trong công trình</p> <p>IV. Hệ thống cáp truyền số liệu</p> <p>V. Hệ thống các thiết bị tự động</p>	3		
<p>Chương V: Hệ thống phòng cháy và chữa cháy trong công trình</p> <p>1. Hiện tượng cháy, nguyên nhân và hậu quả</p>	5		

2. Nguyên lý chữa cháy			
3. Hệ thống phòng cháy			
4. Hệ thống chữa cháy			
Chương VI: Giao thông chiều đứng	5		
I.Nhu cầu sử dụng thang máy trong công trình			
II. Phân loại thang máy			
III. Cấu tạo của các loại thang máy			
IV. Bố trí thang máy trong công trình			
V. Tính toán lựa chọn thang máy			
Chương VII: Các trang thiết bị kỹ thuật khác	3		
I. Các loại thiết bị bếp và nhà kho			
II. Các loại thiết bị vệ sinh			
Tổng	30		

10. Phần tài liệu tham khảo:

[1]. *Giáo trình “Trang thiết bị kỹ thuật công trình”* – Trần Thị Mỹ Hạnh- NXB Xây dựng, 2009.

[2]. TS. Nguyễn Thanh Hòa, 2012 *Năng lượng tái tạo* , NXB. Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh

[3]. Nguyễn Tăng Nguyệt Thu- Việt Hà- Nguyễn ngọc Giả, 2014 NXB. *Kiến trúc hướng dòng thông gió tự nhiên*, NXB Xây dựng Hà Nội

[4]. TS. Ngô Doãn Hòa, 2015. *Bảo vệ môi trường và an toàn lao động*, NXB. Xây dựng.

[5]. Nguyễn Tăng Nguyệt Thu, Nguyễn Ngọc Giả. *Kiến trúc hướng dòng thông gió tự nhiên*, NXB. Xây Dựng.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (bài tập lớn thay thế hình thức thi tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: **KHÍ HẬU KIẾN TRÚC**

2. Số tín chỉ: 2 (2,0)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc

5. Phân bố thời gian

- Lý thuyết: 30 tiết

- Tự học: 60 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Trình bày khái quát về khí hậu Việt Nam, các yếu tố tự nhiên cơ bản tạo thành khí hậu, đặc điểm khí hậu từng vùng, miền. Sự tương tác giữa các yếu tố khí hậu đối với công trình kiến trúc và ảnh hưởng đến điều kiện tiện nghi vi khí hậu.

8. Mục tiêu học phần:

Trang bị cho sinh viên kiến thức nền cơ bản về ứng dụng vật lý địa cầu, môi trường tự nhiên và nhân tạo để có thái độ ứng xử cũng như thích ứng với hoàn cảnh kiến trúc mới trong thế kỷ mới. Hiểu biết về quy luật của khí hậu để ứng dụng trong sáng tác kiến trúc nhằm tạo lập môi trường vi khí hậu đáp ứng tốt nhất cho các hoạt động của con người trong không gian môi trường sống.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I: Khái quát về khí hậu Việt Nam I. Các vùng khí hậu lớn trên thế giới II. Các yếu tố tự nhiên cơ bản tạo thành khí hậu 1. Mặt trời 1.1. Chuyển động biểu kiến của Mặt trời 1.2. Biểu đồ Mặt trời - Phương pháp chiếu thẳng góc	15		

<p>- Phương pháp phép chiếu nổi</p> <p>1.3. Đặc điểm hoạt động của Mặt trời tại Việt Nam</p> <p>2. Hoàn lưu khí quyển</p> <p>2.1. Hoàn lưu tín phong (mậu dịch)</p> <p>2.2. Hoàn lưu gió mùa</p> <p>III. Gió mùa ở Việt Nam</p> <p>- Không khí cực đới lục địa</p> <p>- Không khí nhiệt đới biển Đông</p> <p>- Không khí nhiệt đới biển Bắc Ấn Độ Dương</p> <p>- Không khí xích đạo</p> <p>- Không khí nhiệt đới biển Thái Bình Dương</p> <p>IV. Hướng, vận tốc và tần suất gió</p> <p>1. Địa hình</p> <p>2. Núi</p> <p>3. Biển</p> <p>V. Các thông số vật lý của khí hậu và biểu đồ không khí ẩm</p> <p>1. Các thông số vật lý của khí hậu</p> <p>2. Biểu đồ không khí ẩm, biểu đồ nhiệt-ẩm (t-d)</p> <p>3. Cách thành lập biểu đồ nhiệt-ẩm (t-d)</p> <p>4. Phân tích sự biến đổi trạng thái khí hậu theo biểu đồ nhiệt-ẩm</p> <p>VI. Khí hậu Việt Nam</p> <p>1. Đặc điểm chung</p> <p>1.1. Miền khí hậu phía Bắc</p> <p>1.2. Miền khí hậu phía Nam</p> <p>2. Phân vùng khí hậu xây dựng</p> <p>3. Một số thời tiết đặc biệt</p> <p>3.1. Thời tiết lạnh hanh (lạnh khô)</p> <p>3.2. Thời tiết lạnh ẩm</p>			
--	--	--	--

<p>3.3. Thời tiết nồm ẩm</p> <p>3.4. Thời tiết khô nóng gió tây</p> <p>3.5. Thời tiết bão</p> <p>3.6. Thời tiết mưa ngâu</p>			
<p>Chương II: Vi khí hậu và con người</p> <p>I.Những khái niệm cơ bản</p> <p>II. Ba phương thức truyền nhiệt</p> <p>1. Truyền nhiệt bằng dẫn nhiệt</p> <p>2. Truyền nhiệt bằng đối lưu</p> <p>3. Truyền nhiệt bằng bức xạ</p> <p>III. Vi khí hậu phòng</p> <p>1. Nhiệt độ không khí trong phòng. tk (.C)</p> <p>2. Độ ẩm không khí trong phòng. f(%)</p> <p>3. Vận tốc chuyển động của không khí. Vg(m/s)</p> <p>4. Nhiệt độ của các bề mặt trong phòng.ti(°C)</p> <p>IV. Phản ứng của con người đối với khí hậu</p> <p>1. Phương trình cân bằng nhiệt</p> <p>2. Giá trị của các đại lượng trong phương trình bằng công thức thực nghiệm Giovoni</p> <p>3. Chỉ số stress nhiệt của cơ thể</p> <p>V. Đánh giá tiện nghi vi khí hậu</p> <p>VI. Tổng quan các giải pháp kiến trúc – xây dựng để nâng cao điều kiện tiện nghi vi khí hậu ở Việt Nam</p> <p>1. Chống lạnh cho miền khí hậu phía Bắc và vùng núi cao</p> <p>2. Chống nóng</p>	15		
Tổng	30		

10. Tài liệu tham khảo:

1. Đàm Thu Trang, *Thiết kế kiến trúc cảnh quan khu ở*, NXB Xây Dựng
2. Phạm Ngọc Đăng, Phạm Hải Hà. *Nhiệt và khí hậu kiến trúc*, NXB Xây Dựng
3. Nguyễn Tăng Nguyệt Thu, Nguyễn Ngọc Giã. *Kiến trúc hướng dòng thông gió tự nhiên*, NXB Xây Dựng
4. Việt Hà, Nguyễn Ngọc Giã. *Khí hậu kiến trúc*, NXB ĐHKTHCM
5. Đặng Hồng Vũ, *Kiến trúc nhà ở nông thôn hiện đại*, NXB Xây Dựng

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** QUI HOẠCH ĐÔ THỊ
- Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Kiến trúc
- Phân bố thời gian**
 - Lý thuyết: 30 tiết
 - Tự học: 60 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mục tiêu học phần:

Trang bị kiến thức cơ bản về qui hoạch đô thị cho sinh viên. Hiểu được mối quan hệ giữa ngành học Qui hoạch đô thị và Kiến trúc công trình. Ứng dụng được vào nghiên cứu và thực hành đồ án.

8. Mô tả tóm tắt học phần:

Nội dung nghiên cứu gồm các kiến thức cơ bản về qui hoạch đô thị, quy trình lập qui hoạch và lập tổ chức đất đai xây dựng, tổ chức không gian đô thị với chức năng đô thị như khu dân dụng, khu sản xuất, cây xanh môi trường,...Hiểu biết về lược sử phát triển đô thị và các lý luận qui hoạch đô thị hiện đại. Tổ chức hệ thống giao thông, các khu chức năng đô thị, khu công cộng, khu ở, khu sản xuất,...Bảo vệ môi trường đô thị.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I: Quá trình hình thành và phát triển của các điểm dân cư I. Khái niệm: các đặc điểm dân cư đô thị II. Lược sử quá trình phát triển đô thị thế giới	3		

<p>1. Thời kỳ cổ đại</p> <p>2. Đô thị thời trung đại</p> <p>3. Đô thị thời cận đại</p> <p>III. Đô thị hóa</p>			
<p>Chương II: Các lý luận qui hoạch đô thị hiện đại</p> <p>I. Lý luận về thành phố không tương</p> <p>II. Lý luận về thành phố vườn và thành phố vệ tinh</p> <p>III. Lý luận về thành phố chuỗi và xu thế phát triển của nó</p> <p>IV. Lý luận về thành phố công nghiệp</p> <p>V. Phương án qui hoạch Voisin 1925 – Le Corbusier – thành phố tươi sáng</p> <p>VI. Đơn vị ở lán giềng của Clarence Perry</p> <p>VII. Doxia và thuyết Ekistic – Một cộng đồng dân cư</p> <p>VIII. Ý niệm về thành phố phát triển theo đơn vị hình học</p> <p>II.9. Các thành phố của hệ thống giao thông</p> <p>II.10. Lý luận về thành phố mở - Lý luận về thành phố nén – Lý luận về phát triển bền vững và hài hòa với sinh thái môi trường.</p>	6		
<p>Chương III: Các giai đoạn thiết kế xây dựng phát triển đô thị</p> <p>I. Các giai đoạn thiết kế qui hoạch xây dựng phát triển đô thị</p> <p>II. Tính chất và quy mô thành phố</p> <p>III. Ý nghĩa và cơ sở</p> <p>IV. Tính chất đô thị</p> <p>V. Thành phần dân cư</p> <p>VI. Tính toán quy mô dân số đô thị</p> <p>VII. Phân loại thành phố theo quy mô dân số</p> <p>VIII. Xác định hợp lý quy mô dân số đô thị</p>	6		
<p>Chương IV: Tổ chức đất đai xây dựng thành phố</p> <p>I. Chọn đất xây dựng thành phố</p>	3		

<p>1. Điều kiện tự nhiên</p> <p>2. Điều kiện hiện trạng</p> <p>II. Các thành phần đất đai của thành phố</p> <p>Căn cứ vào chức năng sử dụng đất được phân bố thành 5 loại sau:</p> <p>1. Khu đất công nghiệp</p> <p>2. Khu đất kho tàng</p> <p>3. Khu đất giao thông đối ngoại</p> <p>4. Khu đất dân dụng thành phố</p> <p>5. Khu đất đặc biệt</p> <p> 5.1. Khu đất công nghiệp</p> <p> 5.2. Khu đất kho tàng</p>			
<p>Chương V: Khu đất giao thông đối ngoại</p> <p>I. Khái niệm: Khu đất giao thông đối ngoại</p> <p>II. Quan hệ giữa giao thông đối ngoại và thành phố</p> <p> 1. GTĐN và tổ chức công nghiệp ở thành phố</p> <p> 2. Ảnh hưởng của GTĐN đối với bố cục và phát triển cơ cấu TP</p> <p>III. Một số nguyên tắc cơ bản về bố trí giao thông đối ngoại</p> <p> 1. Bảo đảm sự liên hệ giữa thành phố với lân cận</p> <p> 2. Bảo đảm về yêu cầu kỹ thuật và kinh tế của từng loại giao thông</p> <p>IV. Đường ô tô</p> <p>V. Đất giao thông đường thủy</p> <p> 1. Đất giao thông đường sông</p> <p> 2. Đất giao thông đường biển</p> <p>VI. Đường hàng không</p> <p>VII. Ga đường sắt</p> <p> 1. Đất giao thông đường sông</p> <p> 2. Các hình thức bố trí ga đường sắt</p>	6		

<p>3. Nhà ga đường sắt</p> <p>VIII. Bến xe khách</p> <p>IX. Giao thông đường bộ</p> <p>1. Đường nội bộ</p> <p>2. Hình thức mạng lưới đường giao thông thành phố</p> <p>X. Quảng trường đô thị</p> <p>1. Các loại quảng trường</p> <p>2. Quy mô của quảng trường</p> <p>XI. Nút giao thông</p>			
<p>Chương VI: Đơn vị ở</p> <p>I. Khái niệm</p> <p>II. Đơn vị ở Perry</p> <p>III. Tiểu khu nhà ở (theo Liên Xô cũ)</p> <p>IV. Thành phần đất đai xây dựng trong đơn vị ở</p> <p>1. Đất xây dựng nhà ở (Đất ở tiểu khu hay đơn vị ở)</p> <p>2. Đất xây dựng các công trình công cộng</p> <p>3. Đất cây xanh TĐTT</p> <p>4. Đất giao thông</p> <p>V. Thiết kế qui hoạch đơn vị ở</p> <p>1. Chỉ tiêu cơ bản</p> <p>2. Cơ cấu tổ chức</p> <p>3. Bố trí nhà ở</p> <p>4. Bố trí công trình công cộng</p> <p>5. Bố trí cây xanh và sân bãi</p> <p>6. Bố trí giao thông</p>	3		
<p>Chương VII: Trung tâm đô thị</p> <p>I. Qui hoạch khu trung tâm đô thị và hệ thống dịch vụ cộng đồng đô thị</p> <p>II. Sơ đồ cơ cấu chức năng trung tâm đô thị. Các bộ phận chức năng trong khu trung tâm đô thị</p>	3		

Tổng	30		
-------------	-----------	--	--

10. Phần tài liệu tham khảo:

[1]. GS.TS Nguyễn Thế Bá, PGS.TS Nguyễn Quốc Thông. *Quy hoạch đô thị*, NXB Đại học Kiến trúc Hà Nội

[2]. Đặng Thái Hoàng, 2010. *Lịch sử đô thị*, NXB Xây dựng-

[3]. TS. Võ Kim Cương, 2013. *Chính sách đô thị* (tầm nhìn bao quát và hệ thống của nhà quản lý đô thị), NXB Xây dựng

[4]. TS.KTS. Nguyễn Quốc Thông 2013. *Lịch sử xây dựng đô thị cổ đại và trung đại phương tây*, NXB Xây dựng

[5]. GS.TS. Nguyễn Thế Bá, 2016. *Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị*, NXB. Xây dựng Hà Nội

[6]. TS.KTS. Nguyễn Quốc Thông, 2013. *Lịch sử xây dựng đô thị cổ đại và trung đại phương tây*, NXB Xây dựng.

[7]. TS. Phạm Trọng Mạnh, 2013. *Quản lý đô thị*, NXB Xây dựng Hà Nội

[8]. TSKT.Iu.P.Bocharov- PTSKHKT. O.K. Kudiyavxev- dịch thuật KTS. Lê Phục Quốc, 2012. *Cơ cấu quy hoạch của thành phố hiện đại*, NXB Xây dựng Hà Nội-

[9]. Nguyễn Đăng Sơn 2006. *Phương pháp tiếp cận mới về Quy hoạch và quản lý đô thị*, Tập 1,2 NXB Xây dựng Hà Nội

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

34. Tên học phần: THIẾT KẾ NHANH 4

35. Số tín chỉ: 1 (0,1)

36. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

37. Ngành đào tạo: Kiến trúc

38. Phân bố thời gian

- Thực hành: 30 tiết
- Tự học: 60 tiết

39. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

40. Mô tả tóm tắt học phần:

Sinh viên phân tích đề tài, xây dựng ý tưởng cũng như kỹ năng thể hiện ý tưởng thiết kế trong một khoảng thời gian hạn chế, với đối tượng là thể loại công trình công cộng.

41. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sinh viên các phương pháp cơ bản để thiết kế phác thảo một công trình thể loại văn hóa – giải trí.
- Sinh viên có các kỹ năng diễn họa nhanh các ý tưởng nghiên cứu trên một bản vẽ phác thảo.

42. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
4. Trình tự nghiên cứu và thể loại thực hiện <ul style="list-style-type: none">- Phân tích đề tài, tham khảo tài liệu.- Tính toán diện tích và phân khu chức năng- Xác định giao thông đối nội, đối ngoại- Đề xuất các phương án mặt bằng tổng thể- Nghiên cứu dây chuyền sử dụng và bố cục mặt bằng	5	25	

<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu hình thức kiến trúc - Khai triển mặt cắt - Hoàn thiện bản vẽ thiết kế phác thảo <p>5. Nội dung nghiên cứu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thê loại công trình - Địa điểm xây dựng - Diện tích khu đất nghiên cứu: 4.000 – 5.000m² - Diện tích chiếm đất: 1.500 – 2.000m² - Quy mô xây dựng: khối chức năng chính 1-2 tầng, khối phụ trợ 2-4 tầng. <p>6. Các quy định về thể hiện đồ án:</p> <p>+ Khối lượng và tỷ lệ thể hiện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mặt bằng tổng thể: TL 1/400÷1/500 - Mặt bằng các tầng: TL 1/100÷1/200 - Mặt cắt qua các không gian chính: TL 1/100 - Mặt đứng chính: TL 1/100 - Phối cảnh công trình - Bố cục hình vẽ trên khổ giấy A1 <p>+ Thể hiện bằng kỹ thuật đồ họa đen – trắng hoặc dùng nét kết hợp đệm màu</p>			
Tổng	5	25	

43. Tài liệu tham khảo:

- [1]. *Giáo trình thiết kế kiến trúc nhà dân dụng* – Bộ Xây dựng – NXB Xây dựng.
- [2]. *Những vấn đề cơ bản về kiến trúc* – Nguyễn Kim Sến – Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM, 1982.
- [3]. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng* - Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM, 1987.
- [4]. *Lý thuyết sáng tác kiến trúc*- Trần Bút - Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM, 1997.
- [5]. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*- GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm – NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2004.
- [6]. *Kiến trúc nhà ở - Đặng Thái Hoàng* – NXB Xây dựng, 1996.

[7].*Kiến trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất* - Nguyễn Đức Thiềm - NXB Xây dựng, 2005.

[8].*Bộ Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam (TCXDVN) – 14 tập.*

[9]. *Bộ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam (QCXDVN) – 3 tập.*

[10].*Cẩm nang kiến trúc sư (The Architects' Handbook) (Bản tiếng Việt).*

[11].*Architects' Data, Earnst and Peter Neufert, tái bản lần 3 – NXB Blackwell science, 2006 (Bản tiếng Anh).*

44. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Sinh viên sẽ làm một đồ án lớn. Đồ án này sẽ thay cho bài thi cuối kỳ).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: **ĐỒ ÁN 9A: QUI HOẠCH KHU DÂN CƯ**

2. Số tín chỉ: 3 (0,3)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc

5. Phân bố thời gian

- Thực hành: 90 tiết

- Tự học: 180 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc –
Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

- Phân tích điều kiện hiện trạng khu đất.
- Phân tích vị trí khu đất trong mối tương quan với cơ cấu phát triển tương lai của đô thị.
- Nghiên cứu đề xuất phương án qui hoạch cơ cấu chi tiết phân khu chức năng.
- Tính toán nhà trong tiểu khu nhà ở.

8. Mục tiêu học phần:

Sinh viên vận dụng những kiến thức đã học từ nguyên lý qui hoạch đô thị, qua các tài liệu tham khảo trong và ngoài nước về lý luận cũng như thực tiễn tổ chức qui hoạch tiểu khu nhà ở để áp dụng chọn giải pháp tổ chức qui hoạch một cơ cấu ở đô thị Việt Nam. Ngoài ra, đề án còn giúp sinh viên tập áp dụng các tiêu chuẩn, phương pháp tính toán áp dụng với điều kiện của từng khu đất.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
----------------------------	---------------------	---------------------	---------

PHẦN 1: NỘI DUNG THỰC HIỆN ĐỒ ÁN

1.1. Phân tích điều kiện hiện trạng :

- Quy hoạch và diện tích :

- + Các khu đất có điều kiện tương đồng nhau với diện tích khoảng 25ha.
- + Quy mô dân số từ 5.000-10.000 người.
- + Chỉ tiêu đất ở trong đô thị: 25-50m² người.

- Điều kiện tự nhiên :

Các lô đất điều ở Tp.HCM, có các điều kiện đặc điểm:

- + Khí hậu chia làm 2 mùa rõ rệt. Mùa mưa: từ tháng 4 đến tháng 11, hướng gió chủ đạo là tây nam. Mùa khô: từ tháng 12 đến tháng 3, hướng gió chủ đạo là đông nam.
- + Mặt đất tương đối bằng phẳng. Khu đất có thể tiếp xúc với các yếu tố mặt nước như kênh rạch, hồ ao,... có thể cải tạo địa hình và mặt nước cho hợp lý với công năng và không gian của giải pháp đề xuất.

- + Hiện trạng cây xanh nếu có phải tuyệt đối giữ lại.

-Điều kiện hiện trạng kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật.

+ Hiện trạng kiến trúc :

- Sinh viên phải đi thực địa để cập nhật hiện trạng theo định hướng của giải pháp đề xuất.
- Đánh giá các công trình cho phù hợp với giải pháp quy hoạch: có thể giải tỏa hết để áp dụng những quy mô hình ở hiện đại, hoặc giữ lại một phần kiến trúc kiên cố, có giá trị về khía cạnh bảo tồn, văn hóa, tín ngưỡng,...

+ Hiện trạng giao thông:

- Ranh giới khu đất đã được xác định bởi hệ thống giao thông của đô thị, sinh viên phải cập nhật lộ giới các tuyến giao thông này theo định hướng quy hoạch đô thị.

- Các tuyến đường bên trong khu đất có thể giữ lại, cải tạo hoặc tổ chức mới tùy theo đề xuất của giải pháp qui hoạch.

1.2. Phân tích vị trí khu đất trong mối quan hệ tổng thể của khu vực

- Vị trí của các khu đất dự kiến qui hoạch là các khu vực dân cư xây dựng mới ở khu vực ngoại thành, những quận mới phát triển xa trung tâm thành phố hoặc là những khu dân cư lụp xụp, ổ chuột trong khu vực nội thành cần được cải tạo và xây dựng mới ,... do đó cần được phân tích và xác định trên mối tương quan mới:
 - + Vị trí và tương quan với đô thị
 - + Vị trí và tương quan với khu vực dân cư xung quanh ,...
- Việc xác định vị trí nhằm phân tích và đánh giá yếu tố giá trị của khu đất dựa vào qui hoạch chung của quận, thành phố, từ đó lựa chọn bài toán qui hoạch sử dụng đất và lựa chọn các hình thức cư trú cho phù hợp.

1.3. Tính toán các chỉ tiêu đất đai, tính toán nhà trong tổ chức ở.

a. Tính toán chỉ tiêu các khu chức năng

Các căn cứ để tính toán chỉ tiêu diện tích các khu chức năng

- Qui chuẩn Việt Nam
- Quy mô dân số khu vực
- Vị trí của khu vực QH
- Các tài liệu qui hoạch và các số liệu tham khảo ở các đồ án thực tế tại thành phố
- Chỉ tiêu quy mô có thể chọn là: $25-50m^2 / \text{người}$

b. Tính toán số lượng nhà

- Chọn mẫu nhà: chung cư cao tầng, chung cư thấp tầng, nhà liên kết, nhà biệt thự ,... với diện tích mỗi mặt bằng kí hiệu là: $D_s (m^2)$

<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ % các dạng cư trú kí hiệu là a_1, a_2, \dots, a_n - Tầng cao của mỗi loại: t_1, t_2, \dots, t_n - Tầng cao trung bình : $T_{tb} = \frac{100}{\frac{a_1}{t_1} + \frac{a_2}{t_2} + \dots + \frac{a_n}{t_n}}$ <p>Tra bằng mật độ sàn với tầng cao trung bình Brutto quy chuẩn để tìm mật độ sàn $M_s(m^2)$</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính số nhà : $N_n = \frac{a_n \cdot S \cdot M}{t_n \cdot D_s}$ <p>c. Tính toán và xác định công trình trung tâm công cộng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thương nghiệp dịch vụ: có thể tổ chức các công trình như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Cửa hàng bách hóa nhỏ hoặc siêu thị. + Các cửa hàng dịch vụ: ăn uống, giặt ủi, cắt tóc, bưu điện... + Các cửa hàng trên có thể hợp khối hoặc đứng riêng rẽ, hoặc kết hợp trong các trung tâm thương mại của quận, thành phố. - Văn hóa :tổ chức 1 câu lạc bộ quy mô nhỏ, trong đó có không gian biểu diễn (hội trường đa năng hoặc sân khấu ngoài trời), có thể bố trí trong công viên. - Giáo dục: tổ chức 1 trường cấp 1&2 tại trung tâm đơn vị ở và 2-3 trường mẫu giáo nhà trẻ trong các nhóm ở. - Y tế: 1 trạm y tế nhỏ phục vụ cho đơn vị ở. - Hành chính: có thể tổ chức UBND phường . - Công viên cây xanh và khu TDTTL: trong khu trung tâm phải tổ chức một công viên có chức năng phục vụ nhu cầu cho mọi lứa tuổi: <ul style="list-style-type: none"> + Khu trò chơi ngoài trời nhỏ cho thiếu nhi, nhi 	5	5 10	10
--	---	---------	----

<p>đồng .</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khu TDTT cho thanh thiếu niên và người lớn: sân banh mini 30x50m, một vài sân khác như tennis, bóng chuyền, bóng rổ,... + Một khu cây xanh cảnh quan phục vụ cho nhu cầu nghỉ tĩnh cho người lớn tuổi. <p>* Chú ý: Các công trình công cộng phải được tính toán dựa vào quy chuẩn phục vụ cho người dân sông trong đơn vị ở, riêng khu thương nghiệp dịch vụ kết hợp chức năng ở dọc các tuyến giao thông đô thị sẽ được xác định dựa trên yếu tố hiệu quả.</p> <p>1.4. Giải pháp bố trí các khu chức năng và tổ chức không gian</p> <p>a. Những nguyên tắc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức công năng: <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức qui hoạch được một mô hình ở hợp lý cho đô thị tương lai (15-20 năm) theo dạng đơn vị ở. + Tổ chức ở không được ảnh hưởng mà phải hài hòa với các khu chức năng xung quanh và sự phát triển chung của đô thị. - Tổ chức giao thông: <ul style="list-style-type: none"> + Lựa chọn giải pháp tổ chức giao thông cơ giới khu vực cho phù hợp với các mô hình đã chọn. Lưu ý: mọi công trình trong đơn vị ở phải tiếp cận trực tiếp giao thông cơ giới. + Hệ thống giao thông đi bộ được tổ chức và liên hệ với các hệ thống cơ giới, không gian chung, cây xanh, và hệ thống giao thông công cộng trong đô thị. + Tổ chức hợp lý bãi xe cho các công trình ở và trung tâm công cộng. - Tổ chức không gian: <ul style="list-style-type: none"> + Đảm bảo tổ chức không gian ở hợp vệ sinh môi trường. 		<p>10</p> <p>10</p> <p>30</p> <p>10</p>	
--	--	---	--

- + Đảm bảo tính hợp lý và đúng nguyên tắc bố cục thẩm mỹ trong việc chuyển tiếp không gian giữa các loại hình nhà ở.
- + Đảm bảo tính đặc trưng, tránh đơn điệu trong tổ chức không gian các nhóm công trình.
- + Phải hợp lý về sử dụng đất.

b. Lập phương án qui hoạch cơ cấu

- Đề xuất phương án qui hoạch cơ cấu tổ chức ở.
- Tổ chức hệ thống giao thông khu vực phù hợp với giải pháp qui hoạch.
- Đề xuất và bố trí các khu chức năng hợp lý để đảm bảo yếu tố phục vụ và đạt hiệu quả sử dụng cao.

PHẦN 2: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN VÀ NỘI DUNG THỂ HIỆN ĐỒ ÁN

2.1. Kế hoạch thực hiện :

a. Giai đoạn 1:

- Tuần 1: ra đề và nghiên cứu, cập nhật, đánh giá hiện trạng.
- Tuần 2: hoàn chỉnh hiện trạng.
 - + Lập bảng cân bằng đất đai và nghiên cứu cơ cấu qui hoạch sử dụng đất.
 - + Phân tích chọn mẫu nhà và tính toán số lượng nhà.
 - + Cuối giai đoạn I, (sau 4 buổi sửa bài), sinh viên phải nộp bài giai đoạn cho GVHD.

b. Giai đoạn 2:

- Tuần 3: Hoàn chỉnh QH sử dụng đất
 - Nghiên cứu QH chung toàn khu đất
- Tuần 4: Nghiên cứu QH chung toàn khu đất
 - Hoàn chỉnh QH chung
- Tuần 5: Nghiên cứu QH chi tiết 1 nhóm ở hoặc trung tâm,...
- Tuần 6,7,8: Hoàn chỉnh toàn bộ nội dung đồ án

- Tuần 9: Thể hiện đồ án tập trung.

2.2. Nội dung thể hiện

- **Giai đoạn 1:** 2 điểm

- + Bản vẽ đánh giá hiện trạng sử dụng đất TL 1/500
- + Bản cân bằng đất đai
- + QH sử dụng đất TL 1/500
- + Bảng tính toán số lượng nhà

- **Giai đoạn 2:** 8 điểm

- + Bản vẽ đánh giá hiện trạng sử dụng đất TL 1/5000 (0.5 điểm)
- + Bảng cân bằng đất đai (0.5 điểm)
- + QH sử dụng đất TL 1/5000 (1.0 điểm)
- + Bảng tính toán số lượng nhà ở (0.5 điểm)
- + QH chung toàn bộ khu đất TL 1/2000÷1/1000 (3.0 điểm)
- + QH chi tiết 1 khu chức năng TL 1/1000÷1/5000 (1.5 điểm)
- + Một vài tiểu cảnh minh họa về tổ chức không gian và diễn họa (1.0 điểm)
- + Mô hình (không bắt buộc) TL 1/2000 (điểm thưởng: 1.0 điểm)

2.3. Những quy định về thể hiện

- Thể hiện đồ án trên khổ giấy A0, phải photocopy nét mờ họa đồ nền hiện trạng trên giấy vẽ trong bản vẽ trong bản vẽ đánh giá hiện trạng., QH sử dụng đất, QH chung.
- Sử dụng màu sắc theo đúng quy định của bản vẽ QH:
 - + Công trình: Công cộng: màu đỏ,cam
 - Nhà ở: vàng, vàng nâu
 - + Giao thông: Cơ giới: xám lợt
Đi bộ: để trắng
 - + Cây xanh: Xanh lá cây

+ Mặt nước: Xanh dương + Được phép thể hiện bóng công trình, cây cối.			
Tổng	5	85	

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. GS.TS. Nguyễn Thế Bá, 2016. *Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị*, NXB Xây dựng Hà Nội,
2. Đặng Thái Hoàng, 2010. *Lịch sử đô thị*, NXB Xây dựng-
3. TS. Võ Kim Cương, 2013. *Chính sách đô thị (tầm nhìn bao quát và hệ thống của nhà quản lý đô thị)*, NXB Xây dựng
4. TS.KTS. Nguyễn Quốc Thông, 2013. *Lịch sử xây dựng đô thị cổ đại và trung đại phương tây*, NXB Xây dựng.
5. TS. Phạm Trọng Mạnh, 2013. *Quản lý đô thị*, NXB Xây dựng Hà Nội
6. TSKT.Iu.P.Bocharov- PTSKHKT. O.K. Kudiavxev- dịch thuật KTS. Lê Phục Quốc , 2012. *Cơ cấu quy hoạch của thành phố hiện đại*, NXB Xây dựng Hà Nội-
7. *Hệ thống bài tập và đồ án kiến trúc* , NXB ĐH Kiến trúc Hà Nội, 2015
8. *Đồ án tổ nghiệp kiến trúc sư*, NXB ĐH Kiến trúc Hà Nội, 2014
9. Nguyễn Đăng Sơn 2006. *Phương pháp tiếp cận mới về Quy hoạch và quản lý đô thị*, Tập 1,2 NXB Xây dựng Hà Nội

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

Điểm đồ án cuối kỳ: 100%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

12. Tên học phần: **ĐỒ ÁN 9B: QUI HOẠCH KHU TRUNG TÂM CÁC QUẬN MỚI**

13. Số tín chỉ: 3 (0,3)

14. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

15. Ngành đào tạo: Kiến trúc

16. Phân bố thời gian

- Thực hành: 90 tiết

- Tự học: 180 tiết

17. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

18. Mô tả tóm tắt học phần:

- Nghiên cứu cơ cấu qui hoạch của các quận mới.
- Qui mô các khu chức năng trong trung tâm các quận.
- Nghiên cứu đưa ra giải pháp qui hoạch chi tiết trung tâm của các quận mới ở Tp.HCM trong đó cần quan tâm đến việc tổ chức các không gian công cộng.

19. Mục tiêu học phần:

- Giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã học từ nguyên lý qui hoạch đô thị, qua các tài liệu tham khảo trong và ngoài nước về lý luận cũng như thực tiễn tổ chức qui hoạch khu trung tâm phục vụ công cộng cấp khu dân cư (hoặc các quận) để áp dụng chọn giải pháp tổ chức qui hoạch một cơ cấu trung tâm trong khu dân cư mới của Tp.Hồ Chí Minh.
- Sinh viên tập trung áp dụng các tiêu chuẩn, phương pháp tính toán và tập phân tích đánh giá các điều kiện hiện trạng của từng khu vực (điều kiện tự nhiên, kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật, kinh tế xã hội,...) trong mối tương quan với qui hoạch tổng thể phát triển đô thị Tp.Hồ Chí Minh.

20. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương ,tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
-----------------------------	---------------------	---------------------	---------

PHẦN 1: NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

1.1. Phân tích điều kiện hiện trạng khu đất:

Các khu đất dự kiến sử dụng cho đồ án đều có các điều kiện tương đồng nhau:

- Diện tích khu đất (theo bản vẽ qui hoạch tổng thể) được xác định qui mô của chúng trước tiên theo qui mô phục vụ của khu dân cư. Sau khi đã nghiên cứu phân tích về chi tiết khả năng trong các điều kiện thực tế sẽ cân đối lại tăng hoặc giảm cho phù hợp.

- Hiện trạng chủ yếu là đất nông nghiệp, các công trình kiến trúc và các điều kiện kỹ thuật hạ tầng như chưa có giá trị quan trọng.

- Hiện trạng giao thông chưa phát triển tuy nhiên hệ thống giao thông trong khu vực trung tâm được xác định theo qui hoạch phát triển của quận (theo bản vẽ qui hoạch tổng thể).

- Hiện trạng tự nhiên.

+ Địa hình: theo điều kiện hiện trạng tại các khu đất điều phải tôn nền, có thể cải tạo địa hình cho phong phú không gian cảnh quan và hợp lý để tổ chức các công năng của trung tâm.

+ Điều kiện tự nhiên của Tp.HCM, có các điều kiện đặc điểm: khí hậu chia làm 2 mùa rõ rệt. Mùa mưa: từ tháng 4 đến tháng 11, hướng gió chủ đạo: Tây Nam. Mùa khô: từ tháng 12 đến tháng 3, hướng gió chủ đạo: Đông Nam.

1.2. Phân tích vị trí khu đất trong mối tương quan với cơ cấu phát triển tương lai của khu dân cư mới và của đô thị.

Vị trí của trung tâm quyết định vai trò của khu trung tâm. Thông thường khu trung tâm quận đảm nhận 2 chức năng chính :

- Chức năng phục vụ nhu cầu của người dân trong quận, đảm bảo các hoạt động ăn ở ,sinh hoạt, vui chơi giải trí,...

- Chức năng phục vụ khu vực: ngoài phục vụ dân cư trong quận, tùy theo vị trí của trung tâm mà có thể đảm nhận thêm

một số chức năng của đô thị.

Một số yếu tố tác động đến chức năng và vai trò của trung tâm:

a. Yếu tố phục vụ và hiệu quả

- Yếu tố chức năng phục vụ và tính hiệu quả trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay đóng vai trò quan trọng trong công tác qui hoạch nói chung và đặc biệt quan trọng trong việc qui hoạch chi tiết các khu trung tâm phục vụ công cộng của đô thị.

Trước kia, khi tính toán về tiêu chuẩn các công trình và các khu chức năng người ta hầu như chỉ quan tâm đến một yếu tố là qui mô và khả năng phục vụ của công trình đáp ứng với các nhu cầu phục vụ của người dân đô thị (theo qui chuẩn hiện hành).

- Hiện nay, một công trình muốn phục vụ tốt không chỉ hoàn thiện chức năng mà phải đảm bảo tính hiệu quả để tồn tại. Và ngược lại, muốn thu được lợi nhiều các nhà đầu tư cũng phải quan tâm đến sự hoàn thiện công năng hiện đại và tiện nghi để hấp dẫn khách hàng. Yếu tố chức năng phục vụ và hiệu quả đã ảnh hưởng trực tiếp đến sự xác định vị trí, bán kính phục vụ, qui mô và chức năng công trình và khu chức năng trong các trung tâm cộng đồng đô thị.

- Các công trình thương mại - dịch vụ và một số công trình văn hóa thường là công trình mang tính hiệu quả (không tính toán bằng chỉ tiêu và qui mô dân số.)

- Các công trình còn lại là những công trình mang tính phục vụ (tính toán bằng chỉ tiêu và qui mô dân số.)

b. Vị trí quỹ đất

Vị trí và quỹ đất ảnh hưởng đến chức năng và tính hiệu quả các công trình. mối quan hệ của vị trí và quỹ đất liên quan đến:

- Khoảng cách xa gần của khu đất so với hệ thống đô thị tại khu vực & vị trí của khu đất so với trung tâm đô thị.

- Điều kiện hiện tại và dự báo phát triển tương lai của hệ thống giao thông đô thị.

- Qui mô phục vụ của khu dân cư và khả năng phục vụ dân

cư lân cận và quá cảnh.

- Bán kính phục vụ đối với khu dân cư.

c. Yếu tố phục vụ chuyên năng và phục vụ công cộng

Các khu chức năng trong trung tâm cấp quận mới có những nguyên tắc tổ chức riêng biệt khác nhau để phù hợp với vai trò của mình. Trong khi đó các khu chức năng này thường bố trí tập trung hoặc kề gần nhau dẫn đến dự ảnh hưởng lẫn nhau về tổ chức công năng, giao thông và không gian của khu vực trung tâm.

1.3. Nghiên cứu và đề xuất phương án QH cơ cấu tính toán các chỉ tiêu đất đai

a. Các khu chức năng trong trung tâm công cộng cấp quận

- Các công trình thương nghiệp:

- + Chợ
- + Trung tâm thương mại
- + Cửa hàng bách hóa
- + Siêu thị
- + Các cửa hàng chuyên doanh(có thể hợp khối)

- Các công trình dịch vụ:

+ Ăn uống, giặt ủi, sửa chữa ,may mặc,cắt tóc,... có thể hợp khối hoặc đứng riêng rẽ thành các kiosques: cửa hàng ăn uống, giải khát, đặc sản, cửa hàng một thời trang.

+ Nhu cầu thông tin liên lạc, tiền tệ ,... có thể tổ chức thành những công trình riêng rẽ hoặc hợp khối: ngân hàng, bưu điện, tín dụng.

+ Nhu cầu nghỉ ngơi: có thể có khách sạn, nhà ở cao tầng cho thuê hoặc nhà trọ.

+ Cao ốc văn phòng.

- Văn hóa:

+ CLB - NVH, trong đó kết hợp không gian biểu diễn hoặc hội trường đa năng hoặc sân khấu ngoài trời.

+ Nhà thiếu nhi phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt vui chơi giải trí và học tập của thanh thiếu niên trong quận.

+ Hội trường đa năng (phục vụ cho các nhu cầu như: hội họp, biểu diễn ca múa nhạc - kịch, chiếu phim, hòa nhạc,...) có thể là một tổ chức các công trình biểu diễn có thể có những điều kiện kỹ thuật khác nhau.

+ Bảo tàng, triển lãm, truyền thống. Tùy theo có thể hợp khối hoặc phân tán thành các công trình riêng biệt.

+ Thư viện.

- TDTT và công viên cây xanh:

Trong khu trung tâm phải tổ chức một công viên có chức năng phục vụ cho nhu cầu của mọi người dân trong quận

Bao gồm:

+ Một khu vui chơi giải trí nhỏ.

+ Một vài sân khác: tennis ,bóng chuyền, cầu lông, bóng rổ.

+ Một khu cây xanh cảnh quan phục vụ cho nhu cầu nghỉ tĩnh kết hợp với các dịch vụ.

+ Trung tâm thể dục thể thao cấp quận: gồm 1 sân đá banh 65x100m, nhà tập luyện và thi đấu đa năng 1500 chỗ. Có thể bố trí riêng biệt hoặc kết hợp với khu vực công viên.

- Giáo dục:

+ Các trường trung học phổ thông, cao đẳng, trung tâm dạy nghề.

+ Trung tâm y tế quận.

+ Phòng khám đa khoa, điều trị ngoại trú.

- Hành chính:

+ Các cơ quan hành chính: UBND - HĐND.

+ Các cơ quan an ninh, pháp chế: công an, tòa án, chi cục thuế,..

+ Các cơ quan chính trị, đoàn thể, xã hội.

- Thông tin liên lạc: Trạm truyền thông, viễn thông.

b. Các giải pháp phân khu chức năng trung tâm

- Phân tích và vận dụng các giải pháp bố cục trung tâm: tập trung, phân tán, tuyến,... với sự lựa chọn các chức năng

chuyên năng hoặc chức năng kết hợp.

- Trong khi nghiên cứu lựa chọn phương án phân khu chức năng, cần chú ý đến các chức năng phục vụ đặc thù: phục vụ chuyên năng và phục vụ công cộng, để có thể tổ chức hợp lý và hiệu quả, vừa giải quyết bài toán không gian cảnh quan của trung tâm. Tính chuyên năng còn ảnh hưởng đến yếu tố động tĩnh hay ồn ào náo nhiệt của các khu vực chức năng. Khu hành chính, giáo dục thường cần sự yên tĩnh nên bố trí cách xa khu thương mại.

- Giải pháp phân khu chức năng còn lại phải được nghiên cứu dựa trên việc nghiên cứu các giải pháp không gian: cao hay thấp tầng, mật độ cao hay thấp,... các khu hành chính, giáo dục thường có mật độ thấp và tầng cao trung bình không cao. Việc nghiên cứu không gian nhằm bố trí vị trí các khu chức năng trong khu trung tâm một cách hợp lý.

c. Tính toán các chỉ tiêu đất đai trong trung tâm

- Sinh viên tự tham khảo qui chuẩn tại qui chuẩn Việt Nam hoặc trong sách NLQHĐT để tính toán quy mô sử dụng đất của trung tâm và một số các công trình phục vụ. Sinh viên tự tìm các số liệu để lập bảng cân bằng đất đai.

- Qui mô dân số của các quận mới của TP.Hồ Chí Minh: quận 2, quận 7, quận 12,...

- Các số liệu về đặc điểm kinh tế xã hội có thể tham khảo trong các quận khác.

- Qui mô đất đai của trung tâm có thể tham khảo tỉ lệ so với qui mô dân cư: khoảng từ: 2-5 m² / người.

Bảng cân bằng đất đai trung tâm :

THÀNH PHẦN ĐẤT ĐAI	CHỈ TIÊU m²/ người	DIỆN TÍCH (ha)	TỈ LỆ %
Hành chính			
Thương nghiệp dịch vụ			
Văn hóa			
Giáo dục			
Cây xanh, TDTT			

Y tế			
Thông tin			
Giao thông			
Ở			
Ao hồ			
TỔNG CỘNG			

1.4. Giải pháp bố trí các công trình và tổ chức không gian

a. Không gian kiến trúc

- Việc nghiên cứu đề xuất các giải pháp tổ chức không gian trong khu trung tâm phục vụ công cộng đô thị không những nhằm mục đích tạo điều kiện tốt cho nhu cầu phục vụ của khu trung tâm với người dân đô thị, mà còn là yếu tố quan trọng cần thiết đối với không gian kiến trúc đô thị, nhất là tạo được sự đặc trưng vào bộ mặt của đô thị.

- Nghiên cứu không gian kiến trúc còn cần phải xác định các yếu tố về các trục, các không gian trống, mảng xanh,... các công trình kiến trúc, kiến trúc nhỏ,...tất cả các yếu tố trên sẽ góp phần hình thành giải pháp qui hoạch không gian khu vực trung tâm.

b. Hệ thống giao thông

- Giao thông trong khu trung tâm rất phức tạp, vì đây là đầu mối tập trung của mọi luồng lưu thông chức năng của đô thị: vận chuyển người, hàng hóa, vệ sinh,... với đủ các phương tiện giao thông và luôn luôn với tần suất cao.

- Một giải pháp tổ chức giao thông cho khu trung tâm ảnh hưởng trực tiếp đến giải pháp tổ chức cơ cấu chức năng khu trung tâm và quyết định yếu tố phục vụ và khả năng hiệu quả của trung tâm.

* **Chú ý:** Mọi quan hệ giao thông giữa trung tâm quận với trung tâm đô thị và các khu vực chức năng khác của đô thị. Cần nghiên cứu các vấn đề: các tuyến giao thông chính đô thị, các luồng di chuyển đến trung tâm và đến các khu vực khác. Các giải pháp tổ chức hệ thống giao thông công cộng cũng cần được xem xét. Ngoài ra, cần nghiên cứu và đề xuất những thông số kỹ thuật: diện tích và vị trí các bãi xe, kích

thước và phân tuyến các làn xe, vị trí và kích thước các trạm xe buýt công cộng, kích thước các làn đi bộ và các hệ thống giao thông bộ trong khu trung tâm phục vụ công cộng đô thị,...

PHẦN 2: KẾ HOẠCH VÀ NỘI DUNG NGHIÊN CỨU THỂ HIỆN

2.1. Các thành phần nghiên cứu

- Tuần 1: ra đề và nghiên cứu, cập nhật, đánh giá hiện trạng
- Tuần 2: Nghiên cứu và sửa, hoàn chỉnh cơ cấu
- Tuần 3: Nghiên cứu qui hoạch chung
- Tuần 4,5: Nghiên cứu qui hoạch chi tiết
- Tuần 6,7,8: Hoàn chỉnh toàn bộ nội dung đồ án
- Tuần 9: Thể hiện đồ án tập trung

2.2. Các yêu cầu thể hiện đồ án

- Thể hiện đồ án trên bản vẽ khổ A0, với yêu cầu sử dụng màu sắc theo đúng quy định của bản vẽ qui hoạch
 - + Công trình: Công cộng màu đỏ, cam
Nhà ở: màu vàng, vàng nâu
 - + Giao thông: Cơ giới: màu xám nhạt
Đi bộ: để trắng
 - + Cây xanh: Xanh lá
 - + Nước: Xanh dương
- Các bản vẽ được thể hiện trên nền hiện trạng
- Các hình vẽ được phép thể hiện bóng công trình, bóng cây cối, ...

2.3. Nội dung thể hiện

- Qui hoạch cơ cấu hệ thống trung tâm trong tổng thể của quận: 1/10.000
- Qui hoạch cơ cấu cho tiết trung tâm chính: TL 1/5.000
- Qui hoạch chung: TL 1/2.000 ÷ 1/5.000

5

5

10

10

20

30

10

<ul style="list-style-type: none"> - Quy hoạch chi tiết: TL 1/1.000 ÷ 1/5.000 - Mô hình trung tâm : TL 1/200 <p>*Chú ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các đồ án không thể hiện đúng yêu cầu trên sẽ bị loại - Các sinh viên sửa bài không đủ từ 80% các buổi sửa bài sẽ không được lên bài 			
Tổng	5	85	

21. Tài liệu tham khảo:

1. GS.TS. Nguyễn Thế Bá, 2016. *Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị*, NXB Xây dựng Hà Nội,
 2. Đặng Thái Hoàng, 2010. *Lịch sử đô thị*, NXB Xây dựng-
 3. TS. Võ Kim Cương, 2013. *Chính sách đô thị (tầm nhìn bao quát và hệ thống của nhà quản lý đô thị)*, NXB Xây dựng
 4. TS.KTS. Nguyễn Quốc Thông, 2013. *Lịch sử xây dựng đô thị cổ đại và trung đại phương tây*, NXB Xây dựng.
 5. TS. Phạm Trọng Mạnh, 2013. *Quản lý đô thị*, NXB Xây dựng Hà Nội
 6. TSKT.Iu.P.Bocharov- PTSKHKT. O.K. Kudiyavxev- dịch thuật KTS. Lê Phục Quốc , 2012. *Cơ cấu quy hoạch của thành phố hiện đại*, NXB Xây dựng Hà Nội-
 7. *Hệ thống bài tập và đồ án kiến trúc* , NXB ĐH Kiến trúc Hà Nội, 2015
 8. *Đồ án tổ chức kiến trúc sư*, NXB ĐH Kiến trúc Hà Nội, 2014
 9. Nguyễn Đăng Sơn 2006. *Phương pháp tiếp cận mới về Quy hoạch và quản lý đô thị*, Tập 1,2 NXB Xây dựng Hà Nội
- 22. Phương pháp đánh giá học phần:** (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)
- Điểm đồ án cuối kỳ: 100%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Bảo tồn di sản kiến trúc

2. Số tín chỉ: 2 (2,0)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc

5. Phân bố thời gian

- Lý thuyết: 30 tiết

- Tự học: 60 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần giới thiệu đến sinh viên các nội dung chủ yếu sau:

- Đại cương về qui hoạch cảnh quan.
- Qui hoạch cảnh quan (Các nguyên tắc bố cục qui hoạch cảnh quan, qui hoạch cảnh quan vùng nông thôn, qui hoạch cảnh quan vùng đô thị).
- Qui hoạch không gian cảnh quan khu trung tâm (Qui hoạch không gian tổng thể cảnh quan khu trung tâm, qui hoạch không gian cảnh quan vườn – công viên, khu vực quảng trường, cảnh quan đường phố, cảnh quan nhà ở).

8. Mục tiêu học phần:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về qui hoạch cảnh quan, hiểu được mối quan hệ biện chứng về các nhân tố tự nhiên, kinh tế – xã hội đến qui hoạch.
- Giúp cho sinh viên nắm được các nguyên lý và phương pháp lập qui hoạch cảnh quan vùng đô thị và nông thôn nhằm nâng cao kiến thức về qui hoạch sử dụng các nguồn tài nguyên phát triển kinh tế, xã hội, đáp ứng mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I: Đại cương về qui hoạch cảnh quan	10		

<p>I. Khái niệm chung</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm chung về qui hoạch cảnh quan 2. Khái niệm qui hoạch cảnh quan vùng 3. Khái niệm qui hoạch cảnh quan đô thị 4. Khái niệm qui hoạch cảnh quan nông thôn <p>II. Qui hoạch cảnh quan ở Việt Nam và trên thế giới</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Qui hoạch cảnh quan ở Việt Nam 2. Qui hoạch cảnh quan trên thế giới <p>III. Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đối tượng và nhiệm vụ qui hoạch cảnh quan 2. Phương pháp áp dụng trong qui hoạch cảnh quan 3. Trình tự và nội dung qui hoạch cảnh quan 			
<p>Chương II: Qui hoạch cảnh quan</p> <p>I. Các nguyên tắc bố cục qui hoạch cảnh quan</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ sở của việc bố cục qui hoạch cảnh quan 2. Các quy luật bố cục trong qui hoạch cảnh quan <p>II. Qui hoạch cảnh quan vùng nông thôn</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhiệm vụ, mục tiêu qui hoạch cảnh quan vùng nông thôn 2. Nguyên tắc phân vùng cảnh quan nông thôn 3. Các loại hình cảnh quan vùng nông thôn 4. Nội dung qui hoạch cảnh quan vùng nông thôn <p>III. Qui hoạch cảnh quan vùng đô thị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhiệm vụ, mục tiêu qui hoạch cảnh quan vùng đô thị 2. Nguyên tắc phân vùng cảnh quan đô thị 3. Các loại hình cảnh quan vùng đô thị 4. Nội dung qui hoạch cảnh quan vùng đô thị 	10		
<p>Chương III: Qui hoạch không gian cảnh quan khu trung tâm</p> <p>I. Qui hoạch không gian tổng thể cảnh quan khu trung tâm</p>	10		

<p>1. Khái niệm và phân loại không gian cảnh quan các khu chức năng</p> <p>2. Nguyên tắc qui hoạch không gian cảnh quan khu trung tâm</p> <p>3. Nội dung qui hoạch không gian cảnh quan khu trung tâm</p> <p>II. Qui hoạch không gian cảnh quan vườn – công viên</p> <p>1. Khái niệm và phân loại chức năng vườn – công viên</p> <p>2. Các nguyên tắc qui hoạch không gian cảnh quan vườn – công viên</p> <p>3. Nội dung bố trí qui hoạch không gian cảnh quan vườn – công viên</p> <p>III. Qui hoạch không gian cảnh quan khu vực quảng trường</p> <p>1. Khái niệm và phân loại chức năng khu vực quảng trường</p> <p>2. Các nguyên tắc qui hoạch không gian cảnh quan khu vực quảng trường</p> <p>3. Nội dung bố trí qui hoạch không gian cảnh quan khu vực quảng trường</p> <p>IV. Qui hoạch không gian cảnh quan đường phố</p> <p>1. Khái niệm và phân loại chức năng đường phố</p> <p>2. Các nguyên tắc qui hoạch không gian cảnh quan đường phố</p> <p>3. Nội dung bố trí qui hoạch không gian cảnh quan đường phố</p> <p>V. Qui hoạch không gian cảnh quan nhà ở</p> <p>1. Khái niệm và phân loại chức năng nhà ở</p> <p>2. Các nguyên tắc qui hoạch không gian cảnh quan nhà ở</p> <p>3. Nội dung bố trí qui hoạch không gian cảnh quan nhà ở</p>			
Tổng	30		

10. Phần tài liệu tham khảo:

- [1]. Hàm Tất Ngạn, 1999. *Kiến trúc cảnh quan*, NXB Xây dựng – Hà Nội
- [2]. Di tích lịch sử văn hoá thế giới. UNESCO, 2006
- [3]. *Kiến trúc cổ Việt Nam từ cái nhìn khảo cổ học*
- [4]. *Khoa học công nghệ bảo tồn trùng tu di tích kiến trúc*
- [5]. Nguyễn Thịnh, 2012. *Thiết kế trưng bày di sản lý thuyết và thực hành*, Xây dựng Hà Nội,

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm hoặc kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Ngành đào tạo: Kiến trúc

Hệ đào tạo: Đại học chính quy

- Tên học phần: KỸ THUẬT THI CÔNG**
- Số tín chỉ: 2(2,0)**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành đào tạo: Kiến trúc**
- Phân bố thời gian**
 - Lý thuyết: 30 tiết
 - Tự học: 60 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường**
- Mô tả tóm tắt học phần:**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác thi công đất và nền móng (những khái niệm chung, cách tính khối lượng đất, công tác chuẩn bị và công tác phục vụ thi công đất,...), thi công bê tông và bê tông cốt thép toàn khối (công tác cấp pha, công tác cốt thép, bê tông,...), lắp ghép các kết cấu xây dựng (cách lắp ghép kết cấu xây dựng, lắp ghép các kết cấu bê tông cốt thép,...), công tác xây gạch đá và hoàn thiện.

8. Mục tiêu học phần

- Kiến thức: trang bị cho sinh viên:
 - + Những kiến thức cơ bản về kỹ thuật thi công xây dựng công trình kiến trúc để từ đó có thể lập được những giải pháp kỹ thuật thi công hợp lý.
 - + Nắm được trình tự thi công các công trình xây dựng thường gặp từ lúc khởi công đến khi hoàn thiện
 - + Nắm được tính năng và phạm vi sử dụng có hiệu quả của một số loại máy móc, thiết bị xây dựng và công cụ lao động thông thường phục vụ thi công xây lắp.
- Kỹ năng:
 - + Hiểu, phân tích và vận dụng hợp lý các phương án về kỹ thuật thi công công trình.

+ Sử dụng và điều phối hợp lý các loại công nhân chuyên nghiệp trong thi công giúp họ phát huy được khả năng làm việc tốt và tránh được những sai lầm đáng tiếc có thể xảy ra.

+ Trực tiếp kiểm tra chất lượng và nghiệm thu công trình.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
<p>PHẦN I: CÔNG TÁC THI CÔNG ĐẤT VÀ NỀN MÓNG</p> <p>Chương I: Những khái niệm chung</p> <p>I. Các dạng công trình thi công đất</p> <p>II. Phân cấp đất theo thủ công và cơ giới</p> <p>III. Những tính chất kỹ thuật của đất ảnh hưởng đến thi công</p> <p>Chương II: Cách tính khối lượng đất</p> <p>I. Cách tính khối lượng đất hố móng</p> <p>II. Tính khối lượng những công trình đất chạy dài</p> <p>III. Tính tiết diện ngang của công trình đất chạy dài</p> <p>IV. Cách tính khối lượng san bằng mặt đất</p> <p>1. Theo cao trình cho trước</p> <p>2. Theo điều kiện cân bằng khối lượng đào và đắp</p> <p>V. Phân bố khối lượng, cách xác định hướng và khoảng cách chuyển đất</p> <p>Chương III: Những công tác chuẩn bị và công tác phục vụ thi công đất</p> <p>I. Chuẩn bị mặt bằng, cách tiêu và hút nước mặt trên công trình</p> <p>II. Hạ mực nước ngầm bằng giếng thăm, giếng ống kim loại</p> <p>III. Cách xác định vị trí và giác móng công trình</p> <p>IV. Cách chống vách đất</p> <p>Chương IV: Kỹ thuật thi công đào đất</p>	7		

<p>I. Thi công đào đất bằng thủ công</p> <p>II. Thi công đào đất bằng cơ giới</p> <p>III. Đào đất bằng máy gầu thuận (gầu ngửa)</p> <p>IV. Đào đất bằng máy gầu nghịch (gầu ngược)</p> <p>V. Đào đất bằng máy gầu dây</p> <p>VI. Năng suất của máy đào một gầu, biện pháp để tăng năng suất</p> <p>VII. Đào đất bằng máy cạp</p> <p>VII. Đào đất bằng máy ủi</p> <p>Chương V: Thi công đắp đất</p> <p>I. Những yêu cầu, đặc tính của đất đắp</p> <p>II. Ảnh hưởng độ ẩm đến công tác đầm đất</p> <p>III. Thi công đắp đất</p> <p>IV. Các loại đầm đất thủ công</p> <p>V. Các loại đầm đất cơ giới</p> <p>Chương VI: Kỹ thuật thi công cọc và cừ</p> <p>I. Các loại cọc và ván cừ</p> <p>II. Các thiết bị thi công cọc ván cừ</p> <p>III. Các quá trình thi công đóng cọc bê tông cốt thép</p> <p>IV. Các quá trình thi công ép cọc</p> <p>V. Thi công đóng và nhổ ván cừ các loại</p> <p>VI. Những biện pháp trở ngại khi đóng cọc</p> <p>VII. Phương pháp cắt và nhổ cọc</p> <p>VII. Phương pháp thi công các loại cọc nhồi</p>			
<p>PHẦN II: THI CÔNG BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG CỐT THÉP TOÀN KHỐI</p> <p>Chương I: Những khái niệm chung</p> <p>I. Khái niệm chung, ưu nhược điểm của công tác bê tông toàn khối</p> <p>II. Các dạng công tác thi công bê tông và bê tông cốt thép toàn khối</p>	8		

Chương II: Công tác cốp pha

- I. Những yêu cầu chung đối với cốp pha và cột chống
- II. Phân loại cốp pha
- III. Các loại cột chống, dàn giáo, đà đỡ, sàn công tác
- IV. Cấu tạo cốp pha luân lưu cho một số kết cấu công trình
- V. Cốp pha di động ngang
- VI. Cốp pha di động lên cao
- VII. Cốp pha trượt
- VIII. Tính toán thiết kế và cấu tạo cốp pha cho một số kết cấu công trình
- IX. Cách nghiệm thu cốp pha

Chương III: Công tác cốt thép

- I. Đặc điểm, phân loại thép xây dựng, các yêu cầu đối với công tác cốt thép
- II. Các phương pháp sửa thẳng, cạo rỉ cốt thép bằng thủ công và cơ giới
- III. Cách lấy mức, cắt và uốn cốt thép bằng thủ công và cơ giới
- IV. Các phương pháp hàn nối cốt thép
- V. Lắp dựng cốt thép vào kết cấu: dạng từng thanh, khung phẳng và khung không gian
- VI. Nghiệm thu cốt thép

Chương IV: Công tác bê tông

- I. Công tác chuẩn bị vật liệu, xác định thành phần cấp phối
- II. Những yêu cầu chung đối với vữa bê tông
- III. Các phương pháp trộn vữa bê tông
- IV. Những yêu cầu và phương pháp vận chuyển vữa bê tông
- V. Công tác chuẩn bị và những nguyên tắc chung khi đổ bê tông
- VI. Biện pháp đổ bê tông một số kết cấu cơ bản
- VII. Mạch ngừng khi thi công bê tông toàn khối

<p>VII. Mục đích của việc đầm bê tông và cách đầm bê tông</p> <p>IX. Bảo dưỡng bê tông</p> <p>X.Tháo dỡ cốt pha</p> <p>XI.Phụ gia dùng trong bê tông</p> <p>XII.Những khuyết tật khi thi công bê tông toàn khối</p>			
<p>PHẦN 3: LẮP GHÉP CÁC KẾT CẤU XÂY DỰNG</p> <p>CHƯƠNG I: Các loại dụng cụ và thiết bị cẩu lắp</p> <p>I. Dụng cụ treo buộc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Dây cáp, dây cẩu 2. Thiết bị treo trực: Puli, ròng rọc 3.Các loại tời và pa lăng <p>II. Cần trục</p> <ol style="list-style-type: none"> 1 Các loại cần trục dùng trong lắp ghép 2 Cách chọn cần trục <p>III. Công cụ neo giữ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Neo cố định tời 2. Tính toán hồ thế và neo <p>Chương II: Cách lắp ghép kết cấu xây dựng</p> <p>I. Quá trình chuẩn bị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vận chuyển và bố trí cấu kiện 2. Khuếch đại và gia cường cấu kiện <p>II. Lắp ghép các kết cấu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Công nghệ các quá trình lắp ghép 2. Mức độ sử dụng cơ giới 3. Phương pháp và những quá trình để lắp ghép một kết cấu <p>Chương III: Lắp ghép các kết cấu bê tông cốt thép</p> <p>I.Lắp móng</p> <p>II.Lắp cột</p> <p>III.Lắp dầm, dầm cầu chạy và tấm sàn</p>	8		

<p>IV.Lắp dầm mái, dàn mái và tấm mái</p> <p>IV.Lắp các tấm tường ngoài</p> <p>Chương IV: Lắp ghép các kết cấu thép</p> <p>I.Chuẩn bị móng cột thép</p> <p>II.Lắp cột thép</p> <p>III.Lắp dầm cầu chạy và dàn đỡ dàn mái</p> <p>IV.Lắp dàn vi kèo và tấm mái</p> <p>V.Sàn công tác phục vụ công tác lắp ghép</p> <p>Chương V: Lắp ghép công trình công nghiệp</p> <p>I. Các đặc điểm và yêu cầu chung</p> <p>II. Các phương pháp lắp ghép</p> <p>II. Lắp ghép nhà công nghiệp một tầng</p> <p>IV. Lắp ghép nhà công nghiệp nhiều tầng</p>			
<p>PHẦN 4: CÔNG TÁC XÂY GẠCH ĐÁ VÀ HOÀN THIỆN</p> <p>CHƯƠNG I:Công tác xây gạch đá</p> <p>I. Cấu tạo khối xây</p> <p>II. Vật liệu trong công tác xây</p> <p>III. Các yêu cầu kỹ thuật xây</p> <p>IV. Kỹ thuật xây</p> <p>V. Khối xây bằng đá</p> <p>VI. Các thiết bị dùng cho công tác xây</p> <p>CHƯƠNG II:Công tác hoàn thiện</p> <p>I. Tác dụng của công tác hoàn thiện</p> <p>II. Nội dung của công tác hoàn thiện</p>	7		
Tổng	30		

10. Tài liệu tham khảo:

[1]. TS. Đỗ Đình Đức, PGS Lê Kiều, 2002. *Kỹ thuật thi công tập 1*, NXB Khoa học kỹ thuật

[2]. TS. Đỗ Đình Đức, PGS Lê Kiều, 2002. *Kỹ thuật thi công tập 2*, NXB Khoa học kỹ thuật

[3]. *Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam, Tập VII – Quản lý chất lượng thi công và nghiệm thu*, TCVN 5637:1991; TCVN 4453:1995; TCVN 20:1997.

[4]. PGS Lê Văn Kiểm, 2002. *Thi công bê tông cốt thép*, NXB ĐH Quốc gia TP.HCM.

[5]. PGS Lê Văn Kiểm, 2002. *Thi công lắp ghép dân dụng và công nghiệp*, NXB ĐH Quốc gia TP.HCM

[6]. PGS Lê Văn Kiểm, 2001. *Thiết kế thi công*, NXB ĐH Quốc gia TP.HCM

[7]. Nguyễn Đình Hiện, PGS Lê Kiều, Nguyễn Đình Thám, 2002. *Kỹ thuật thi công*, NXB Khoa học kỹ thuật

[8]. PGS Lê Kiều, Nguyễn Đình Thám *Công tác đất và thi công bê tông toàn khối*, NXB Khoa học kỹ thuật, 2002.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần: CHUYÊN ĐỀ 5: KIẾN TRÚC ĐƯƠNG ĐẠI NƯỚC NGOÀI**
- Số tín chỉ: 2(2,0)**
- Hệ đào tạo: Đại học chính quy**
- Ngành đào tạo: Kiến trúc**
- Phân bố thời gian**
 - Lý thuyết: 30 tiết
 - Tự học: 60 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường**
- Mô tả tóm tắt học phần:**

Cung cấp cho sinh viên kiến thức về một số xu hướng Kiến trúc đương đại nước ngoài như: Hi-tech, kiến trúc hậu hiện đại, kiến trúc hiện đại mới, kiến trúc phòng sinh học, kiến trúc giải tỏa kết cấu, kiến trúc bền vững.

8. Mục tiêu học phần:

Sinh viên có khả năng nhận diện được các trào lưu kiến trúc hiện đại khác nhau, đồng thời hiểu được tinh thần và các giải pháp thiết kế, kỹ thuật đặc trưng của từng trào lưu. Từ đó, giúp nâng cao vốn kiến thức cũng như tư duy sáng tác kiến trúc của sinh viên.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Chương I: Kiến trúc Hi-tech I. Khái niệm về kiến trúc Hi-tech II. Các công trình kiến trúc tiêu biểu III. Các kiến trúc sư tiêu biểu	5		
Chương II: Kiến trúc hậu hiện đại	5		

I. Khái niệm về kiến trúc hậu hiện đại II. Các công trình kiến trúc tiêu biểu III. Các kiến trúc sư tiêu biểu			
Chương III: Kiến trúc hiện đại mới I. Khái niệm về kiến trúc hiện đại mới II. Các công trình kiến trúc tiêu biểu III. Các kiến trúc sư tiêu biểu	5		
Chương IV: Kiến trúc phỏng sinh học I. Khái niệm về kiến trúc phỏng sinh học II. Các công trình kiến trúc tiêu biểu III. Các kiến trúc sư tiêu biểu	5		
Chương V: Kiến trúc giải tỏa kết cấu I. Khái niệm về kiến trúc giải tỏa kết cấu II. Các công trình kiến trúc tiêu biểu III. Các kiến trúc sư tiêu biểu	5		
Chương VI: Kiến trúc bền vững I. Khái niệm về kiến trúc bền vững II. Các công trình kiến trúc tiêu biểu III. Các kiến trúc sư tiêu biểu	5		
Tổng	30		

10. Tài liệu tham khảo:

[1]. *Một số xu hướng kiến trúc đương đại nước ngoài* – Lê Thanh Sơn - NXB Xây dựng, 2008.

[3]. *70 công trình kiến trúc kỳ diệu của thế giới hiện đại* – Neil Parkyn.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hoặc báo cáo nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: bài tập lớn thay thế thi tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP

2. Số tín chỉ: 2 (0,2)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc

5. Phân bố thời gian

- Thực hành: 60 tiết

- Tự học: 120 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

- Thu thập tài liệu ,số liệu, bản đồ, khảo sát hiện trạng khu đất.

- Nghiên cứu và phân tích khu đất xây dựng.

- Chọn phương án cơ cấu phân khu chức năng, đề xuất giải pháp qui hoạch tổng thể.

- Hoàn chỉnh phương án qui hoạch tổng thể.

- Hoàn chỉnh các bản vẽ và thuyết minh.

8. Mục tiêu học phần:

- Các đồ án nhằm kiểm tra kiến thức và rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức tổng hợp trong việc phân tích, xây dựng nhiệm vụ thiết kế và nghiên cứu thiết kế quần thể công trình bao gồm nhiều hạng mục công trình có chức năng khác nhau.

- Nhằm yêu cầu sinh viên nghiên cứu thiết kế và triển khai chi tiết kiến trúc - kỹ thuật các hạng mục công trình theo thể loại công trình được phân công.

- Nhằm rèn luyện kỹ năng nghiên cứu chuyên sâu các vấn đề kiến trúc - kỹ thuật, vận dụng trong việc xây dựng nhiệm vụ thiết kế và lập đề cương đồ án tốt nghiệp, khả năng vận dụng các đồ án này vào trong giai đoạn đầu tiên của quá trình thực hiện đồ án tốt nghiệp.

- Các đồ án này được nghiên cứu mang tính nối tiếp theo trình tự nghiên cứu, tư duy, sáng tác, bao gồm:

+ Đồ án nghiên cứu chuyên đề.

- + Đồ án tổng hợp kiến trúc - kỹ thuật.
- + Đồ án đề cương tốt nghiệp.

9. Nội dung:

<p style="text-align: center;">NỘI DUNG (Chương,tiết)</p>	<p style="text-align: center;">Lý thuyết (tiết)</p>	<p style="text-align: center;">Thực hành (tiết)</p>	<p style="text-align: center;">Ghi chú</p>
<p>1. Nội dung nghiên cứu</p> <p>1.1. Khu đất xây dựng</p> <p>- Khu đất được lựa chọn là khu đất thực tế, giả định hoặc điều chỉnh khu đất đã qui hoạch có diện tích 6-10ha. Gồm các công trình Thương mại, Văn phòng giao dịch, Nhà ở - Khách sạn và dịch vụ du lịch, giải trí, Bệnh viện, Trường đại học, Nhà thi đấu TDTT. Vị trí, hình dáng và điều kiện khu đất sinh viên lựa chọn phải phù hợp với nhiệm vụ thiết kế, quy mô, mật độ, qui hoạch chiều cao của phương án đề xuất.</p> <p>- Các chỉ tiêu qui hoạch kiến trúc :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lộ giới giao thông + Mật độ xây dựng + Chiều cao khống chế tối đa + Khoảng lùi xây dựng + Khoảng lùi xây dựng nếu công trình tiếp cận đường giao thông ngoại vi và địa hình đặc thù (sông, biển, núi, đồi, xa lộ,...). + Hệ số sử dụng đất + Chỉ tiêu chỗ đậu xe <p>1.2. Nội dung chức năng công trình</p> <p>Quần thể công trình nghiên cứu trong khu đất được lựa chọn theo thể loại được phân công, có các chức năng như sau :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không gian quảng trường : + Quảng trường công cộng. + Công viên văn hóa - nghỉ ngơi - TDTT. + Dịch vụ đô thị (Bưu điện, ngân hàng, giải trí, trung bày 	5	55	

triển lãm ,nhà hàng, giải khát, cửa hàng nhỏ).

- Khu nhà ở:

+ Cơ cấu dân cư: 5.000- 7.000 dân (tiêu chuẩn ở 8 - 12m²/người).

+ Loại hình nhà ở gồm có :

- Nhà biệt thự (20% số dân)có diện tích đất từ 100 -400m², độ cao từ 1-2 tầng, dạng nhà biệt thự đơn lập - song lập, có quy mô 2-4 phòng ngủ.
- Nhà ở chung cư thấp tầng (chiếm 30% số dân)có quy mô 5-7 tầng.
- Nhà ở chung cư cao tầng (50% số dân) có quy mô 15-24 tầng.
- Ký túc xá cao tầng (quy mô 5.000- 10.000 sinh viên)có quy mô 9-24 tầng.
- Chú ý: Loại nhà chung cư có các loại căn hộ A-1 phòng ngủ (chiếm 29%), căn hộ B-2 phòng ngủ (chiếm 50%), căn hộ C-3 phòng ngủ (chiếm 20%), căn hộ penthouse 3-4 phòng ngủ (chiếm 10%).

- Công trình thương mại - dịch vụ: có diện tích đất 5.000- 6.000m², có quy mô 9-15 tầng, gồm chức năng mua sắm, giải trí, nhà hàng ăn uống, dịch vụ sức khỏe, thẩm mỹ ...

- Cụm công trình trường học, bệnh viện, nghỉ dưỡng, TDTT chokhu vực tại khu đất nghiên cứu.

- Các công trình phúc lợi công cộng: Câu lạc bộ giải trí, nhà triển lãm, TDTT, bưu điện, ngân hàng,... có quy mô diện tích đất chiếm khoảng 10%.

- Ngoài ra, còn có các công trình phụ như: Trạm điện, trạm bơm, thủy đài, trạm xử lý nước thải, bãi xe công cộng, trạm xe bus, taxi, công viên cây xanh,...được bố trí sao cho hài hòa, cân đối, có tỉ lệ phù hợp (dựa theo quy chuẩn qui hoạch - xây dựng ViệtNam).

b. Thể loại đề tài công trình công cộng: bao gồm các

chức năng sau:

- Không gian quảng trường:
 - Quảng trường trung tâm.
 - Các quảng trường chức năng: Cây xanh, lễ hội, văn hóa nghệ thuật, chính trị,... có bố trí các quần thể kiến trúc nhỏ phục vụ cho sinh hoạt giải trí, giao lưu, nghỉ ngơi.
 - Công trình dịch vụ đô thị (giải khát, nhà hàng, ngân hàng, bưu chính viễn thông, điện thoại công cộng, trạm xe bus, cửa hàng nhỏ,...)
- Công trình cao ốc văn phòng giao dịch: quy mô 15-30 tầng.
- Công trình thương mại ,dịch vụ ,giải trí: Quy mô 5-24 tầng,bố trí chức năng mua sắm, triển lãm, giải trí, ăn uống,rạp chiếu phim, TDTT, câu lạc bộ sinh hoạt, dịch vụ sức khỏe, thẩm mỹ,...
- Công trình tập luyện TDTT: có quy mô 4.000 - 5.000 chỗ (tiêu chuẩn 0,8m²/ chỗ ngồi).
- Công trình văn hóa nghệ thuật: Quy mô 1-5 tầng, chức năng biểu diễn nghệ thuật trong nhà, ngoài trời, chiếu phim kỹ thuật cao(3D, 4D), triển lãm trưng bày nghệ thuật.
- Khối công trình khách sạn - resort - motel - nghỉ dưỡng: có quy mô 100-150 phòng với nhóm loại phòng nghỉ dưỡng khác nhau.
- Công trình bệnh viện: Quy mô 5-15 tầng, có 150 - 300 giường.
- Công trình trường đại học: Quy mô 5.000-10.000 sinh viên.
- Khối kỹ thuật phụ trợ như: trạm điện trung tâm, trạm bơm trung tâm, thủy đài, trạm xử lý nước thải trung tâm, bãi xecông cộng, trạm xe bus, taxi, công viên cây xanh được bố trí sao cho hài hòa, cân đối, có tỉ lệ phù hợp với quy mô các công trình (dựa theo quy chuẩn qui hoạch XDVN).

2. Yêu cầu nghiên cứu của đề án

2.1. Các bước tiến hành

- Thu thập tài liệu, số liệu, tham khảo các tiêu chuẩn thiết kế công trình.
- Đánh giá khu đất về điều kiện tự nhiên (khí hậu, địa thế, địa hình), phân tích các mối quan hệ về kiến trúc - cảnh quan - không gian và nội dung chức năng các công trình sẽ thiết kế, liên hệ với thực tiễn các công trình trong và ngoài nước cùng thể loại để so sánh và vận dụng.
- Đề xuất định hướng và các giải pháp sơ khởi cho công trình đáp ứng các chỉ tiêu kiến trúc - qui hoạch trên cơ sở đã phân tích và nghiên cứu. Lập nhiệm vụ thiết kế (phân khu chức năng, diện tích phòng ốc và yêu cầu thiết kế từng hạng mục công trình).
- Trình bày trên bản vẽ và bảo vệ trước tiểu ban chấm đồ án của khoa.

2.2. Nội dung

- Phần 1: Sinh viên lựa chọn các loại công trình trong thể loại nhà ở hay công trình công cộng phù hợp với nội dung đồ án và quy mô khu đất cụ thể.
- Phần 2: Nghiên cứu và phân tích vị trí khu đất dự kiến xây dựng công trình, đề xuất quy mô công trình và giải pháp bố cục khối.
 - + Phân tích đầy đủ các ưu - khuyết điểm về khu đất xây dựng các mặt: diện tích, hình dáng, các hướng tiếp cận giao thông, hướng gió, mối quan hệ và ảnh hưởng với các khu đất lân cận, khả năng khai thác cảnh quan. Qua đó, xác định yếu tố cần khai thác, yếu tố cần khắc phục. Dẫn chứng các phương án kiến trúc đã được nghiên cứu hay thực hiện (trong và ngoài nước) có những tình huống tương tự. Đề xuất các giải pháp bố cục khối, hình dạng công trình, hướng nhìn chính, lối vào chính, lộ giới, mật độ xây dựng, chiều cao.
 - + Phân tích yêu cầu của đề bài: nhu cầu sử dụng cụ thể của các công trình dựa trên đối tượng phục vụ, bán kính phục vụ, số lượng người sử dụng cho từng hạng mục, xác định quy mô cho từng hạng mục và toàn công

<p>trình theo tiêu chuẩn thiết kế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần 3: Nghiên cứu và phân tích các giải pháp qui hoạch kiến trúc - cảnh quan của khu đất xây dựng. - Sinh viên nghiên cứu về các giải pháp phân khu chức năng ,tổ hợp khối công trình phù hợp với qui hoạch kiến trúc cảnh quan và các điều kiện khu đất đã phân tích, nghiên cứu và đáp ứng các yêu cầu chức năng từng hạng mục công trình trong khu đất. Nội dung nghiên cứu và trình bày theo các bước sau: <ul style="list-style-type: none"> + Bước 1: Phân tích điều kiện tự nhiên, địa hình, địa thế ,khí hậu của khu đất để lựa chọn phương án qui hoạch giao thông, cơ cấu phân khu chức năng phù hợp với nội dung nghiên cứu yêu cầu đề tài theo từng thể loại. + Bước 2: Lựa chọn phương án, lập qui hoạch kiến trúc cảnh quan với giải pháp hình khối, giao thông của các hạng mục công trình theo yêu cầu nội dung nghiên cứu. + Bước 3: Hoàn chỉnh phương án chọn với các vấn đề kiến trúc cảnh quan, chức năng đặc thù công trình. <p>3. Yêu cầu thể hiện</p> <p>Yêu cầu thể hiện: thể hiện 1 tập thuyết minh khổ A 4 (7-10 trang)và 3 bản vẽ khổ A 1, nội dung cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề tài công trình nhà ở : <ul style="list-style-type: none"> + Thuyết minh: đặc điểm khu đất xây dựng, phân tích địa thế, địa hình khí hậu khu đất, cơ cấu phân khu chức năng, mô tả các phương án nghiên cứu, các bảng biểu, sơ đồ, số liệu tiêu chuẩn quy phạm, bảng cơ cấu căn hộ. + Bản vẽ: <ul style="list-style-type: none"> • Bản vẽ: phân tích đặc điểm khu đất, địa thế, địa hình, khí hậu, các yếu tố ảnh hưởng đến giải pháp thiết kế qui hoạch tổng thể. • Bản vẽ 2: các bản vẽ cơ cấu phân khu chức năng, giao thông với 3 phương án có so 			
--	--	--	--

<p>sánh, phân tích, tổng hợp để đưa ra phương án chọn.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bản vẽ 3: bản vẽ qui hoạch kiến trúc cảnh quan của phương án chọn, bảng cơ cấu chức năng công trình, cơ cấu căn hộ. • Tỷ lệ bản vẽ: từ 1/1000- 1/2000, vẽ mực và màu. <p>- Đề tài công trình công cộng :</p> <p>+ Thuyết minh: đặc điểm khu đất xây dựng, phân tích địa thế, địa hình, khí hậu khu đất xây dựng, cơ cấu phân khu chức năng, mô tả các phương án nghiên cứu, các bảng biểu, sơ đồ, số liệu tiêu chuẩn quy phạm, bảng cơ cấu chức năng sử dụng các hạng mục công trình.</p> <p>+ Bản vẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bản vẽ 1: Phân tích đặc điểm khu đất, địa thế, địa hình, khí hậu, giao thông, các yếu tố ảnh hưởng đến giải pháp thiết kế qui hoạch tổng thể. • Bản vẽ 2: Các bản vẽ cơ cấu phân khu chức năng công trình, giao thông với 3 phương án có so sánh phân tích, tổng hợp để đưa ra phương án chọn. • Bản vẽ 3: bản vẽ qui hoạch kiến trúc cảnh quan của phương án chọn, bảng cơ cấu chức năng các hạng mục công trình với quy mô các công trình, tầng cao. • Tỷ lệ bản vẽ: từ 1/1000 - 1/2000, vẽ mực và màu. 			
Tổng	5	55	

10. Tài liệu tham khảo:

- [1]. *Giáo trình kiến trúc nhà dân dụng* - Bộ xây dựng - NXB Xây dựng.
- [2]. *Những vấn đề cơ bản về kiến trúc* - Nguyễn Kim Sến - Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM, 1982.
- [3]. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng* - Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM, 1987.

[4]. *Lý thuyết sáng tác kiến trúc* - Trần Bút -- Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM, 1997.

[5]. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng* - GS. TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm - NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2004.

[6]. *Kiến trúc nhà ở* - Đặng Thái Hoàng - NXB Xây dựng, 1996.

[7]. *Kiến trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất* - Nguyễn Đức Thiềm - NXB Xây dựng, 2005.

[8]. *Bộ tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam (TCXDVN)* - 14 tập.

[9]. *Bộ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam (QCXDVN)* - 3 tập.

[10]. *Cẩm nang kiến trúc sư* (The Architects' Handbook) (Bản tiếng Việt).

[11]. *Architects' Data*, Earnst and Perter Neufert, tái bản lần 3 - NXB Blackwell science, 2006 (Bản tiếng Anh).

[12]. *Nền móng và tầng hầm nhà cao tầng* - NXB Xây dựng, 2006.

[13]. *Nền móng nhà cao tầng* - NXB Khoa học kỹ thuật, 2006.

[14]. Các tiêu chuẩn thiết kế theo thể loại công trình đã chọn.

[15]. Tiêu chuẩn thiết kế khách sạn.

[16]. Tiêu chuẩn thiết kế Bệnh viện.

[17]. Tiêu chuẩn thiết kế Nhà thi đấu.

[18]. Tiêu chuẩn thiết kế TDTT.

[19]. Tiêu chuẩn thiết kế Bảo tàng.

[20]. Tiêu chuẩn thiết kế Trường Đại học.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm)
- Thi cuối kỳ: 50% (nội dung chuyên đề thay cho thi cuối kỳ)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Đề cương tiền tốt nghiệp

2. Số tín chỉ: 1 (0,1)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc

5. Phân bố thời gian

- Thực hành: 30 tiết

- Tự học: 60 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

Sinh viên hệ thống lại những nhiệm vụ cần phải thực hiện trong đồ án tốt nghiệp cũng như thực hiện những nghiên cứu mang tính chi tiết cho đề tài tốt nghiệp của mình.

8. Mục tiêu học phần:

- Nhằm rèn luyện kỹ năng nghiên cứu chuyên sâu các vấn đề kiến trúc - kỹ thuật, vận dụng trong việc xây dựng nhiệm vụ thiết kế và lập đề cương đồ án tốt nghiệp, khả năng vận dụng các đồ án này trong giai đoạn đầu tiên của quá trình thực hiện đồ án tốt nghiệp.

- Các đồ án này được nghiên cứu tính nối tiếp theo trình tự nghiên cứu, tư duy, sáng tác, bao gồm:

+ Đồ án nghiên cứu chuyên đề.

+ Đồ án tổng hợp kiến trúc - kỹ thuật.

+ Đồ án đề cương tốt nghiệp.

+ Hướng dẫn sinh viên thực hiện lập nhiệm vụ thiết kế công trình của đề tài chọn làm tốt nghiệp, căn cứ trên khu đất xây dựng, điều kiện địa thế, địa hình, khí hậu, hiện trạng.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương,tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
<p>1. Nội dung nghiên cứu</p> <p>Sinh viên đăng ký đề tài tốt nghiệp và căn cứ vào đề tài đã được khoa duyệt, sinh viên lập thuyết minh đề cương đề án tốt nghiệp thể hiện các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lý do chọn đề tài, sự cần thiết của đề tài - mục đích đề tài. 		30	
<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở thiết kế: các tiêu chuẩn quy phạm về qui hoạch, thiết kế công trình, giao thông, các cơ sở pháp lý, các tiêu chuẩn đề xuất để xác định quy mô công trình (quy mô, công suất, mật độ xây dựng, tầng cao, hệ số sử dụng đất, diện tích sử dụng ,...) - Đặc điểm khu đất xây dựng: diện tích, khí hậu, địa thế, địa hình ,đại chất(nếu có), cảnh quan môi trường, họa đồ vị trí, qui hoạch định hướng (kèm theo các bản đồ). - Nội dung thiết kế: các khối chức năng, bộ phận thành phần phòng ốc, diện tích, tầng cao. - Đề xuất phương án thiết kế sơ bộ: mặt bằng tổng thể, các mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt, phối cảnh. - Giới thiệu tài liệu tham khảo. <p>2. Yêu cầu thể hiện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện tập thuyết minh khổ giấy A 4, đóng tập, có kèm theo các bản đồ, bản vẽ khổ A3 (xếp gập). - Sinh viên trình bày và thuyết minh theo nhóm GVHD. - Kết quả này tiếp tục hoàn chỉnh, bổ sung và là phần nghiên cứu đầu tiên của đề án tốt nghiệp. 			
Tổng		30	

10. Tài liệu tham khảo:

- [3].*Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng* - Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM, 1987.
- [4]. Trần Bút, 1997.-*Lý thuyết sáng tác kiến trúc* - Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM,
- [5]. GS. TS.KTS Nguyễn Đức Thiêm , 2004*Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

[6]. Đặng Thái Hoàng, 1996. *Kiến trúc nhà ở*, NXB Xây dựng

[7]. Nguyễn Đức Thiềm *Kiến*, 2005. *Trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất*, NXB Xây dựng

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

– Điểm bài tập lớn cuối kỳ :100%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: ĐỒ ÁN TỔNG HỢP A: CHUNG CƯ CAO TẦNG

2. Số tín chỉ: 3 (0,3)

3. Hệ đào tạo: Đại học chính quy

4. Ngành đào tạo: Kiến trúc

5. Phân bố thời gian

- Thực hành: 90 tiết

- Tự học: 180 tiết

6. Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách): Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường

7. Mô tả tóm tắt học phần:

- Thu thập tài liệu ,số liệu, bản đồ, khảo sát hiện trạng khu đất.
- Nghiên cứu và phân tích khu đất xây dựng .
- Chọn phương án cơ cấu phân khu chức năng, đề xuất giải pháp qui hoạch tổng thể kiến trúc cảnh quan.
 - Hoàn chỉnh phương án qui hoạch tổng thể chi tiết tỉ lệ 1/500.
 - Thiết kế mặt bằng qui hoạch tổng thể.
 - Nghiên cứu triển khai công trình đã chọn.
 - Thiết kế mặt bằng tổng thể và mặt đứng, mặt cắt công trình.
 - Triển khai chi tiết các thành phần kỹ thuật.
 - Hoàn chỉnh các bản vẽ và thuyết minh.

8. Mục tiêu học phần:

- Các đồ án nhằm kiểm tra kiến thức và rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức tổng hợp trong việc phân tích, xây dựng nhiệm vụ thiết kế và nghiên cứu thiết kế quần thể công trình bao gồm nhiều hạng mục công trình có chức năng khác nhau.
- Nhằm yêu cầu sinh viên nghiên cứu thiết kế và triển khai chi tiết kiến trúc - kỹ thuật các hạng mục công trình theo thể loại công trình được phân công.

- Nhằm rèn luyện kỹ năng nghiên cứu chuyên sâu các vấn đề kiến trúc - kỹ thuật, vận dụng trong việc xây dựng nhiệm vụ thiết kế và lập đề cương đồ án tốt nghiệp, khả năng vận dụng các đồ án này vào trong giai đoạn đầu tiên của quá trình thực hiện đồ án tốt nghiệp.
- Các đồ án này được nghiên cứu mang tính nối tiếp theo trình tự nghiên cứu, tự duy,sáng tác, bao gồm:
 - + Đồ án nghiên cứu chuyên đề.
 - + Đồ án tổng hợp kiến trúc - kỹ thuật.
 - + Đồ án đề cương tốt nghiệp.

9. Nội dung:

<p style="text-align: center;">NỘI DUNG (Chương,tiết)</p>	<p style="text-align: center;">Lý thuyết (tiết)</p>	<p style="text-align: center;">Thực hành (tiết)</p>	<p style="text-align: center;">Ghi chú</p>
<p>1. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU</p> <p>1.1. Khu đất xây dựng</p> <p>- Khu đất được lựa chọn là khu đất thực tế, giả định hoặc điều chỉnh khu đất đã qui hoạch có diện tích 6-10ha. Vị trí, hình dáng và điều kiện khu đất sinh viên lựa chọn phải phù hợp với nhiệm vụ thiết kế, quy mô, mật độ và qui hoạch chiều cao của phương án đề xuất.</p> <p>- Các chỉ tiêu qui hoạch kiến trúc :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lộ giới giao thông + Mật độ xây dựng + Chiều cao khống chế tối đa + Khoảng lùi xây dựng + Khoảng lùi xây dựng nếu công trình tiếp cận đường giao thông ngoại vi và địa hình đặc thù (sông, biển, núi, đồi, xa lộ,...). + Hệ số sử dụng đất + Chỉ tiêu chỗ đậu xe <p>1.2. Nội dung chức năng công trình</p> <p>Quần thể công trình nghiên cứu trong khu đất được lựa chọn theo thể loại được phân công, có các chức năng như sau :</p>	5		

<p>- Không gian công cộng :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quảng trường trung tâm. + Công viên văn hóa - nghỉ ngơi - TDTT. + Dịch vụ đô thị (bưu điện, ngân hàng, giải khát , cửa hàng nhỏ). <p>- Khu nhà ở:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cơ cấu dân cư: 5.000- 7.000 dân (tiêu chuẩn ở 8 - 12m²/ người). + Loại hình nhà ở gồm có: Nhà biệt thự (20% số dân) có diện tích đất từ 100 -400m², độ cao từ 1-2 tầng, dạng nhà biệt thự đơn lập - song lập, có quy mô 2-4 phòng ngủ. Nhà ở chung cư thấp tầng (chiếm 30% số dân)có quy mô 5-7 tầng. Nhà ở chung cư cao tầng (50% số dân) có quy mô 15-24 tầng. Ký túc xá cao tầng (quy mô 5.000- 10.000 sinh viên)có quy mô 9-24 tầng. + Chú ý: Loại nhà chung cư có các loại căn hộ A-1 phòng ngủ (chiếm 29%), căn hộ B-2 phòng ngủ (chiếm 50%), căn hộ C-3 phòng ngủ (chiếm 20%), căn hộ penthouse 3-4 phòng ngủ (chiếm 10%). <p>- Công trình thương mại - dịch vụ: có diện tích đất 5.000- 6.000m², có quy mô 9-15 tầng, gồm chức năng mua sắm, giải trí, nhà hàng ăn uống, dịch vụ sức khỏe, thẩm mỹ ,...</p> <p>- Cụm công trình trường học, bệnh viện, nghỉ dưỡng, TDTT cho khu vực tại khu đất nghiên cứu.</p> <p>- Các công trình phúc lợi công cộng: Câu lạc bộ giải trí, nhà triển lãm, TDTT, bưu điện, ngân hàng ,... có quy mô diện tích đất chiếm khoảng 10%.</p> <p>- Ngoài ra, còn có các công trình phụ như: trạm điện, trạm bơm, thủy đài, trạm xử lý nước thải, bãi xe công cộng, trạm xe bus, taxi, công viên cây xanh,...được bố trí sao cho hài hòa, cân đối, có tỉ lệ phù hợp (dựa theo quy chuẩn qui hoạch - xây dựng Việt Nam).</p> <p>2. Yêu cầu nghiên cứu của đồ án</p> <p>2.1. Giai đoạn 1 (tuần 1,2,3,4): qui hoạch tổng thể</p>	5		
---	---	--	--

<p>- Dựa trên kết quả nghiên cứu đồ án chuyên đề, sinh viên triển khai phân khu chức năng và đề xuất phương án qui hoạch tổng thể tối ưu (phương án chọn). Trong đó sinh viên nghiên cứu mật độ xây dựng, chiều cao tầng, lộ giới, tổ chức giao thông đối nội - đối ngoại và không gian cây xanh.</p> <p>- Giai đoạn thể hiện nghiên cứu trên 2 bản vẽ A 1 (có thể có mô hình tỉ lệ 1/500). Nội dung bản vẽ bao gồm: thể hiện bản vẽ cơ cấu phân khu chức năng(trong đó có phương án chọn) TL 1/400 ÷ 1/500 thể hiện rõ các công trình nghiên cứu.Các sơ đồ phân tích và thuyết minh đặc điểm các phương án.</p> <p>- GVHD từng nhóm sẽ đánh giá xếp loại và quyết định sinh viên có được tiếp tục giai đoạn 2 hay không.Các bản vẽ và mô hình này sinh viên tự hoàn chỉnh và nộp cùng kết quả cuối cùng của giai đoạn 2 đồ án tổng hợp.</p>		35	
<p>2.2. Giai đoạn 2 (tuần 5,6,7,8): thiết kế công trình và triển khai chi tiết kỹ thuật.</p> <p>Nội dung nghiên cứu:</p> <p>- Phần kiến trúc: các thành phần bản vẽ mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt, phối cảnh TL 1/200 ÷ 1/100.</p> <p>- Phần kỹ thuật: bắt buộc nghiên cứu và thể hiện 2 trong 5 thành phần sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kết cấu công trình cao tầng + Trang trí nội ngoại thất công trình. + Hệ thống cấp thoát nước công trình hoặc tổng thể. + Hệ thống cấp điện - ĐHKK -Thông gió - PCCC công trình. + Cấu tạo đặc biệt kiến trúc - trang thiết bị kỹ thuật công trình cao tầng. <p>Tuần 9: Thể hiện đồ án.</p> <p>Kết quả đồ án bao gồm giai đoạn 1 & giai đoạn 2 gồm tập thuyết minh khổ A 4 và các bản vẽ khổ A 1 (2 bản vẽ giai đoạn 1 và các bản vẽ giai đoạn 2).</p>		40	10
Tổng	5	85	

10. Phần tài liệu tham khảo:

11. GS.TS. Nguyễn Thế Bá, 2016. *Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị*, NXB Xây dựng Hà Nội,
12. Đặng Thái Hoàng, 2010. *Lịch sử đô thị*, NXB Xây dựng-
13. TS. Võ Kim Cương, 2013. *Chính sách đô thị (tầm nhìn bao quát và hệ thống của nhà quản lý đô thị)*, NXB Xây dựng
14. TS.KTS. Nguyễn Quốc Thông, 2013. *Lịch sử xây dựng đô thị cổ đại và trung đại phương tây*, NXB Xây dựng.
15. TS. Phạm Trọng Mạnh, 2013. *Quản lý đô thị*, NXB Xây dựng Hà Nội
16. TSKT.Iu.P.Bocharov- PTSKHKT. O.K. Kudriavcev- dịch thuật KTS. Lê Phục Quốc , 2012. *Cơ cấu quy hoạch của thành phố hiện đại*, NXB Xây dựng Hà Nội-
17. *Hệ thống bài tập và đồ án kiến trúc* , NXB ĐH Kiến trúc Hà Nội, 2015
18. *Đồ án tổ chức kiến trúc sư*, NXB ĐH Kiến trúc Hà Nội, 2014
19. Nguyễn Đăng Sơn 2006. *Phương pháp tiếp cận mới về Quy hoạch và quản lý đô thị*, Tập 1,2 NXB Xây dựng Hà Nội
20. *Giáo trình thiết kế kiến trúc nhà dân dụng – Bộ Xây dựng – NXB Xây dựng.*
21. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng*,1987. NXB.Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM
22. Trần Bút, 1997. *Lý thuyết sáng tác kiến trúc - - Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM*
23. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiềm, 2004.*Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.
24. Đặng Thái Hoàng, 1996. *Kiến trúc nhà ở*, NXB Xây dựng.
25. Nguyễn Đức Thiềm, 2005. *Kiến trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất*, NXB Xây dựng.
26. *GT-Nguyên lý thiết kế kiến trúc nội thất*, NXB. Hà Nội

27. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

Điểm đồ án cuối kỳ : 100%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. **Tên học phần:** ĐỒ ÁN TỔNG HỢP B: CAO ỐC VĂN PHÒNG
2. **Số tín chỉ:** 3 (0,3)
3. **Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
4. **Ngành đào tạo:** Kiến trúc
5. **Phân bố thời gian**
 - Thực hành: 90 tiết
 - Tự học: 180 tiết
6. **Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường
7. **Mô tả tóm tắt học phần:**
 - Thu thập tài liệu, số liệu, bản đồ, khảo sát hiện trạng khu đất. Nghiên cứu và phân tích khu đất xây dựng.
 - Chọn phương án cơ cấu phân khu chức năng, đề xuất giải pháp qui hoạch tổng thể kiến trúc cảnh quan.
 - Hoàn chỉnh phương án qui hoạch tổng thể chi tiết tỉ lệ 1/500.
 - Thiết kế mặt bằng qui hoạch tổng thể.
 - Nghiên cứu triển khai công trình đã chọn.
 - Thiết kế mặt bằng tổng thể và mặt đứng, mặt cắt công trình.
 - Triển khai chi tiết các thành phần kỹ thuật.
 - Hoàn chỉnh các bản vẽ và thuyết minh.
8. **Mục tiêu học phần:**
 - Các đồ án nhằm kiểm tra kiến thức và rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức tổng hợp trong việc phân tích, xây dựng nhiệm vụ thiết kế và nghiên cứu thiết kế quần thể công trình bao gồm nhiều hạng mục công trình có chức năng khác nhau.
 - Nhằm yêu cầu sinh viên nghiên cứu thiết kế và triển khai chi tiết kiến trúc - kỹ thuật các hạng mục công trình theo thể loại công trình được phân công.
 - Nhằm rèn luyện kỹ năng nghiên cứu chuyên sâu các vấn đề kiến thức - kỹ thuật, vận dụng trong việc xây dựng nhiệm vụ thiết kế và lập đề cương đồ án tốt

<p>+ Quảng trường trung tâm.</p> <p>+ Các quảng trường chức năng: cây xanh, lễ hội, văn hóa, nghệ thuật ,chính trị,...có bố trí các quần thể kiến trúc nhỏ phục vụ cho sinh hoạt giải trí,giao lưu, nghỉ ngơi.</p> <p>+ Công trình dịch vụ đô thị (giải khát,nhà hàng, ngân hàng, bưu chính viễn thông, điện thoại công cộng, trạm xe bus, cửa hàng nhỏ,...)</p> <p>- Công trình cao ốc văn phòng giao dịch: Quy mô 15-30 tầng.</p> <p>- Công trình thương mại,dịch vụ, giải trí:Quy mô 5-24 tầng, bố trí chức năng mua sắm, triển lãm, giải trí, ăn uống, rạp chiếu phim, TDTT, câu lạc bộ sinh hoạt, dịch vụ sức khỏe, thẩm mỹ,....</p> <p>- Công trình tập luyện TDTT: có quy mô 4.000 - 5.000 chỗ (tiêu chuẩn 0,8m²/ chỗ ngồi).</p> <p>- Công trình văn hóa nghệ thuật: Quy mô 1-5 tầng, chức năng biểu diễn nghệ thuật trong nhà, ngoài trời, chiếu phim kỹ thuật cao (3D, 4D), triển lãm trưng bày nghệ thuật.</p> <p>- Khối công trình khách sạn - resort - motel - nghỉ dưỡng: có quy mô 100-150 phòng với nhóm loại phòng nghỉ dưỡng khác nhau.</p> <p>- Công trình bệnh viện: Quy mô 5-15 tầng, có 150 - 300 giường.</p> <p>- Công trình trường đại học: Quy mô 5.000-10.000 sinh viên.</p> <p>- Khối kỹ thuật phụ trợ như: trạm điện trung tâm, trạm bơm trung tâm, thủy đài, trạm xử lý nước thải trung tâm, bãi xe công cộng, trạm xe bus, taxi, công viên cây xanh được bố trí sao cho hài hòa, cân đối, có tỉ lệ phù hợp với quy mô các công trình (dựa theo quy chuẩn qui hoạch XDVN).</p> <p>2. Yêu cầu nghiên cứu của đề án</p> <p>2.1. Giai đoạn 1 (tuần 1,2,3,4): qui hoạch tổng thể</p> <p>- Dựa trên kết quả nghiên cứu đề án chuyên đề, sinh viên</p>	5	10	
---	---	----	--

triển khai phân khu chức năng và đề xuất phương án qui hoạch tổng thể tối ưu (phương án chọn). Trong đó sinh viên nghiên cứu mật độ xây dựng, chiều cao tầng, lộ giới, tổ chức giao thông đối nội - đối ngoại và không gian cây xanh.

- Giai đoạn thể hiện nghiên cứu trên 2 bản vẽ A 1 (có thể có mô hình tỉ lệ 1/500). Nội dung bản vẽ bao gồm: thể hiện bản vẽ cơ cấu phân khu chức năng(trong đó có phương án chọn) TL 1/400 - 1/500 thể hiện rõ các công trình nghiên cứu.Các sơ đồ phân tích và thuyết minh đặc điểm các phương án.

- GVHD từng nhóm sẽ đánh giá xếp loại và quyết định sinh viên có được tiếp tục giai đoạn 2 hay không.Các bản vẽ và mô hình này sinh viên tự hoàn chỉnh và nộp cùng kết quả cuối cùng của giai đoạn 2 đồ án tổng hợp.

2.2. Giai đoạn 2 (tuần 5,6,7,8): thiết kế công trình và triển khai chi tiết kỹ thuật.

Nội dung nghiên cứu:

- Phần kiến trúc: các thành phần bản vẽ mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt, phối cảnh TL 1/200 1/100.

- Phần kỹ thuật: bắt buộc nghiên cứu và thể hiện 2 trong 5

thành phần sau:

- + Kết cấu công trình cao tầng
- + Trang trí nội ngoại thất công trình.
- + Hệ thống cấp thoát nước công trình hoặc tổng thể.
- + Hệ thống cấp điện - ĐHKK -Thông gió - PCCC công trình.
- + Cấu tạo đặc biệt kiến trúc - trang thiết bị kỹ thuật công trình cao tầng.

Tuần 9: Thể hiện đồ án.

Kết quả đồ án bao gồm giai đoạn 1 & giai đoạn 2 gồm tập thuyết minh khổ A 4 và các bản vẽ khổ A 1 (2 bản vẽ giai đoạn 1 và các bản vẽ giai đoạn 2).

Tổng	5	85	
-------------	----------	-----------	--

10. Tài liệu tham khảo:

28. [1]. GS.TS. Nguyễn Thế Bá, 2016. *Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị*, NXB Xây dựng Hà Nội,
29. Đặng Thái Hoàng, 2010. *Lịch sử đô thị*, NXB Xây dựng-
30. TS. Võ Kim Cương, 2013. *Chính sách đô thị (tầm nhìn bao quát và hệ thống của nhà quản lý đô thị)*, NXB Xây dựng
31. TS.KTS. Nguyễn Quốc Thông, 2013. *Lịch sử xây dựng đô thị cổ đại và trung đại phương tây*, NXB Xây dựng.
32. TS. Phạm Trọng Mạnh, 2013. *Quản lý đô thị*, NXB Xây dựng Hà Nội
33. TSKT.Iu.P.Bocharov- PTSKHKT. O.K. Kudriavcev- dịch thuật KTS. Lê Phục Quốc , 2012. *Cơ cấu quy hoạch của thành phố hiện đại*, NXB Xây dựng Hà Nội-
34. *Hệ thống bài tập và đề án kiến trúc* , NXB ĐH Kiến trúc Hà Nội, 2015
35. *Đề án tổ chức kiến trúc sư*, NXB ĐH Kiến trúc Hà Nội, 2014
36. Nguyễn Đăng Sơn 2006. *Phương pháp tiếp cận mới về Quy hoạch và quản lý đô thị*, Tập 1,2 NXB Xây dựng Hà Nội
37. *Giáo trình thiết kế kiến trúc nhà dân dụng – Bộ Xây dựng – NXB Xây dựng.*
38. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng*,1987. NXB.Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM
39. Trần Bút, 1997. *Lý thuyết sáng tác kiến trúc - - Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM*
40. GS.TS.KTS Nguyễn Đức Thiêm, 2004. *Nguyên lý thiết kế kiến trúc công trình dân dụng, nhà ở và nhà công cộng*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.
41. Đặng Thái Hoàng, 1996. *Kiến trúc nhà ở*, NXB Xây dựng.
42. Nguyễn Đức Thiêm, 2005. *Kiến trúc cơ sở phục vụ thiết kế nội ngoại thất*, NXB Xây dựng.
43. *GT-Nguyên lý thiết kế kiến trúc nội thất*, NXB. Hà Nội

Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, sửa bài các buổi học)
- Thường xuyên: 30% (thuyết trình nhóm).
- Thi cuối kỳ: 50% (Sinh viên sẽ làm một đề án lớn. Đề án này sẽ thay cho bài thi cuối kỳ).

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** XÃ HỘI HỌC ĐÔ THỊ
- Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Kiến trúc
- Phân bố thời gian**
 - Lý thuyết: 30 tiết
 - Tự học: 60 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường
- Mô tả tóm tắt học phần:**

Học phần xã hội học đại cương trình bày nội dung cơ bản của Xã hội học: đối tượng nghiên cứu, hệ thống khái niệm, những vấn đề cơ bản của Xã hội học; Một số nhà xã hội học kinh điển và hiện đại với những quan điểm lý thuyết của họ đóng góp vào sự phát triển của Xã hội học; Giới thiệu hướng tiếp cận lý thuyết của Xã hội học; Phương pháp nghiên cứu xã hội và phương pháp nghiên cứu xã hội học.

8. Mục tiêu học phần:

- Kiến thức: Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên có kiến thức và hiểu biết cơ bản các quy luật khách quan của các quá trình phát triển xã hội, về bản chất của hiện thực xã hội, về mối tác động qua lại giữa con người và xã hội, xác định rõ nguồn gốc của các quá trình và hiện tượng xã hội.
- Kỹ năng: Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên có hiểu biết về các kỹ năng sống hài hòa với xã hội.
- Thái độ, chuyên cần: Sinh viên có thái độ học tập nghiêm túc, chăm chỉ.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Ghi chú
Bài 1: Xã hội học I. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học	5		

<p>1. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học</p> <p>2. Chức năng của xã hội học</p> <p>3. Các chuyên ngành xã hội học và các ngành sử dụng kiến thức xã hội học</p> <p>4. Xã hội học và các khoa học xã hội</p> <p>II. Phương pháp nghiên cứu xã hội học</p> <p>1. Quy trình nghiên cứu</p> <p>2. Phương pháp thu thập và xử lý thông tin</p>			
<p>Bài 2: Sự phát triển của xã hội học</p> <p>I. Hoàn cảnh ra đời của xã hội học</p> <p>1. Những điều kiện kinh tế - xã hội</p> <p>2. Những điều kiện chính trị</p> <p>3. Những điều kiện khoa học, lý luận, tư tưởng</p> <p>II. Các nhà xã hội kinh điển</p> <p>1. Auguste Comte (1798 - 1857)</p> <p>2. Emile Durkheim (1858 - 1917)</p> <p>3. H. Spencer (1820 - 1903)</p> <p>4. Max Weber (1864 - 1920)</p> <p>5. Karl Marx (1818 - 1883)</p> <p>III. Các hướng tiếp cận trong nghiên cứu xã hội học</p> <p>1. Tiếp cận duy chức năng</p> <p>2. Tiếp cận duy xung đột</p> <p>3. Tiếp cận tương tác xã hội</p> <p>4. Tiếp cận xã hội đa chiều cạnh</p>	5		
<p>Bài 3: Cá nhân và xã hội</p> <p>I. Văn hóa</p> <p>1. Văn hóa là gì?</p> <p>2. Các thành tố của văn hóa</p> <p>3. Biến thể của văn hóa</p> <p>4. Các quan điểm xã hội học về văn hóa</p>	10		

<p>II. Xã hội hóa</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vai trò của xã hội hóa 2. Cái tôi cá thể và sự xã hội hóa 3. Các tác nhân của xã hội hóa <p>III. Sự lệch chuẩn</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chuẩn mực, giá trị 2. Sự sai lệch 3. Giải thích về sự sai lệch 4. Kiểm soát xã hội 			
<p>Bài 4: Tổ chức xã hội</p> <p>I. Nhóm và tổ chức xã hội</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhóm 2. Tổ chức 3. Sự thay đổi của tổ chức và tác động của công nghệ đến việc tổ chức nơi làm việc <p>II. Thiết chế xã hội</p> <p>III. Tương tác xã hội và cấu trúc xã hội</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tương tác xã hội và mạng lưới xã hội 2. Các yếu tố của cấu trúc xã hội 3. Quan điểm xã hội học về cấu trúc xã hội 	5		
<p>Bài 5: Sự phân tầng xã hội, di động xã hội và bất bình đẳng xã hội</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các hệ thống phân tầng 2. Tiếp cận lý thuyết xã hội học về phân tầng xã hội và di động xã hội 3. Sự phân chia các tầng lớp xã hội 4. Tính di động xã hội 5. Bất bình đẳng xã hội 6. Phân tầng xã hội trên thế giới 7. Biến đổi xã hội 	5		
Tổng	30		

10. Phần tài liệu tham khảo:

1. TS.KTS. Đỗ Hậu, 2012. *Xã hội học đô thị*, NXB Xây dựng Hà Nội.
2. TS. Phạm Trọng Mạnh, 2013. *Quản lý đô thị*, NXB Xây dựng Hà Nội.
3. PGS.TS. Lưu Đức Hải (chủ biên)- ThS. Đinh Quốc Thái, 2013. *Quy hoạch giao thông đô thị bền vững*, NXB Xây dựng Hà Nội.
4. PGS.TS. Trần Trọng Hanh, 2008. *Công tác thực hiện quy hoạch xây dựng đô thị*, NXB Xây dựng Hà Nội.
5. PGS. Trần Hùng, 2003. *Đô thị cổ Bắc Kinh*, NXB Xây dựng Hà Nội.

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

- Tên học phần:** KINH TẾ XÂY DỰNG
- Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- Hệ đào tạo:** Đại học chính quy
- Ngành đào tạo:** Kiến trúc
- Phân bố thời gian**
 - Lý thuyết: 30 tiết
 - Tự học: 60 tiết
- Bộ môn phụ trách giảng dạy (Giảng viên phụ trách):** Khoa Kiến trúc – Xây dựng – Môi trường
- Mô tả tóm tắt học phần:**

Học phần gồm 8 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức về: Xây dựng cơ bản trong nền kinh tế quốc dân; Tổ chức quản lý công nghiệp xây dựng; Vốn đầu tư và hiệu quả kinh tế vốn đầu tư; Cơ sở kinh tế của giải pháp thiết kế trong xây dựng; Các loại hình của doanh nghiệp – Khái quát về quản lý sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp xây dựng; Năng suất lao động và tiền lương trong xây dựng; Vốn của các doanh nghiệp xây dựng; Hạch toán kinh tế trong xây dựng.

8. Mục tiêu học phần

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm của sản phẩm, sản xuất xây dựng và tổ chức quản lý Nhà nước về đầu tư xây dựng.
- Những kiến thức cơ bản về tổ chức sản xuất xây dựng của chủ đầu tư và nhà thầu xây dựng.
- Những kiến thức cơ bản về hoạt động đầu tư, về Dự án đầu tư xây dựng công trình, về quản lý kinh tế các dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Những kiến thức cơ bản về tiến bộ khoa học công nghệ trong xây dựng, về công nghiệp hóa xây dựng và các hình thức công nghiệp hóa.
- Những kiến thức cơ bản về tổ chức thiết kế xây dựng công trình.

9. Nội dung:

NỘI DUNG (Chương, tiết)	Lý thuyết	Thực hành	Ghi chú
-------------------------	-----------	-----------	---------

	(tiết)	(tiết)	
<p>Chương I: Xây dựng cơ bản trong nền kinh tế quốc dân</p> <p>I. Vai trò của xây dựng cơ bản trong nền kinh tế quốc dân</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm xây dựng cơ bản 2. Vai trò của ngành công nghiệp xây dựng trong nền kinh tế quốc dân <p>II. Những đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của ngành xây dựng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đặc điểm của sản phẩm xây dựng 2. Đặc điểm của quá trình sản xuất xây dựng 	2		
<p>Chương II: Tổ chức quản lý công nghiệp xây dựng</p> <p>I. Các khái niệm cơ bản về tổ chức quản lý</p> <p>II. Các nguyên tắc quản lý kinh tế</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyên tắc thống nhất lãnh đạo giữa chính trị và kinh tế 2. Nguyên tắc tập trung dân chủ 3. Nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ 4. Nguyên tắc kết hợp hài hòa lợi ích trong quản lý kinh tế 	3		
<p>Chương III: Vốn đầu tư và hiệu quả kinh tế vốn đầu tư</p> <p>I. Vốn đầu tư</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm vốn đầu tư 2. Mục tiêu của đầu tư 3. Thành phần vốn đầu tư xây dựng cơ bản <p>II. Hiệu quả kinh tế vốn đầu tư</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm và tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả kinh tế vốn đầu tư 2. Giá trị tiền tệ theo thời gian 	2		

<p>3. Phương pháp đánh giá phân tích dự án đầu tư</p> <p>4. Biện pháp nâng cao hiệu quả kinh tế vốn đầu tư trong xây dựng</p>			
<p>Chương IV: Cơ sở kinh tế của giải pháp thiết kế trong xây dựng</p> <p>I. Ý nghĩa của công tác thiết kế trong xây dựng</p> <p>II. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của một giải pháp thiết kế</p> <p>1. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tính toán đối với công trình công nghiệp</p> <p>2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tính toán đối với công trình dân dụng, công cộng</p> <p>III. Phương pháp so sánh các phương án thiết kế</p> <p>IV. Phương pháp so sánh các phương án thiết kế công trình công nghiệp</p> <p>V. Phương pháp so sánh phương án thiết kế của các công trình dân dụng</p>	3		
<p>Chương V: Các loại hình của doanh nghiệp – Khái quát về quản lý sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp xây dựng</p> <p>I. Các loại hình của doanh nghiệp</p> <p>1. Khái niệm về doanh nghiệp</p> <p>2. Các loại hình doanh nghiệp</p> <p>2.1. Doanh nghiệp nhà nước</p> <p>2.2. Doanh nghiệp tư nhân</p> <p>2.3. Công ty</p> <p>2.4. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</p> <p>2.5. Hợp tác xã</p> <p>II. Khái quát về quản lý sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp xây dựng</p> <p>1. Khái niệm và đặc điểm của quản lý sản xuất - kinh doanh xây dựng</p>	5		

<p>1.1. Khái niệm về quản lý sản xuất - kinh doanh xây dựng</p> <p>1.2. Một số đặc điểm của công tác quản lý sản xuất - kinh doanh xây dựng</p> <p>2. Các loại hình cơ cấu tổ chức quản lý sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng</p> <p>2.1. Cơ cấu kiểu trực tuyến</p> <p>2.2. Cơ cấu kiểu chức năng</p> <p>2.3. Cơ cấu kiểu trực tuyến – chức năng</p> <p>2.4. Cơ cấu kiểu trực tuyến – tham mưu</p> <p>2.5. Cơ cấu khung</p> <p>2.6. Cơ cấu phi hình thức</p> <p>3. Một số mô hình cơ cấu tổ chức quản lý doanh nghiệp xây dựng cụ thể hiện có</p> <p>3.1. Công ty xây dựng</p> <p>3.2. Tổng công ty xây dựng</p> <p>3.3. Xí nghiệp liên hợp</p> <p>3.4. Liên hiệp các xí nghiệp</p> <p>3.5. Tập đoàn xây dựng</p> <p>4. Công tác quản lý kỹ thuật và chất lượng công trình</p> <p>4.1. Công tác quản lý kỹ thuật trong doanh nghiệp</p> <p>4.2. Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng</p> <p>4.3. Công tác nghiệm thu công trình xây dựng</p>			
<p>Chương VI: Năng suất lao động và tiền lương trong xây dựng</p> <p>I. Lao động và tổ chức lao động</p> <p>1. Lao động và cơ cấu lao động</p> <p>2. Tổ chức lao động khoa học</p> <p>II. Năng suất lao động trong xây dựng</p> <p>1. Khái niệm, ý nghĩa của năng suất lao động</p> <p>2. Các chỉ tiêu đặc trưng năng suất lao động trong xây</p>	5		

<p>dựng</p> <p>3. Đánh giá năng suất lao động</p> <p>4. Các nhân tố ảnh hưởng và biện pháp tăng NSLĐ</p> <p>III. Tổ chức tiền lương trong xây dựng</p> <p>1. Bản chất, ý nghĩa và nguyên tắc xác định tiền lương</p> <p>2. Tổ chức tiền lương công nhân</p> <p>3. Công tác tổ chức tiền lương chức vụ -chức danh (cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật và viên chức)</p>			
<p>Chương VII: Vốn của các doanh nghiệp xây dựng</p> <p>I. Vốn cố định – tài sản cố định</p> <p>1. Khái niệm, phân loại tài sản cố định</p> <p>2. Đánh giá TSCĐ</p> <p>3. Hao mòn và khấu hao TSCĐ</p> <p>4. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn cố định – TSCĐ</p> <p>5. Bảo toàn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định</p> <p>II. Vốn lưu động</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Phân loại vốn lưu động</p> <p>3. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động</p> <p>4. Biện pháp tăng nhanh tốc độ luân chuyển vốn lưu động</p>	5		
<p>Chương VIII: Hạch toán kinh tế trong xây dựng</p> <p>I. Khái niệm hạch toán kinh tế</p> <p>II. Tác dụng của chế độ hạch toán kinh tế</p> <p>III. Những nguyên tắc cơ bản của hạch toán kinh tế</p> <p>1. Đảm bảo quyền độc lập và tự chủ về nghiệp vụ kinh doanh theo quy định pháp luật của Nhà nước</p> <p>2. Đơn vị phải lấy thu nhập bù đắp chi phí để đảm bảo có lãi</p>	5		

<p>3. Đơn vị tiến hành hạch toán kinh tế phải nâng cao trách nhiệm vật chất và đảm bảo lợi ích vật chất của tập thể và cá nhân trong đơn vị</p> <p>4. Thực hiện sự giám sát chi phí đối với mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị</p> <p>IV. Hình thức và nội dung tổ chức hạch toán kinh tế</p> <p>1. Hình thức hạch toán kinh tế</p> <p>2. Nội dung của hạch toán kinh tế</p> <p>3. Nhiệm vụ cụ thể các bộ phận của đơn vị tham gia hạch toán kinh tế</p> <p>V. Những việc cần làm để thực hiện chế độ hạch toán kinh tế</p> <p>1. Kiểm kê, đánh giá tài sản, xác định tiền vốn</p> <p>2. Xác định và không ngừng hoàn thiện các định mức</p>			
Tổng	30		

10. Tài liệu tham khảo:

- [1]. *Bài giảng và bài tập* do giáo viên biên soạn.
- [2]. *Quản lý nhà nước về kinh tế và quản trị kinh doanh trong xây dựng* – GS.TS Nguyễn Văn Chơn – NXB Xây dựng, 1999.
- [3]. *Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.*
- [4]. *Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/06/2007 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.*
- [5]. *Luật Xây dựng* – Số 16/2003/QH 11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội.
- [6]. *Luật Đấu thầu* – Số 61/2005/QH 11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội.
- [7]. *Các tài liệu tập huấn nghiệp vụ Kinh tế xây dựng của Viện kinh tế xây dựng* – Bộ Xây dựng từ các năm 2000 - 2008

11. Phương pháp đánh giá học phần: (số tiêu chí đánh giá tương ứng số tín chỉ)

- Chuyên cần: 20% (điểm danh, phát biểu, thảo luận nhóm...).
- Thường xuyên: 30% (Kiểm tra giữa kỳ, sinh viên làm 1 bài thi kiểm tra giữa kỳ, hình thức thi: tự luận).
- Thi cuối kỳ: 50% (Hình thức thi: tự luận)

